

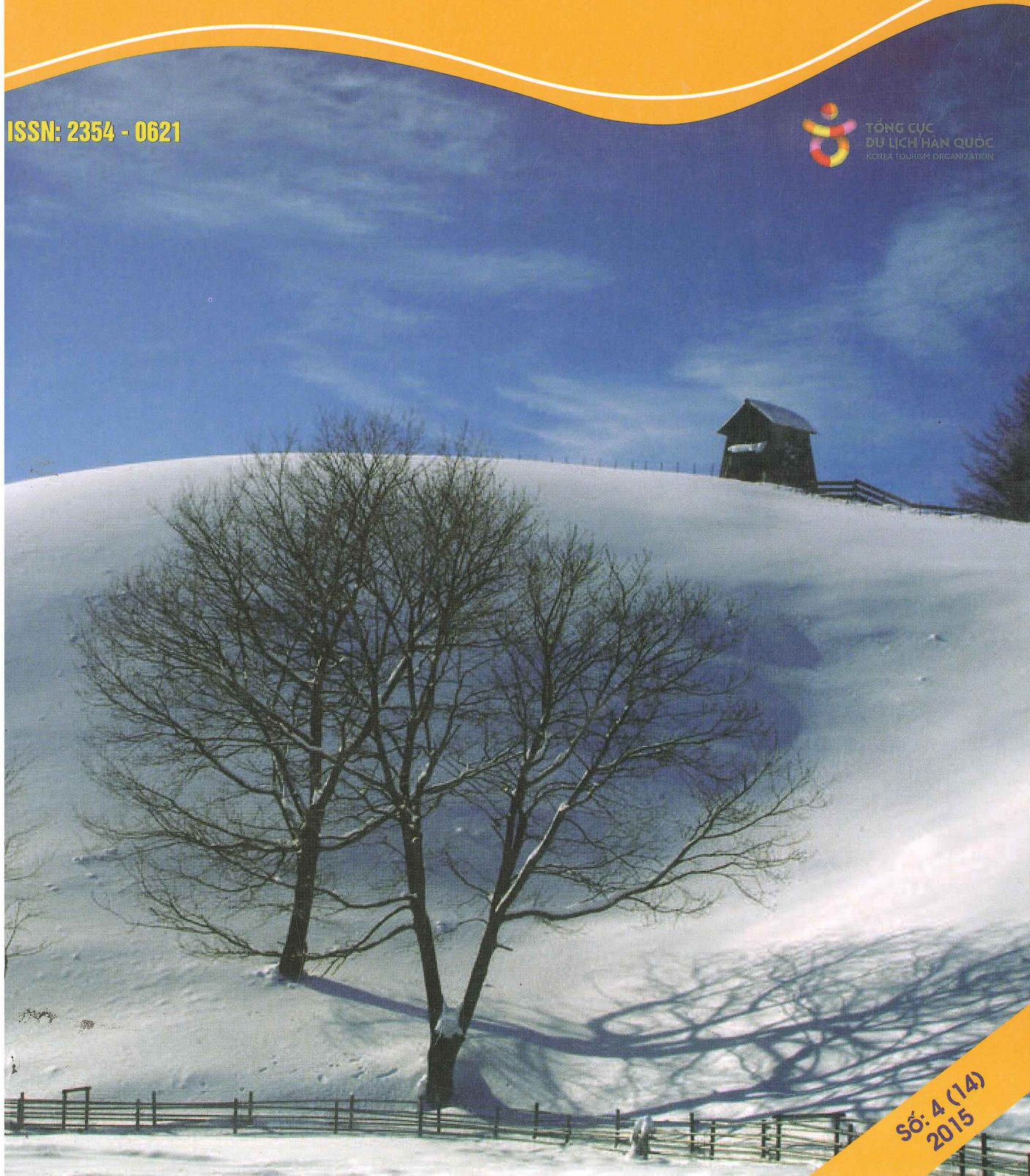
TẠP CHÍ HÀN QUỐC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN: 2354 - 0621



TỔNG CỤC
DU LỊCH HÀN QUỐC
KOREA TOURISM ORGANIZATION



SỐ: 4 (14)
2015

TẠP CHÍ HÀN QUỐC

Số 4 (14)
2015

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN 2354 - 0621

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS. MAI NGỌC CHỪ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Th.S ĐẶNG THIẾU NGÂN

TRƯỞNG PHÒNG TRỊ SỰ
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM

TRƯỞNG PHÒNG ĐỐI NGOẠI
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
GS.TS. MAI NGỌC CHỪ

Phó chủ tịch
TS. PARK JI HOON

Ủy viên
Th.S ĐẶNG THIẾU NGÂN
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM
PGS.TS. PHAN THU HIỀN
TS. TRẦN VĂN TIẾNG
TS. LÊ ĐĂNG HOAN
TS. LÝ XUÂN CHUNG
Th.S LÊ THỊ THU GIANG
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG
TS. NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG

Toà soạn: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0912211106; 0918485969; 01646996986
Email: tapchihanquoc@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 1232/GP-BTTTT
In tại: Công ty TNHH Đầu tư
và Dịch vụ kỹ thuật Tường Thủy

Mục lục

HÀN QUỐC HỌC

- TRẦN THỊ HƯỜNG - CAO THỊ HẢI BÁC** 3
Ảnh hưởng của Hàn lưu tại Việt Nam nhìn từ góc độ liên ngành
- LÊ THỊ THU GIANG** 27
Hàn Quốc học Việt Nam đến thời điểm 2015
- CAO THỊ HẢI BÁC** 42
Ảnh hưởng của Hàn lưu đến việc xuất bản sách học tiếng Hàn, sách dịch truyện tranh và văn học Hàn Quốc
- PHAN THỊ OANH** 56
Vai trò của điện ảnh trong làn sóng văn hóa Hàn Quốc

GIÁO DỤC TIẾNG HÀN

- NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG** 64
Nghiên cứu lỗi từ vựng và phương thức giảng dạy từ vựng tiếng Hàn trình độ Trung cấp cho người Việt

GÓC THƯỜNG THỨC

- PHẠM HỒNG NHUNG** 73
Bát quán hội (八關會)

한국학 저널

베트남 한국학술연구회

제4(14)호
2015년

ISSN 2354 - 0621

발행인

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부발행인

M.A. DANG THIEU NGAN

감수

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

대외협력부 부장

Ph.D. TRAN THI HUONG

편집위원회

위원장

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부위원장

Ph.D. PARK JI HOON

위원

M.A. DANG THIEU NGAN

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

A.Prof.Ph.D. PHAN THU HIEN

Ph.D. TRAN VAN TIENG

Ph.D. LE DANG HOAN

Ph.D. LY XUAN CHUNG

M.A. LE THI THU GIANG

Ph.D. TRAN THI HUONG

Ph.D. NGHIEM THI THU HUONG

목록

한국학

TRAN THI HUONG - CAO THI HAI BAC 3

학제간 접근을 통해 본 베트남에서의 한류의 영향에 대한 고찰

LE THI THU GIANG 27

2015년 베트남에서의 한국학 현황

CAO THI HAI BAC 42

한국어 교재, 만화 및 문학작품 번역 출판과 한류의 영향

PHAN THI OANH 56

한류가 가져온 한국 영상 작품의 역할

한국어 교육

NGUYEN THI THU HUONG 64

한국어 중급과정의 베트남 학습자의 어휘오류와 어휘교수 방안에 대한 연구

사회 문화체험

PHAM HONG NHUNG 73

팔관회 (八關會)

발행: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
문의: 0912211106; 0918485969; 01646996986
이메일: tapchihanquoc@gmail.com;

발행허가: 1232/GP-BTTTT

인쇄: Công ty TNHH Đầu tư và DVKT Tường Thủy

ẢNH HƯỞNG CỦA HÀN LƯU TẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LIÊN NGÀNH

Trần Thị Hường* - Cao Thị Hải Bắc**

Năm 2014 Hội Nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam (KRAV) dưới sự tài trợ của Trung tâm văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam đã thực hiện đề tài "Nghiên cứu về hiện tượng Hàn lưu trong đời sống văn hóa Việt Nam". Kết quả nghiên cứu của đề tài được trích đăng trong Tạp chí Hàn Quốc số 3 và số 4/2015.

Dưới đây là nội dung Phần 2 của Đề tài.

4.2. Ảnh hưởng của ngành công nghiệp văn hóa như thời trang, mỹ phẩm, đồ điện tử, game trực tuyến

Theo kết quả nghiên cứu, so với các nước châu Á khác, thời trang và mỹ phẩm Hàn Quốc đang giữ vị trí thứ nhất

trong lòng người Việt, đặc biệt là giới trẻ, với 73%. Mỹ phẩm Nhật Bản được ưa thích ở vị trí thứ hai với 50%. Tiếp đến là tỉ lệ ưa dùng mỹ phẩm Thái Lan chiếm 40% và mỹ phẩm Trung Quốc xếp vị trí cuối cùng chỉ với 30%.

Người Việt biết đến thời trang và mỹ phẩm Hàn Quốc chủ yếu thông qua phim truyền hình hay phim điện ảnh (89%). Cũng giống như phim ảnh và Kpop, thời trang và mỹ phẩm Hàn Quốc đang làm thay đổi suy nghĩ của giới trẻ Việt Nam. Quan niệm về "mỹ" (美) như cách ăn mặc, trang điểm, đầu tóc đang chuyển dần từ nếp nghĩ truyền thống sang tư tưởng hiện đại.

Chị C (35 tuổi) chia sẻ: “*Trước đây mỗi khi đi ra ngoài tôi không thích trang điểm. Vì tôi nghĩ mỹ phẩm không chỉ hại da mà còn làm mất đi vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Nhưng từ khi xem nhiều phim Hàn Quốc và tiếp xúc với nhiều người Hàn, tôi dần nhận ra phong cách thời trang và cách trang điểm nữ tính kiểu Hàn Quốc giúp cho phụ nữ trẻ trung hơn, năng động hơn và tự tin hơn*”.

* TS., Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.

** Th., Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.

Thời đại sử dụng hàng Trung Quốc đang lùi xa. Ngay từ khi bắt đầu vào Việt Nam, hàng Hàn Quốc, đặc biệt là hàng điện tử đã được người Việt Nam ưa chuộng. Tôi tin là các sản phẩm điện tử Hàn Quốc còn phát triển hơn nữa ở thị trường Việt Nam trong tương lai. Tuy giá cả hơi cao nhưng chất lượng tốt và an toàn là điều quan trọng hơn cả. Gia đình và bạn bè chúng tôi đều đang dùng đồ điện tử của Hàn Quốc. (Anh D, 30 tuổi)

Sản phẩm điện tử là thứ không thể không nhắc đến khi nói về Hàn lưu. Cùng với Hàn lưu tại Việt Nam, mỹ phẩm và điều hòa của tập đoàn LG chiếm vị trí số 1 về tỉ lệ chiếm lĩnh thị trường tại Việt Nam. Doanh thu bán hàng của LG hàng năm tăng đột biến đến 6-7%. LG đã nâng doanh số bán hàng lên vị trí số 1 và trở thành một doanh nghiệp lớn ở Việt Nam nhờ chiến lược kinh doanh Hàn lưu. Số lượng bán ra của doanh nghiệp này ở thị trường Việt Nam vào thời điểm năm 2005 là 150 triệu đô la, đạt 200 triệu đô la Mỹ vào năm 2006 và lên tới 500 triệu đô vào năm 2010. Bên cạnh đó, các sản phẩm đa dạng của công ty điện tử Samsung như điều hòa, ti vi, điện thoại di động cũng đang làm thay đổi văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam.

Bên cạnh đó, những sản phẩm đa dạng của công ty điện tử Samsung như điều hòa, tivi, điện thoại di động...cũng đang làm thay đổi văn hóa tiêu dùng của người Việt vốn ưa dùng các sản phẩm giá rẻ, nay chuyển sang thích dùng hàng hiệu giá cao hơn nhưng chất lượng tốt.

Nghiên cứu của Viện kinh tế Sam Sung trên nhan đề “Sóng Hàn dâng khắp toàn cầu” (The Korean Wave Sweeps the Globe) chia các nước hiện đang nhập khẩu văn hóa pop của Hàn làm các nhóm ứng với các cấp độ phổ cập sản phẩm Hàn quốc, hay chính là cách thức, mức độ người dân nước đó tiêu thụ sản phẩm Hàn. Giai đoạn một chỉ là thích (enjoy) văn hóa pop của Hàn (từ văn hóa pop - văn hóa dân gian hiện đại - trong trường hợp của Hàn Quốc phải hiểu là văn hóa phẩm dạng vật thể và phi vật thể được lập trình, chế tác, rồi đem xuất khẩu, để mở đường cho hàng xuất khẩu đa ngành của Hàn). Các nước đang ở giai đoạn này là Ai Cập, Mexico, và Nga. Giai đoạn hai là gây được tác động mua sản phẩm có chứa các biểu tượng của văn hóa Hàn, các biểu tượng tính cách (character items) kiểu Hàn, và các tour du lịch đến Hàn. Nhật Bản, Đài Loan và Hồng Kông ở giai đoạn này. Giai đoạn ba là mua hàng Made in Korea, Việt Nam là một trong hai nước được xem là đã thăng tiến đến giai đoạn này¹.

Mặt khác, trong nghiên cứu này, chúng tôi cũng khảo sát ảnh hưởng của game trực tuyến Hàn Quốc được coi là một trong những nội dung Hàn lưu mới. Kết quả khảo sát được thể hiện rõ trong bảng 9.

Bảng 9: Mức độ yêu thích game online của Hàn Quốc

Hấp dẫn	28%
Bình thường	57%
Không hấp dẫn	15%

Kết quả trong bảng 9 cho thấy tỉ lệ người được hỏi cho rằng game trực tuyến của Hàn Quốc hấp dẫn chỉ chiếm chưa quá bán là 28%. Hơn một nửa số người được hỏi (57%) tỏ thái độ trung lập khi lựa chọn phương án trả lời là bình thường, tức là khó để khẳng định game online của Hàn Quốc hấp dẫn hay không hấp dẫn. Với kết quả này, có thể nói rằng đến thời điểm hiện tại, game online Hàn Quốc vẫn chưa chiếm lĩnh được thị trường Việt Nam nhiều như các lĩnh vực Hàn lưu khác. Trong khi đó, tính đến năm 2010, game Hàn Quốc đã chiếm tới 60% thị phần tại Nhật Bản. Nếu như vào năm 2000, lượng game trên cả nước được bán ra nước ngoài thu về 1 tỷ 600 triệu USD thì trong giai đoạn từ 2000-2010, xuất khẩu game đã tăng 15,7 lần (Đặng Thiều Ngân, 2014: 36-37). Tuy nhiên, với kết quả thu được từ khảo sát

này thì game trực tuyến vẫn chưa gây được ảnh hưởng mạnh mẽ với giới trẻ Việt Nam so với giới trẻ các nước Châu Á khác.

Bên cạnh đó, nhìn từ góc độ kinh tế, thời trang và mỹ phẩm Hàn Quốc còn đang mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho người Việt Nam. Kể từ khi Hàn lưu du nhập vào Việt Nam, thời trang Hàn Quốc đã dần trở thành xu hướng, chuẩn mực về phong cách thời trang đối với không chỉ giới trẻ mà còn cả những người trung niên ở Việt Nam. Có thể kể đến một vài cửa hàng thời trang tiêu biểu do người Việt làm chủ như : Thời trang Korea (59 Trần Quốc Hoàn - Cầu Giấy - Hà Nội), Thời trang xách tay Hàn Quốc (TT Thực Phẩm Ngõ 2 - Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội), Mix Style (119A6 Trần Huy Liệu - Giảng Võ - Hà Nội), Thời trang Ovy (1702 Tầng 17 - Tòa nhà CT4C - Đô

thị Xa La - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội), Pinwheel Shop (479 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), thời trang Hàn Quốc Lime Orange (Thao Fashion Joint Stock Company, 212A2 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), Soho (429 Lê Văn Sỹ Q3, Thành phố Hồ Chí Minh), Annacoco (242 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), Emily House (369 Lê Văn Sỹ, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)... Các trang mua bán trực tuyến về thời trang Hàn Quốc cũng xuất hiện ngày một nhiều. Hiện nay, do phương thức thanh toán qua mạng internet (internet banking) đã trở nên phổ biến tại Việt Nam, đồng thời do hạ tầng cơ sở của lĩnh vực thông tin truyền thông phát triển, người ta có thể dễ dàng ngồi ở Việt Nam để chọn mua hàng hóa từ các trang web của nước ngoài (Với Hàn Quốc có các trang web mua và bán nổi tiếng như Gmarket, Daum...). Thời trang Hàn Quốc được cho là phù hợp với thị hiếu và phong cách của người Việt, với nhiều mẫu mã thanh lịch, phong phú đã thu hút được nhiều tầng lớp khách hàng Việt. Chủ của những cửa hàng thời trang Hàn Quốc cho biết các khách hàng trẻ thường ưa thích những bộ váy áo, giày dép có phong cách trẻ trung, năng động, ngược lại khách hàng ở độ tuổi trung niên hay dân công sở lại thích các bộ đồ lịch sự,

sang trọng. Đại bộ phận các chủ cửa hàng đều đồng quan điểm rằng mặc dù các sản phẩm thời trang Hàn Quốc đắt hơn nhiều so với các sản phẩm thời trang nhập từ Trung Quốc, song lại mang đến lợi nhuận kinh tế cao.

Tương tự như vậy, lợi dụng ảnh hưởng của Hàn lưu, các cửa hàng mỹ phẩm, trung tâm làm đẹp, thẩm mỹ viện, bệnh viện thẩm mỹ, đại lý du lịch Hàn Quốc... ngày càng tăng với tốc độ không ngờ. Tại địa bàn Hà Nội, có thể kể đến các cửa hàng mỹ phẩm có tiếng như Công ty cổ phần Vẻ đẹp phương Đông, Hanhstore, Hieuparis, Thế giới mỹ phẩm Korea, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì có công ty TNHH Hoa sen Việt, công ty cổ phần mỹ phẩm Mono, Mỹ phẩm Hàn Quốc HCM... Các trung tâm, bệnh viện thẩm mỹ như: Khoa Phẫu thuật thẩm mỹ - Bệnh viện quốc tế Thu Cúc, Thẩm mỹ & Spa - Bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc, Viện thẩm mỹ quốc tế Việt Hàn²... Các sản phẩm mỹ phẩm của Hàn Quốc được không chỉ người Việt mà cả người dân châu Á yêu dùng do đặc tính được nghiên cứu phù hợp với làn da, đặc điểm, thị hiếu của người Á Đông. Có thể nhắc đến một số hãng mỹ phẩm Hàn Quốc đã tạo được chỗ đứng trên thị trường Việt Nam như OHUI, The Faceshop, Skinfood v.v... với số lượng vài chục chi nhánh và cửa hàng phân phối trên toàn quốc.

Như vậy, không thể phủ nhận vai trò kinh tế của Hàn lưu trong đời sống Việt. Bằng việc lợi dụng ảnh hưởng của Hàn lưu để kinh doanh, các cửa hàng thời trang, mỹ phẩm người Việt đang thu về lợi ích kinh tế nhất định.

4.3. Ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật hiện đại Hàn Quốc như truyện tranh và phim hoạt hình Hàn Quốc

Theo trang báo điện tử tại Việt Nam “giaoduc.edu.vn”, tỉ lệ giới trẻ Việt Nam yêu thích và tìm đọc truyện tranh Hàn Quốc hiện nay tương đối cao, đạt 70%. Đây là tài liệu quan trọng cho thấy sức ảnh hưởng của truyện tranh đối với giới trẻ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đáng chú ý hơn là truyện tranh Việt Nam chỉ đạt 1% trong tổng số truyện tranh được xuất bản tại Việt Nam và truyện tranh nước ngoài chiếm tỉ lệ áp đảo với con số 99%. Trong đó, truyện tranh đến từ Nhật Bản và Trung Quốc chiếm vị trí cao nhất, còn truyện tranh Hàn Quốc đang dần dần thu hút sự quan tâm lớn từ độc giả. Nguồn truyện tranh trên thị trường Việt hiện nay chủ yếu đến từ Nhật Bản, Trung Quốc (truyện tranh Hồng Công), Hàn Quốc, một số ít từ Âu, Mỹ (dòng Comic). Đây cũng là các quốc gia phát triển mạnh về truyện tranh với nhiều dòng truyện từ truyện cho trẻ em đến cho người lớn, thậm chí cả dòng truyện tranh chuyên biệt đáp ứng bạn đọc đặc thù.³

Hiện nay trên các mạng xã hội như

Facebook, Google đang xuất hiện nhiều trang web như Hội những người yêu thích truyện tranh Hàn Quốc, Hội những người yêu thích truyện tranh Hàn Hwang Mi Ri và Han Yu Rang v.v... Các hội nhóm này đang ngày càng gia tăng với tốc độ nhanh chóng. Chúng ta cũng có thể dễ dàng tìm kiếm các trang web Việt như blogtruyen.com, truyen tranh vietnam.vn, truyen tranh 8.net, truyen 1.com, truyen hay 24h.com... có đăng tải các bản dịch của truyện tranh Hàn Quốc. Các trang web chuyên đăng tải các truyện tranh nhằm phục vụ các độc giả có nhu cầu đọc truyện online như thế này gọi là webtoon. Làn sóng webtoon này đang bùng lên ở Hàn Quốc. Trang webtoon Naver với lượt truy cập nhiều nhất đang sở hữu lượng người sử dụng đạt 6,2 triệu người/ngày và 1 tháng là 17 triệu người. Trang webtoon của Naver đã được tròn 10 kể từ khi trình làng vào ngày 23/6/2004. Chỉ riêng các tác phẩm được đăng thông qua 'hệ thống phát hành theo thứ' phát hành các tác phẩm theo thứ đã định, hay 'chế độ nâng cấp cho người nghiệp dư' thực hiện dưới hình thức cuộc thi webtoon cũng đã đạt đến con số 520 bộ. Giám đốc Kim Chang-won của Tapas Media cho biết: "Một trong những yếu tố khiến các tác giả và độc giả nước ngoài ngạc nhiên nhất chính là tốc độ ra lò nhanh chóng của các tác phẩm. Họ đều tặc lưỡi về việc phát hành cơ bản 1 tập 1 tuần, với số

lượng trên 70 trang 1 tập". Điều mà độc giả trên toàn thế giới mong muốn là sự cập nhật nhanh chóng, và trên phương diện này, webtoon Hàn Quốc đang nắm giữ khả năng cạnh tranh cao nhất⁴. Báo điện tử luatsungaynay.vn cho biết mức độ phổ biến của truyện tranh Hàn Quốc tại Việt Nam hiện chỉ xếp vị trí sau truyện tranh Nhật Bản. Tờ báo này cũng đề cập đến mặt tiêu cực của truyện tranh Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam. Bên cạnh lợi ích giải trí, tìm hiểu thêm về văn hóa, con người Hàn Quốc thì Manhwa Hàn Quốc cũng đem đến những mối lo ngại cho các bậc phụ huynh. "Bởi trên thực tế những trang web chuyên dịch truyện từ nước ngoài, nguy hiểm hơn đa phần lại là truyện tranh có hình vẽ minh họa rất chi tiết, chủ yếu du nhập từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v...được một số cá nhân tự tổ chức dịch rồi đưa lên mạng. Nội dung và hình ảnh của loại truyện này hoàn toàn không phải là sách giáo dục giới tính mà nguy hiểm hơn, đây là các loại sách tập trung khai thác về đề tài tình dục. Không chỉ dừng lại ở những ngôn từ dịch thô thiển, hình ảnh phản cảm, chi

tiết gợi dục, một số truyện còn miêu tả cả các quan hệ không lành mạnh khác. Sự phát triển của mạng xã hội khiến những sản phẩm văn hóa độc hại này như cơn bệnh dịch đang lây lan một cách nhanh chóng. Chỉ cần một cú click chuột là mỗi cư dân mạng đã có thể chia sẻ đường link với nhau một cách dễ dàng và người nọ nối tiếp người kia đưa những hình ảnh thiếu lành mạnh lan tỏa khắp nơi, khắp chốn. Đến nỗi, bị ảnh hưởng của trào lưu này, một số bạn trẻ còn tự chế ra các clip sử dụng hình ảnh hay câu từ của nhân vật trong truyện rồi phổ biến trên mạng. Ngôn ngữ của giới trẻ ở ngoài cuộc sống cũng dần bị chịu ảnh hưởng bởi những lời thoại trong truyện, những tiếng lóng ám chỉ những từ ngữ ẩn ý, làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt⁵.

Bên cạnh xu hướng lập hội yêu thích truyện tranh qua các diễn đàn cùng với xu hướng dịch và đọc truyện online trên các trang web, truyện tranh Hàn Quốc còn được giới thiệu tới bạn đọc Việt Nam thông qua một con đường chính thống hơn, đó là các nhà xuất bản.

Bảng 10: Danh sách truyện tranh Hàn Quốc được xuất bản tại nhà xuất bản Kim Đồng từ năm 2005 đến năm 2014⁶

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
1	Hội pháp sư	신 구미호
2	Hiệp khách giang hồ	열혈강호
3	Hoa tuyết	눈꽃

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
4	Tiên nữ giáng trần	선녀 강림
5	One	원
6	Thanh gươm truyền thuyết	파검기
7	Cô gái đến từ quá khứ	아카시아
8	Ngôi nhà hạnh phúc	폴하우스
9	Giang hồ bá đạo kí	강호패도기
10	Socola	초콜라
11	Hoàng cung	궁
12	Ragnarok	라크나로그
13	Đội quân nhí nhố	무술소년 꼬망
14	Kill me kiss me	K2 Kill me kiss me
15	Diêm đế	마제
16	Now	나우
17	Lights Out	Lights Out
18	Change guy	체인지가이
19	Phép màu	내게 너무 사랑스러운 동맹이
20	Hello Komang	헬로 꼬망
21	Thiên lang liệt truyện	천랑열전
22	Cô dâu thủy thần	하백의 신부
23	Kiểm sĩ hoà bình	아크로드 (Archlord)
24	Búp bê hồng ngọc	루비돌 (Ruby Doll)
25	Kí sự của chiến binh Tyr	티르전기
26	Nabi - Cánh bướm	나비
27	Rure	루어
28	Ngôi sao may mắn	치로
29	Cuộc phiêu lưu của củ hành	아이큐 제로
30	Yureka	유레카

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
31	Kiểm khách Baek Dong Soo	백동수
32	Hậu duệ hoàng gia	왕가의 후예
33	Tiểu thư họ Hong	홍수네
34	Thời khắc cáo hoá sói	여우가 늑대 되는 순간
35	Cậu bé Qua	쿠아
36	Hiệp sĩ của nữ hoàng	여왕의 기사
37	Noblesse	노블레스
38	Pedora Bigband	페도라 빅밴드
39	Danh tác thế giới	세계 명작
40	Nghìn lẻ một đêm	천일야화
41	Thần thoại Bắc Âu	북유럽 신화
42	Dracula	드라큘라
43	Bóng ma nhà hát Opera	오페라의 유령
44	Thần thoại Hi Lạp	그리스 로마 신화
45	Chúa tể của chiếc nhẫn	반지의 제왕
46	Thần thoại Ai Cập	이집트 신화
47	Thời thơ ấu của những thiên tài	천재들의 어린 시절
48	Thần thoại Trung Hoa	중국신화
49	Héc Quyn	헤라클리스
50	Thắc mắc tuổi mới lớn	어린이 궁금하는 성 이야기
51	Thành Cát Tư Hãn	정기스칸
52	Chúa sơn lâm	산왕
53	Chuyện kể về danh nhân thế giới	WHO? 시리즈
54	Tuyển tập danh tác thế giới	세계 명작 (칼라)
55	Quiz! Khoa học kì thú	퀴즈! 과학상식
56	I-li-át và Ô-đi-xê	일리아드 오디세우스
57	Khám phá nước Mỹ	<미국을 알면 영어가 보인다> <퍼스트레이디를 알면 미국이 보인다>

Con gái tôi 5 tuổi, ở nhà bé thường xuyên xem phim hoạt hình Pororo và mỗi khi đi siêu thị cùng mẹ là cháu lại đòi mua sách thiếu nhi hay đồ uống có hình Pororo. Vì nhân vật xuất hiện trong phim hoạt hình Hàn Quốc có ngoại hình dễ thương hơn, hành động và lời nói cũng thông minh và hoạt bát hơn nhân vật xuất hiện trong hoạt hình Việt Nam nên tôi nghĩ sẽ giúp ích cho việc phát triển trí tuệ của trẻ. (Chị G, nữ, 42 tuổi)

Danh sách chọn lọc các truyện tranh Hàn Quốc tiêu biểu được xuất bản tại nhà xuất bản Kim Đồng trong 10 năm qua đã phần nào chứng minh cho sức ảnh hưởng mạnh mẽ của truyện tranh Hàn Quốc tại thị trường Việt Nam trong thời gian gần đây. Ngoài danh sách kể trên, theo kết quả điều tra thông qua rất nhiều hiệu sách ở Hà Nội, không chỉ có truyện tranh của các tác giả nổi tiếng như Hwang Mi Ri và Han Yu Rang, truyện tranh của nhiều tác giả khác như “Agijagisegdong” của tác giả Han Seung Won, “Chỉ là muốn được yêu” của tác giả Jeon Young Hee, “Chú mèo trên căn gác mái” của Kim Ma Ru... cũng đang liên tục được xuất bản tại nhà xuất bản Trẻ, nhà xuất bản Thời Đại, nhà xuất bản Văn hóa thông tin ... tại Việt Nam⁷.

Cùng với truyện tranh thì phim hoạt hình Hàn Quốc cũng được xem như là nội dung Hàn lưu được yêu thích ở Việt Nam. Đặc biệt, nhiều khán giả nhỏ tuổi rất hứng thú với nhân vật hoạt hình Hàn Quốc như “Pororo” hay “Larva”.

Chia sẻ của đối tượng được phỏng vấn sâu nêu trên cho thấy rõ ảnh hưởng

tích cực của hoạt hình Hàn Quốc và truyện tranh Hàn Quốc tới giới trẻ Việt Nam, đặc biệt là thanh thiếu niên và trẻ nhỏ. Thông qua truyện tranh và hoạt hình Hàn Quốc, thanh thiếu niên và trẻ em Việt Nam không chỉ được tiếp nhận những nét văn hóa mới lạ đậm bản sắc Hàn Quốc mà còn có thể học tập cả lối sống năng động và quan niệm sống tích cực của giới trẻ Hàn Quốc.

4.4. Ảnh hưởng của văn hóa đặc trưng như tiếng Hàn và ẩm thực Hàn Quốc

Tiếng Hàn xuất hiện tại Việt Nam muộn hơn nhiều so với tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, song lại nhanh chóng tìm được vị trí trong lòng người dân Việt Nam. Hiện nay, tiếng Hàn được coi là một ngoại ngữ được ưa thích trong thị trường giáo dục tại Việt Nam. Tính đến nay, tại Việt Nam có 3204 sinh viên chính quy tại 15 trường đại học trên toàn quốc tham gia học tiếng Hàn và 8 trung tâm Sejong, rất nhiều trung tâm ngoại ngữ quy mô nhỏ cùng các chương trình tiếng Hàn phi chính quy dành cho nhân viên ưu tú của doanh nghiệp Hàn Quốc...

cũng đang được vận hành. Thông tin chi tiết được thể hiện rõ ở bảng sau⁸:

Bảng 11: Các cơ sở đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam

Tên trường đại học	Số sinh viên	Số giảng viên	Ghi chú
Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội	110	6	
Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) - ĐHQG Hà Nội	307	23	
Đại học Hà Nội	415	16	
Trường Kỹ thuật công nghệ Việt-Nhật (3 năm)	180	5	
Trường ĐHNN - Đại học Đà Nẵng	277	10	
Trường ĐHNN - Đại học Huế	176	11	
Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh	366	19	
Trường Ngoại ngữ-tin học thành phố Hồ Chí Minh	314	8	
Đại học Hồng Bàng	125	13	
Đại học Lạc Hồng	176	12	
Đại học Đà Lạt	321	5	
Đại học Văn Hiến	94	7	
Trường Nguyễn Tất Thành (3 năm)	73	4	
Trường Kỹ thuật Thủ Đức (3 năm)	150	4	
Trường Văn hóa nghệ thuật du lịch Sài Gòn (3 năm)	120	6	
Tổng	3,204	149	

Ngoài ra, tại các thành phố lớn của Việt Nam còn có 7 Trung tâm Sejong đang hoạt động khá hiệu quả, hàng năm đào tạo ra một lượng lớn (khoảng 4000-5000) học viên tiếng Hàn ở mọi trình độ; các Trung tâm ngoại ngữ với các lớp/ khóa học qui mô nhỏ; các khóa học do

các doanh nghiệp Hàn Quốc hoặc liên doanh với Hàn Quốc đặt hàng các cơ sở đào tạo uy tín v.v... Các cơ sở và loại hình đào tạo nêu trên đang đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và học tập về tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc của xã hội.

Kim Jung Sup (2014: 59-60) cũng cung cấp thông tin về hiện trạng phân bố trung tâm Sejong trên toàn thế giới thông qua bản đồ như sau:



Kim Jung Sup (2014: tr. 59-60) đã làm rõ về hiện trạng phân bố trung tâm Sejong trên toàn thế giới. Theo thống kê tháng 12 năm 2013, có khoảng hơn 36.000 học viên đang theo học tại 120 trung tâm Sejong đang hoạt động ở 52 quốc gia, tăng 25% so với 28.783 học viên năm 2012. Điều này phản ánh rõ sự gia tăng về nhu cầu và sự quan tâm đối với việc đào tạo tiếng Hàn trên thế giới và tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Park Nak Jong (2014) cũng cho biết từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 11 năm 2013, chương trình dạy tiếng Hàn “Xin chào Hankuko” do Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (Korea Foundation) tài trợ đã được phát sóng trên kênh VTV2 đài truyền hình

Việt Nam. Cùng với đó, Quỹ giao lưu quốc tế phối hợp cùng Ngân hàng Kookmin đã tài trợ cho việc xuất bản Bộ giáo trình “Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam” (bộ 6 quyển), và cung cấp cho các trường đại học tại Việt Nam. Đây được xem là bộ giáo trình tiếng Hàn đầu tiên và duy nhất dành cho người Việt học tiếng Hàn được biên soạn một cách chuyên nghiệp. Mặt khác, việc Bộ giáo dục Việt Nam đang triển khai “Đề án giáo dục 2020” trong đó có định hướng lựa chọn tiếng Hàn làm môn học ngoại ngữ 2 ở các trường phổ thông của Việt Nam cho thấy vị thế của tiếng Hàn đang ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn tại Việt Nam. Tính đến thời điểm tháng 12/2014

thì Chương trình tiếng Hàn dành cho học sinh phổ thông Việt Nam về cơ bản đã hoàn thành và được thông qua. Dự kiến cuối năm 2015 tiếng Hàn sẽ được đưa vào giảng dạy thí điểm như ngoại ngữ 2 ở bậc phổ thông, đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử giáo dục tiếng Hàn tại Việt Nam.

Sự quan tâm hứng thú đối với tiếng Hàn theo kết quả điều tra online trong nghiên cứu này cho thấy ảnh hưởng to lớn của tiếng Hàn đối với giới trẻ Việt Nam. Tỷ lệ phần trăm người trả lời chọn đáp án “thích tiếng Hàn” chiếm 84%. Trường hợp xuất phát từ sự hứng thú đối với tiếng Hàn dẫn đến việc học tiếng Hàn ngày càng nhiều. Mong muốn đi du học Hàn Quốc và làm việc ở công ty

Hàn Quốc trở thành lý do quan trọng trong việc lựa chọn học tiếng Hàn.

Theo những ý kiến có được thông qua phỏng vấn sâu trên đây, đa số giới trẻ Việt Nam tiếp cận với tiếng Hàn một cách tích cực, xuất phát từ niềm yêu thích âm nhạc và phim ảnh Hàn Quốc. Ngày càng có nhiều trường hợp học tiếng Hàn xuất phát từ sự hứng thú với tiếng Hàn. Ngoài ra, mong muốn đi du học Hàn Quốc hay làm việc tại công ty Hàn Quốc cũng là lý do quan trọng khi lựa chọn học tập tiếng Hàn. Mức độ yêu thích du học Hàn Quốc và mức độ yêu thích làm việc tại công ty Hàn Quốc theo kết quả điều tra của nghiên cứu này được tóm tắt tại bảng 12 và bảng 13.

Tôi thích tiếng Hàn một cách tự nhiên nhờ xem nhiều phim và nghe nhiều nhạc Hàn Quốc. Ngoài ra, sau này tôi muốn được đi du học ở Hàn Quốc nên tôi đã chọn tiếng Hàn để học.

Qua bạn bè giới thiệu, qua TV và Internet, tôi biết đến các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật Hàn Quốc được tổ chức tại Việt Nam. Lúc đầu, tôi đi xem vì tò mò nhưng dần dần, tôi trở nên thích thú với tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc. Sau này, tôi muốn làm việc ở công ty Hàn Quốc nên tôi chọn tiếng Hàn là chuyên ngành để theo học tại trường đại học.

Bảng 12: Mức độ thích du học Hàn Quốc

Rất thích	75%
Bình thường	21%
Không thích lắm	2%
Hoàn toàn không thích	2%

Bảng 13: Mức độ thích làm việc tại công ty Hàn Quốc

Rất thích	64%
Bình thường	30%
Không thích lắm	3%
Hoàn toàn không thích	3%

Qua kết quả điều tra online, mức độ yêu thích du học Hàn Quốc và mức độ yêu thích làm việc tại các công ty Hàn Quốc đều chiếm quá bán lần lượt là 55% và 64%. Điều này có nghĩa là tiếng Hàn đã trở thành công cụ giúp ích quan trọng cho việc hiện thực hóa “Giấc mơ Hàn Quốc”.

Trước khi thi đại học, con gái tôi không biết nên chọn ngoại ngữ nào. Sau khi tham khảo bạn bè, tất cả đều khuyên cháu học tiếng Hàn. Tôi cũng từng tìm hiểu thì được biết, tiếng Hàn có nguyên âm và phụ âm nên cách đọc giống như tiếng Việt. Ngoài ra, cháu còn có cơ hội tìm việc dễ dàng hơn trong tương lai nếu theo học tiếng Hàn Quốc. (Anh J, nam giới, 45 tuổi)

Kết quả phỏng vấn sâu còn cho thấy không chỉ giới trẻ mà cả tầng lớp trung niên cũng quan tâm nhiều đến tiếng Hàn. Thông qua văn hóa đại chúng, giới trẻ biết đến và yêu thích tiếng Hàn một cách tự nhiên. Ngược lại, tầng lớp trung niên lại có quan tâm đến tiếng Hàn xuất phát từ quan tâm đến chuyên ngành và con đường tương lai của con cái.

Cùng với tiếng Hàn, ẩm thực Hàn Quốc được xem như là một trong những nội dung Hàn lưu đang gây ảnh hưởng

lớn trong đời sống văn hóa Việt. Ngành công nghiệp ẩm thực Hàn Quốc cũng đang phát triển với tốc độ chóng mặt. Sự gia tăng nhanh chóng các nhà hàng Hàn Quốc, siêu thị K-Mart trên toàn quốc chính là gia tăng rõ ràng của sự phát triển công nghiệp hóa ẩm thực Hàn Quốc. Đặc biệt, sau khi bộ phim “Nàng Dae Jang Geum” được trình chiếu, sự quan tâm của nhiều người dân Việt Nam đối với ẩm thực Hàn Quốc càng tăng cao.

Có thể nói, việc quảng bá ẩm thực

Hàn Quốc đến thực khách Việt Nam đã đạt được những thành công lớn. Không chỉ trên phim ảnh mà thông qua hệ thống các nhà hàng, siêu thị có bày bán các mặt hàng ẩm thực Hàn Quốc đa dạng, người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ dần trở nên yêu thích các hương vị của xứ sở Kim Chi này.

Bảng 14: Mức độ ưa dùng các sản phẩm Hàn Quốc

Ẩm thực	35%
Đồ gia dụng	9%
Đồ sinh hoạt	10%
Đồ điện tử	33%
Khác	13%

Nhìn vào bảng 14 có thể dễ dàng nhận thấy trong số các sản phẩm Hàn Quốc tiêu biểu đang có mặt tại Việt Nam hiện nay, ẩm thực đang được ưa dùng với tỉ lệ cao nhất đạt 35%. Phần lớn đối tượng phỏng vấn sâu còn cho biết ẩm thực Hàn Quốc hợp khẩu vị người Việt hơn so với ẩm thực Nhật Bản. Do vậy, các món ăn tiêu biểu của Hàn Quốc như thịt ba chỉ nướng, canh gà tần sâm v.v... luôn là lựa chọn số một cho những người muốn khám phá ẩm thực nước ngoài vào mỗi dịp cuối tuần hay nghỉ lễ.

Ngoài ra, trong kết quả điều tra online của nghiên cứu này, chúng tôi cũng khảo sát về các kênh thông tin giới thiệu ẩm thực Hàn Quốc tới thực khách

Việt Nam. Trong số các kênh cung cấp thông tin về ẩm thực Hàn Quốc thì phim truyền hình Hàn Quốc và việc trải nghiệm ẩm thực tại các nhà hàng Hàn Quốc tại Việt Nam chiếm tỷ lệ cao hơn cả, lần lượt là 76% và 53%. Và trong các món ăn Hàn Quốc thì kimchi, gà tần sâm, ba chỉ nướng, bánh gạo nếp xào cay, thịt bò nướng được biết đến là những món ăn chiếm được nhiều sự yêu thích ở Việt Nam với tỷ lệ quá bán. Đặc biệt, 73% người được hỏi đồng ý rằng kimchi là món ăn tốt cho sức khỏe, ngược lại chỉ có 27% người không đồng ý với điều này.

Kim Jung Seop (2014: 36) đã chỉ ra mức độ yêu mến ẩm thực Hàn Quốc của người nước ngoài trong bảng sau:

Bảng 15: Mức độ yêu mến ẩm thực Hàn Quốc của người nước ngoài

Ẩm thực Hàn Quốc	Tổng	Quốc gia				
		Brazil	Trung Quốc	Pháp	Nhật Bản	Việt Nam
Hoàn toàn không ăn	2.4	3.0	0.7	3.3	4.7	0.3
Không ăn	4.6	5.0	5.0	6.3	8.0	1.7
Bình thường	22.4	15.3	15.3	27.0	35.0	14.0
Muốn ăn	45.5	44.3	44.3	46.3	36.3	48.7
Nhất định muốn ăn	25.1	32.3	32.3	17.0	16.0	35.3
Tổng cộng	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

Nguồn: *Quỹ giao lưu văn hóa Hàn Quốc (2012),
“Kết quả điều tra sự kiện nóng Hàn lưu”*

Kết quả điều tra tại bảng 15 cho thấy sự quan tâm tới ẩm thực Hàn Quốc đang tăng dần. Có đến 70.6% người nước ngoài tiếp cận với văn hóa đại chúng Hàn Quốc thể hiện rằng họ muốn ăn món ăn Hàn Quốc. Điều đáng chú ý là Việt Nam chính là quốc gia chiếm tỉ lệ cao nhất về mức độ yêu mến ẩm thực Hàn Quốc, lên tới 83%. Ví dụ như Lotteria, một công ty đầu tư tại Việt Nam từ năm 1998 và tới nay đã thành lập khoảng 130 cửa hàng ở Việt Nam. Đây cũng là một trong số những doanh

nh nghiệp kinh doanh thực phẩm nước ngoài theo hình thức chuỗi cửa hàng mạnh nhất ở Việt Nam. Song hành cùng với đó, Pari Paghet hay Tour les jous-thương hiệu bánh mì của CJ cũng trở thành một trong những thương hiệu bánh ngọt cao cấp nhất ở Việt Nam. Điều này cho thấy rõ sức mê hoặc của ẩm thực Hàn Quốc trong đời sống người dân Việt...

Bên cạnh đó, món ăn Hàn Quốc không chỉ đem đến hương vị mới lạ cho ẩm thực Việt mà còn mang lại nhiều giá trị tích cực cho văn hóa ẩm thực Việt Nam.

Theo em được biết, món ăn Hàn Quốc có hình thức rất bắt mắt, hương vị ngon mà còn nhiều dinh dưỡng nữa. Em rất thích món ăn Hàn Quốc nên lúc nào có tiền là em lại mua các nguyên liệu về cùng chị gái làm món cơm cuộn, cơm trộn, bánh gạo nếp xào cay, canh rong biển. Đặc biệt, mùa đông lạnh, thi thoảng em cũng cùng gia đình nướng thịt ba chỉ ăn. (Chị K, nữ, 17 tuổi)

Món ăn Hàn Quốc có cách chế biến, hình dáng bên ngoài và mùi vị thật kỳ diệu! Thịnh thoảng em cũng thử làm kim chi cùng các bạn trong lớp. Khi muối kim chi phải làm rất nhiều bước. Vì thế mà tự nhiên em có thể học được tính nhẫn nại và sự tỉ mỉ.

(Chị L, Nữ, 19 tuổi)

Từ các ý kiến phỏng vấn sâu nêu trên, có thể cảm nhận rõ ẩm thực Hàn Quốc không chỉ xuất hiện qua phim ảnh, báo chí... mà còn hiện hữu trên cả mâm cơm thường ngày của người Việt. Việc món ăn Hàn Quốc và món ăn Việt Nam cùng xuất hiện trên mâm cơm thường ngày của người Việt cho thấy rõ ảnh hưởng to lớn và tích cực mà món ăn Hàn Quốc mang lại trong đời sống văn hóa Việt. Có thể nói các món ăn Hàn Quốc đem đến hương vị ấm áp cho không khí sum họp của các gia đình. Đồng thời, cách chế biến món ăn Hàn Quốc cũng rèn luyện những phẩm chất cần thiết cho giới trẻ như sự tỉ mỉ, tính cẩn trọng và lòng nhẫn nại... Theo quan sát của nhóm nghiên cứu, hiện nay có khá nhiều nhà hàng Việt sử dụng món kimchi như một món ăn khai vị hoặc bổ sung trong thực đơn. Nhiều người Việt Nam biết đến và yêu thích món ăn truyền thống và tiêu biểu số một này của Hàn Quốc. Đã kimchi được đặt cạnh món dưa muối hay cà muối đã tạo nên một sự giao thoa văn hóa Việt Hàn thật đặc biệt trong ẩm thực Việt.

Ngoài sự hấp dẫn bên ngoài, hương vị ấm áp, chất dinh dưỡng cao, thì

sự tương đồng trong văn hóa ẩm thực cũng là yếu tố quan trọng để người Việt Nam tiếp nhận ẩm thực Hàn Quốc một cách tự nhiên và dễ dàng. Nét văn hóa người dưới phải cầm đũa sau người trên do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo phải kính trọng bề trên là một ví dụ điển hình cho sự tương đồng trong văn hóa ẩm thực giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc.

Bên cạnh những ảnh hưởng đến đời sống văn hóa và xã hội Việt Nam, ẩm thực Hàn Quốc và tiếng Hàn cũng đóng vai trò không nhỏ trong việc tạo nên những giá trị kinh tế cho người Việt Nam. Điều này có thể nhận thấy rõ thông qua sự xuất hiện của các nhà hàng Hàn Quốc có chủ là người Việt đang điều hành. Theo thống kê của Tổng Công ty Phân phối nông thủy sản Hàn Quốc, có khoảng 206 nhà hàng Hàn Quốc hiện đang kinh doanh ở Việt Nam. Trong đó, các nhà hàng Hàn Quốc ở khu vực miền Bắc chiếm 32.2% (66 nhà hàng), miền Trung là 0.5% (1 nhà hàng), và miền Nam là 67.3% (139 nhà hàng)⁹.

Nghiên cứu này không có ý định liệt kê đầy đủ tên các nhà hàng Hàn

Quốc, và cũng không phân chia nhà hàng Hàn Quốc do chủ là người Hàn hay người Việt vận hành. Nghiên cứu tập trung vào các nhà hàng Hàn Quốc tiêu biểu mà chủ nhà hàng là người Việt. Trong số này, không thể không nhắc đến nhà hàng "Kimbap Sochu" ở 36 Trần Đăng Ninh - TP. Hà Nội, nhà hàng "Kimchi kimbap" ở 445 Kim Mã - Hà Nội, nhà hàng "Green Hyang" ở 190 Võ Thị Sáu - Phường 7 - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, nhà hàng "Yang" ở 2B Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội, nhà hàng "Hoa sen" ở CT4 Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội.

Ngoài ra, một số nhà hàng Hàn Quốc nổi tiếng tại Hà Nội do người Hàn làm chủ gồm nhà hàng "Biwon" ở tầng 9 tòa nhà Keangnam Landmark 72 - Phạm Hùng - Hà Nội, nhà hàng "Cổ cung" ở tầng 2 tòa B - Keangnam - Phạm Hùng - Hà Nội, nhà hàng "VIP" ở Village 5 - Thành Công - Đống Đa - Hà Nội, nhà hàng Koreana ở 106 Linh Lang v.v...

Theo kết quả điều tra thực tế, đại bộ phận các khách hàng tìm đến các nhà hàng Hàn Quốc do người Việt làm chủ không chỉ là người Việt Nam mà còn có nhiều người Hàn Quốc khiến lợi ích kinh tế thu về khá ổn định. Bên cạnh đó, liên quan đến món ăn Hàn Quốc, cũng không thể bỏ qua các loại đồ uống, gia vị,

kimchi, lá kim, rong biển...được bày bán trong các siêu thị. Nhóm điều tra của chúng tôi đã khảo sát tại các siêu thị ở Hà Nội và có thể dễ dàng tìm thấy các sản phẩm Hàn Quốc như kimchi cô Hường, kimchi cô Ân v.v...Gần đây, phong trào mua bán trực tuyến phát triển cũng tạo điều kiện cho một loạt các trang web mua bán trực tuyến các sản phẩm thực phẩm Hàn Quốc (chủ yếu là các sản phẩm bổ dưỡng như sâm, nấm linh chi, kim chi, hoa quả...). Những trang web này hầu hết đều do người Việt làm chủ (thường là những người có kinh nghiệm sống tại Hàn Quốc cũng như làm việc, tiếp xúc với người Hàn Quốc vận hành).

Các nhân viên bán hàng ở các siêu thị cho biết doanh thu của các mặt hàng ẩm thực, gia vị, đồ uống Hàn Quốc ngày càng tăng, mang lại lợi ích kinh tế ổn định cho siêu thị.

Bên cạnh các nhà hàng Hàn Quốc, sự xuất hiện của các trung tâm dạy tiếng Hàn (do tư nhân mở) và các trung tâm tư vấn du học Hàn Quốc cũng là một hiện tượng rất đáng chú ý. Hiện nay các công ty, trung tâm tư vấn du học Hàn Quốc kết hợp giảng dạy tiếng Hàn ngày càng mọc lên như nấm. Tiêu biểu như Công ty cổ phần đầu tư Tân Đại Dương (số 37 - Ngõ 121 - Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội), Công ty cổ phần tư vấn giáo dục & xuất khẩu lao động Toàn Cầu (Số 4 & 6 ngõ 245 - Phố Mai Dịch - Quận Cầu Giấy - Hà

Nội), Công ty Cổ phần Dịch vụ & Thương mại HANNA (Số 20, Đường Ngọc Hân Công Chúa, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh), Công ty tư vấn du học Atlantic (33 Lạc Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội)¹⁰... Hầu hết các trung tâm ngoại ngữ lớn đều mở thêm tiếng Hàn, hầu hết trong các trường Đại học có trung tâm ngoại ngữ thì đều mở các khóa đào tạo tiếng Hàn mọi trình độ (như Trường Đại học Văn hóa, Đại học Ngoại thương, Đại học Hà Nội, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, Đại học Bách Khoa, Đại học Sư phạm...).

Tóm lại, từ phim truyền hình là bước đi đầu tiên cho đến truyện tranh, phim hoạt hình là những nội dung văn hóa du nhập vào Việt Nam gần đây nhất, có thể thấy Hàn lưu đang có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống văn hóa Việt. Đại bộ phận là những ảnh hưởng tích cực đến giá trị truyền thống, lối sống, suy nghĩ của lớp trẻ. Tuy nhiên, Hàn lưu cũng có một vài ảnh hưởng tiêu cực. Về ảnh hưởng tích cực, thông qua phim truyền hình Hàn Quốc người Việt Nam có thể học được ý chí sống kiên cường, cách bày tỏ tình yêu lãng mạn, cách sống tự lập, hăng say trong công việc, bảo tồn lễ nghi trong gia đình và công sở, tính nhẫn nại. Bên cạnh đó, Kpop mang đến cho giới trẻ Việt Nam những hoạt động vận

động bổ ích, hình thức giải trí lành mạnh và phương pháp làm mới tinh thần. Thêm vào đó, ẩm thực Hàn Quốc và việc chế biến món ăn Hàn Quốc cũng dạy cho giới trẻ những phẩm chất cần thiết như sự tỉ mỉ, tính cẩn thận và lòng nhẫn nại, đồng thời truyện tranh và phim hoạt hình Hàn Quốc cũng rèn luyện cách sống năng động và quan niệm sống tích cực cho trẻ em. Cũng do ảnh hưởng của Hàn lưu mà văn hóa tiêu dùng và quan niệm về cái đẹp của người Việt Nam cũng đang biến đổi rõ rệt. Xu hướng ưa dùng các sản phẩm có thương hiệu đang ngày càng tăng. Và quan niệm truyền thống về cái đẹp cũng chuyển dần sang quan niệm hiện đại như yêu thích vẻ đẹp năng động, trẻ trung và phong cách của người Hàn Quốc..Ngược lại, ảnh hưởng tiêu cực của Hàn lưu chính là việc tạo nên cách sống tự do thái quá, quan niệm sống mộng tưởng, yếu đuối, mù quáng trong một bộ phận nhỏ của lớp trẻ.

Mặt khác, không thể phủ nhận vai trò kinh tế của Hàn lưu trong đời sống Việt. Bằng việc lợi dụng ảnh hưởng của Hàn lưu để kinh doanh các cửa hàng thời trang, nhà hàng Hàn Quốc, trung tâm tư vấn du học v.v... người Việt đang thu về lợi ích kinh tế nhất định. Việc nắm bắt nhanh các cơ hội như thế cũng cho thấy năng lực kinh doanh năng động của người Việt Nam. Với những giá trị kinh tế mà Hàn lưu mang lại này, có thể dự

đoán trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ trở thành điểm trung tâm của Hàn lưu.

5. Kết luận

Bài viết đã trả lời đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu đặt ra và cho thấy bức tranh tổng quan về làn sóng Hàn Quốc - Hàn lưu trong đời sống văn hóa - kinh tế - xã hội Việt Nam.

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù có lịch sử xuất hiện muộn hơn Hàn lưu ở Trung Quốc và Nhật Bản nhưng ảnh hưởng của Hàn lưu tại Việt Nam so với ảnh hưởng của văn hóa các quốc gia châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan... là rất lớn và thường đứng ở vị trí dẫn đầu. Bên cạnh đó, trong khi ở một số nước trong khu vực châu Á, làn sóng Hàn Quốc đã hạ nhiệt thì có thể nói tại Việt Nam, làn sóng Hàn Quốc vẫn đang dâng cao, tạo nên một thời kì “Hàn lưu mới” có ảnh hưởng sâu rộng hơn tới nhiều lĩnh vực văn hóa đời sống.

Thứ hai, mức độ ảnh hưởng của Hàn lưu trong đời sống văn hóa Việt ở mỗi lĩnh vực là khác nhau. Cùng với các nội dung Hàn lưu quen thuộc như phim truyền hình, Kpop, chúng tôi đã cố gắng tiếp cận các lĩnh vực Hàn lưu mà các nghiên cứu trước đây chưa từng hoặc ít được đề cập đến như ẩm thực, truyện tranh, phim hoạt hình. Các nội dung Hàn lưu mới như trò chơi trực tuyến, chương trình truyền hình, tiếng Hàn, thời trang,

mỹ phẩm, đồ điện tử vốn cũng ít được nhắc tới trong đối tượng nghiên cứu của các nghiên cứu đi trước. Trong số các lĩnh vực mới này, có thể nói ẩm thực Hàn Quốc và tiếng Hàn là hai lĩnh vực đã và đang có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với người Việt nói chung và giới trẻ Việt nói riêng. Nó được nảy sinh từ những nhu cầu tìm hiểu, khám phá các lĩnh vực Hàn lưu khác như phim ảnh, du lịch, thời trang, giải trí...v.v...

Lĩnh vực Hàn lưu mang tính truyền thống như phim truyền hình Hàn Quốc, Kpop, thời trang vẫn được xem là có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, nhưng không ồn ã so với thời kỳ đầu. Nguyên nhân không phải là do người Việt Nam đã mất hứng thú với các nội dung Hàn lưu này mà là do người Việt đang cảm thấy hứng thú với các nội dung lạ lẫm và mới mẻ hơn như truyện tranh, hoạt hình, đồ điện tử v.v... Bên cạnh đó, nếu xét về ảnh hưởng của Hàn lưu theo từng lĩnh vực thì kết quả nghiên cứu này cũng đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Phan Thị Thu Hiền (2012) khi rút ra rằng game trực tuyến hiện nay vẫn chưa chiếm được tình cảm yêu mến của giới trẻ Việt Nam như các nội dung văn hóa Hàn lưu khác. Trong nghiên cứu của Phan Thị Thu Hiền (2012), tỉ lệ trả lời yêu thích game online Hàn Quốc chỉ đạt 32% và tỉ lệ này trong nghiên cứu này chỉ đạt 28%.

Cuối cùng, việc làm rõ giá trị kinh tế của Hàn lưu trong đời sống Việt được coi là đóng góp mới và quan trọng nhất trong nghiên cứu này. Qua điều tra khảo sát thực tế và phỏng vấn sâu, chúng tôi đã giới thiệu những ví dụ điển hình về việc người Việt biết tận dụng ảnh hưởng của Hàn lưu để kinh doanh thành công trong nhiều lĩnh vực như diễn đàn hội Hàn Quốc, trung tâm dạy tiếng Hàn, cửa hàng thời trang, nhà hàng, trung tâm thẩm mỹ, trung tâm tư vấn du học...

Tóm lại, xét về phương diện kinh tế, không thể phủ nhận Hàn lưu đang mang lại lợi ích nhất định cho người Việt Nam. Xét về mặt văn hóa - xã hội, tất cả các nội dung Hàn lưu đều có ảnh hưởng nhất định đến người Việt, đặc biệt là suy nghĩ, nhận thức đối với giá trị truyền thống, lối sống, văn hóa tiêu dùng... của giới trẻ.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng đồng ý với tác giả Nguyễn Thị Thắm (2014: 90) khi nói rằng Hàn lưu ở Việt Nam đang đạt đến độ phát triển trưởng thành nhất. Gần đây, việc Việt Nam và Hàn Quốc đặt nhiều quan tâm đến vấn đề bản quyền đã phần nào phản ánh sự phát triển trưởng thành này. Hàn lưu càng phát triển thì vấn đề bản quyền như việc sử dụng trái phép các nội dung văn hóa càng trở nên nghiêm trọng. Để ngăn ngừa và khắc phục vấn đề này, hai nước đã hợp tác tích cực về vấn đề bản quyền.

Tháng 1 năm 2014, văn phòng đại diện của Cục bản quyền Hàn Quốc chính thức nhận được giấy phép thành lập tại Hà Nội và giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển Hàn lưu một cách lành mạnh ở Việt Nam. Văn phòng đại diện này cùng với trung tâm văn hóa Hàn Quốc cùng chia sẻ tất cả các dự án với tư cách là cơ quan trực thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Hàn Quốc. Cụ thể, văn phòng đại diện tại Hà Nội của Cục bản quyền Hàn Quốc sẽ đảm nhận 3 nhiệm vụ chính là phát triển luật bản quyền của Hàn Quốc, Việt Nam và hợp tác bảo vệ bản quyền hai nước, duy trì quan hệ tương hỗ bằng giao lưu mật thiết giữa các cơ quan liên quan đến bản quyền Hàn Quốc và Việt Nam và hỗ trợ kỹ thuật và kinh nghiệm bảo vệ bản quyền ở Hàn Quốc và nâng cao nhận thức về vấn đề bản quyền ở Việt Nam¹¹.

Tuy nhiên, để phát triển bền vững, Hàn lưu sau này sẽ phải đi theo con đường như thế nào để đem đến lợi ích song phương cho Việt Nam và Hàn Quốc? Đây cũng là một chủ đề cần phải tích cực nghiên cứu. Về vấn đề này, chúng tôi xin đưa ra một vài đề án như sau.

Thứ nhất, về mặt chính trị, Việt Nam và Hàn Quốc cần tăng cường hợp tác hơn nữa về vấn đề bản quyền.

Thứ hai, về mặt văn hóa xã hội, cần đẩy mạnh phát triển chất lượng hơn số lượng đối với các nội dung Hàn lưu.

Việc mở rộng không gian và lĩnh vực giao lưu văn hóa, hợp tác sản xuất phim v.v... cũng là những hoạt động hữu ích cho việc phát triển Hàn lưu theo hướng đôi bên cùng có lợi.

Thứ ba, về mặt kinh tế, phải tìm kiếm chiến lược củng cố niềm tin cho người tiêu dùng Việt Nam để duy trì sự yêu thích của người Việt đối với các mặt hàng Hàn Quốc. Ví dụ như có thể xây dựng chế độ hậu mãi (after service) một cách hệ thống hơn. Đây là điều mà các doanh nghiệp Việt Nam còn chưa làm tốt.

Thứ tư, về mặt giáo dục và học thuật, cần tăng cường giao lưu và hợp tác nghiên cứu về các lĩnh vực đa dạng. Đặc biệt, Hàn Quốc cần tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ các nghiên cứu liên quan đến Hàn lưu ở Việt Nam.

Mặc dù đã giải quyết được phần nào những điểm khuyết của các nghiên cứu đi trước, song nghiên cứu này vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau.

Phạm vi khảo sát thực tế và phỏng vấn sâu chỉ giới hạn chủ yếu ở khu vực Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng tham gia khảo sát online đại bộ phận là giới trẻ trong độ tuổi 10~30 nên chưa đảm bảo được tính khách quan và phổ biến cho nghiên cứu. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng rằng chính những hạn chế này sẽ trở thành gợi ý hữu ích cho các nghiên cứu đi sau có quan tâm đến chủ đề Hàn lưu tại Việt Nam.

CHÚ THÍCH

1. Lê Đỗ Huy, "Truyền thông Hàn Quốc: Hàn lưu không bao giờ chết ở Việt Nam", 29/11/2011, <http://www.bao-moi.com/Truyen-thong-Han-Quoc/Han-luu-khong-bao-gio-chet-o-Viet-Nam/71/7445921.epi>
2. Khảo sát thực tế (2014/11/6~2014/11/7).
3. "Truyện tranh Việt Nam đã bỏ lỡ nhiều cơ hội", <http://www.giaoduc.edu.vn/news/xem-nghe-doc-viet-692/truyen-tranh-viet-nhieu-co-hoi-it-nam-bat-232229.aspx>.
4. Điều tra này đã được tiến hành từ ngày 3 tháng 11 năm 2014 đến ngày 11 tháng 11 năm 2012.
5. Tham khảo tại: <http://www.luatsu-ngaynay.vn/news/Giai-tri/Hiem-hoa-truyen-online-491>
6. Số liệu do người phụ trách truyện tranh của NXB Kim Đồng cung cấp.
7. Điều tra này được thực hiện từ 3/11/2014 đến 11/11/2014.
8. Nguồn: Số liệu do Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc cung cấp, cập nhật tháng 8, năm 2014.
9. Tổng Công ty Phân phối nông thủy sản Hàn Quốc, 2011, "Báo cáo điều tra phản ứng của người Việt Nam về ẩm thực Hàn Quốc và lập chiến lược marketing", trang 102-103.
10. Nhóm điều tra thực tế đã tiến hành điều tra từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 8 tháng 11 năm 2014.
11. Phỏng vấn qua điện thoại phụ trách hành chính văn phòng đại diện tại Hà Nội của Cục bản quyền Hàn Quốc tại Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

** Tài liệu tiếng Hàn*

1. Kim Young Chan, 2008, "Nghiên cứu hiện trạng tiếp nhận phim Hàn Quốc ở Việt Nam", "Nghiên cứu truyền thông học", 16 (3): 5-29.
2. Kim Young Doek, 2002, "Nghiên cứu thị trường truyền hình ở Indonesia và Malaysia", Nxb Communication Book, Seoul.
3. Nguyễn Hồng Hạnh, 2013, "Làn sóng Hàn Quốc tại Việt Nam: trọng tâm phim truyền hình Hàn Quốc", Luận văn thạc sĩ Đại học Hanyang.
4. Lê Đăng Hoan, 2007, "Ảnh hưởng và tương lai của Hàn lưu ở Việt Nam", "Hội thảo hiện trạng và triển vọng của Hàn lưu", Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2007.
5. Lee Dong Hun, 2004, "Sức tương tượng xuyên quốc gia của phim hợp tác Hàn-Nhật", "Tập chí truyền thông Hàn Quốc", số 4(18), tr. 358-397.
6. Seol Dong Hun và cộng sự, 2007, "Ảnh hưởng của Hàn lưu đối với nhận thức của thanh thiếu niên Việt Nam", "Báo cáo nghiên cứu", mã số 07-R19, Viện nghiên cứu chính sách thanh thiếu niên Hàn Quốc.
7. Vũ Thị Thanh Hương, 2012, "Nghiên cứu nền tảng tạo nên Hàn lưu âm thực Hàn Quốc tại Việt Nam", "Nghiên cứu nội dung văn hóa", Số 2, Đại học Konkuk.
8. Lee Ki Hyung, 2005, "Văn hóa chính trị xung quanh hiện tượng Hàn lưu", "Tập chí Ngôn luận và xã hội", số 2(3), tr. 189-213.
9. Ryu Woong Jae, 2008, "Khuôn mẫu văn hóa: Hướng tới một văn hóa mở", "Kinh tế chính trị của Hàn lưu", tr. 130-134.
10. Kim Soo Jeong, 2012, "Dòng chảy siêu quốc gia của sở thích văn hóa và đặc tính của Hallyu ở Đông Nam Á", "Truyền hình và truyền thông", Số 1 quyển 13 năm 2012.
11. Park Nak Jong, 2014, "Giới thiệu hiện trạng làn sóng Hàn Quốc ở Việt Nam", "Tập chí học thuật diễn đàn trung tâm Sejong Hàn-ASEAN".
12. Kim Mi Ju và cộng sự, 2005, "Ảnh hưởng của truyền thông Hàn Quốc đến khách du lịch", "Nghiên cứu du lịch học", Số 19 quyển 2, tr. 329-342.
13. Đặng Lê Phương Mai, 2008, "Nghiên cứu hiện trạng và ảnh hưởng của Hàn lưu ở Việt Nam", Luận văn thạc sĩ trường Đại học Youngnam.
14. Kim Hyun Mi, 2005, "Văn hóa thời đại toàn cầu: vượt qua ranh giới của giới tính, nhân chủng và giai tầng", Nxb Văn hóa là một, Seoul.
15. Park Gi Ok (2005), "Cần sự giao lưu và thông hiểu lẫn nhau chứ không phải là chủ nghĩa độc tôn văn hóa", "Báo chí và truyền thông", số 3, 11/2005, tr. 30-39.
16. Jo Seong Ryong (2005), "Nghiên cứu phân tích về khả năng cạnh tranh của Hàn lưu tại Việt Nam với tư cách là thương phẩm Hàn Quốc tiến sang nước ngoài", Luận văn thạc sĩ, Đại học Hoseo.
17. Yun Jae Sik (2004), "Hàn lưu và chiến lược quảng bá các hình ảnh truyền hình: chiến lược mở rộng thị trường Việt Nam, Thái Lan", Nxb Communication, Seoul.
18. Kim Jung Seop, 2014, "Phương án bảo

- vệ văn hóa Hàn Quốc. tiếng Hàn hiệu ở khu vực Đông Nam Á", "Tạp chí học thuật diễn đàn trung tâm Sejong Hàn-ASEAN.
19. Lee Eun Suk, 2002, "Khảo sát Hàn lưu ở Trung Quốc", "Hội thảo Hàn Quốc học thế giới lần thứ nhất", Viện nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương.
 20. Phạm Thị Thanh Thủy, 2010, "Ảnh hưởng của việc xem phim truyền hình Hàn Quốc đối với người Việt về nhận thức hình ảnh quốc gia và sự hiếu kì", Luận văn thạc sỹ Đại học Kyunghee.
 21. Lê Thị Thu Trang, 2012, "Nghiên cứu ảnh hưởng của hình thái phim truyền hình Hàn lưu ở Việt Nam đến thương hiệu quốc gia Hàn Quốc: trọng tâm nhận thức nguy hiểm về xã hội Hàn Quốc", Luận văn thạc sỹ Đại học nữ Sookmyung.
 22. Kim Jong Wook, 2005, "Ảnh hưởng của Hàn lưu ở Việt Nam đối với việc phát triển quan hệ Việt-Hàn", "Nghiên cứu khoa học nhân văn", Số 10, trang 52.
 23. Ha Jong Won và Yang Eun Kyung (2002), "Khu vực hóa của truyền hình các quốc gia Đông Á và Hàn lưu", "Nghiên cứu truyền hình", Số mùa đông, tr. 67-103.
 24. Lee Dong Yeon, 2006, "Nghiên cứu văn hóa Châu Á", Nxb Green, Seoul.
 25. Kì yếu "Diễn đàn trung tâm Sejong Hàn-ASEAN", Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc và Quỹ Sejong Hàn Quốc tổ chức ngày 29 tháng 11 năm 2014, Hà Nội, Việt Nam.
 26. Tổng Công ty Phân phối nông thủy sản Hàn Quốc, 2011, "Báo cáo điều tra phản ứng của người Việt Nam về ẩm thực Hàn Quốc và lập chiến lược marketing", trang 102-103.
 27. Viện phát triển văn hóa Hàn Quốc, 2011, "Hiện trạng và triển vọng xuất nhập khẩu các sản phẩm truyền hình năm 2010", KOCCA, tháng 5/2011.
- * Tài liệu tiếng Việt**
1. Lý Xuân Chung, 2012, "Ảnh hưởng của Hàn lưu đến các nước châu Á và nguyên nhân", In international conference *Viet Nam - Korea Relationship in the past, the present and the future*, trang 76~85.
 2. Phan Thị Thu Hiền, 2012, "Sự tiếp nhận và ảnh hưởng của làn sóng Hàn Quốc đối với giới trẻ Việt ngày nay, tìm hiểu thông qua ý kiến của học sinh và sinh viên", "Tạp chí Hàn Quốc học", Số 1, trang 15~36.
 3. Đỗ Nam Liên, 2005, "Văn hóa nghe - nhìn và giới trẻ", NXB Khoa học xã hội.
 4. Đặng Thiều Ngân, 2014, "Làn sóng Hallyu ở Việt Nam", "Tạp chí Hàn Quốc học", Số 2(8), trang 32~48.
 5. Phan Thị Oanh, 2013, "Ảnh hưởng của Làn sóng văn hóa Hàn Quốc tới văn hóa tiêu dùng của giới trẻ Việt Nam", Luận văn thạc sỹ Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc - Viện nghiên cứu Đông Bắc Á.
 6. Nguyễn Thị Thắm, 2014, "Ảnh hưởng của Hàn lưu ở Việt Nam trên góc nhìn văn hóa xã hội", "Tạp chí Hàn Quốc", Số 3(9), trang 90~99.
- * Website**
1. Báo điện tử đài truyền hình Việt Nam, vtv.vn.

2. "Những nhóm nhảy cover Kpop tài năng của Việt Nam", 10/01/2013, <http://citinews.net/giai-tri/nhung-nhom-nhay-cover-kpop-tai-nang-cua-viet-nam-VHQE4JI>.
3. "Truyện tranh Việt nhiều cơ hội ít nắm bắt.", <http://www.giaoduc.edu.vn/news/xem-nghe-doc-viet-692/truyen-tranh-viet-nhieu-co-hoi-it-nam-bat-232229.aspx>.
4. "Chương trình Change Life phiên bản Việt sắp ra mắt.", <http://www.tiin.vn/chuyen-muc/dep/chuong-trinh-thuc-te-phau-thuat-tham-my-sap-ra-mat-phiên-ban-viet-nam.html>
5. "Ảnh hưởng của phim Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam", <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Giai-tri/679114/anh-huong-cua-phim-han-quoc-den-gioi-tre-viet-nam-ro-tinh-hai-mat>
6. "Truyền thông Hàn Quốc: Hàn lưu không bao giờ chết ở Việt Nam", 29/11/2011, <http://www.baomoi.com/Truyen-thong-Han-Quoc-Han-luu-khong-bao-gio-chet-o-Viet-Nam/71/7445921.epi>
7. "Làn sóng Hàn Quốc suy thoái trầm trọng", Vietbao.vn. 27/12/2006, <http://archive.today/UKPd#selection-1623.0-1623.306>.

*** Kết quả của nhóm điều tra**

1. Nhóm điều tra mạng xã hội, từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 10 tháng 11 năm 2014
2. Nhóm điều tra thực tế, từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 10 tháng 11 năm 2014.

HÀN QUỐC HỌC VIỆT NAM ĐẾN THỜI ĐIỂM 2015

*Lê Thị Thu Giang **

1. Dẫn nhập

Thành lập năm 1992, tính đến nay, Hàn Quốc học Việt Nam đã có 23 năm hình thành và phát triển. Hai mươi ba năm là quãng thời gian không dài nhưng cũng đủ để ngành học này trưởng thành và khẳng định vị trí của mình trong tương quan với các ngành khoa học khác của Việt Nam cũng như so với Hàn Quốc học của khu vực. Khảo sát về tình hình Hàn Quốc học Việt Nam thông qua việc tìm hiểu về hoạt động, quy mô của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc học, bài viết hướng tới việc phác họa một bức tranh tổng thể về Hàn Quốc học Việt Nam trong những năm gần đây.

2. Thực trạng Hàn Quốc học Việt Nam

2.1. Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học ở Việt Nam

Tính đến thời điểm này, trên toàn lãnh thổ Việt Nam đã có 14 trường đại học và cao đẳng đào tạo chính quy về Hàn Quốc, 1 trung tâm nghiên cứu Hàn

Quốc thuộc Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và 2 trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc thuộc trường. Trong đó, xét theo khu vực địa lý, khu vực phía Bắc có 4 trường đại học, 1 trường cao đẳng và 2 trung tâm nghiên cứu; khu vực miền Trung có 3 trường đại học; khu vực miền Nam có 6 trường đại học, 1 trường cao đẳng và 1 trung tâm nghiên cứu về Hàn Quốc. Trong đó, cơ sở đào tạo đầu tiên về Hàn Quốc học được thành lập ở Việt Nam là ngành văn học Hàn Quốc thuộc khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội (thành lập năm 1993). Sau khi ngành Hàn Quốc học thuộc Khoa Đông phương học ra đời, việc đào tạo cử nhân liên quan đến Hàn Quốc được chuyển sang cho Bộ môn Hàn Quốc học như hiện nay. Năm 2014, Trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu chính thức bắt đầu đào tạo hệ cử nhân cho ngành Hàn Quốc học. Đây là cơ sở đào tạo mới nhất về Hàn Quốc học của Việt Nam hiện nay.

* ThS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

Bảng 1: Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu tiếng Hàn và Hàn Quốc học tại Việt Nam

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	NĂM THÀNH LẬP
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội	Khoa Đông phương học	1995 ¹
		Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc	2006
		Trung tâm Sejong	2010
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc ²	1996 ³
		Trung tâm Sejong	2011
3	Trường Đại học Hà Nội (Trước là Đại học Ngoại ngữ Hà Nội)	Khoa tiếng Hàn	2002 ⁴
4	Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc	1998
5	Trường cao đẳng ngoại ngữ công nghệ Việt Nhật	Khoa tiếng Hàn	2008 ⁵
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Khoa tiếng Nhật - Hàn - Thái	2004
		Trung tâm tiếng Hàn	-
7	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	2006
8	Đại học Đà Lạt	Khoa quốc tế học	2004 ⁶
		Trung tâm Sejong	-
		Trung tâm học thuật Hàn - Việt	-
9	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Khoa Hàn Quốc học ⁷	1994
		Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc	2008
		Trung tâm Sejong	2011
10	Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP Hồ Chí Minh	Khoa Đông phương học	1995 ⁸
11	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Khoa Hàn Quốc học	1999 ⁹
12	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa Đông phương học	2014
		Trung tâm tiếng Hàn - Nhật	
13	Đại học Lạc Hồng	Khoa Đông phương	2003
14	Đại học Văn Hiến	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	2013
15	Trường cao đẳng công nghệ Thủ Đức	Khoa tiếng Hàn và quan hệ quốc tế	2014 ¹⁰
16	Đại học Ngoại thương	Trung tâm hợp tác châu Á - Thái Bình Dương	2008
17	Đại học Thái Nguyên	Trung tâm Sejong	2010
18	Đại học Văn hóa	Trung tâm tiếng Hàn	-
19	Đại học công nghiệp Hà Nội	Trung tâm tiếng Hàn	-
20	Đại học Bách khoa Hà Nội	Trung tâm tiếng Hàn	-
21	Trung tâm văn hóa Hàn Quốc	Trung tâm Sejong	2008

Xét theo định hướng đào tạo thể hiện qua tên gọi, có 7 trường đại học là Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM, Đại học Hồng Bàng, Đại học Vũng Tàu, Đại học Lạc Hồng, Đại học Đà Lạt và Đại học Bà Rịa Vũng Tàu được xác định là đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc theo cách tiếp cận khu vực học, còn lại 7 trường đại học và cao đẳng tập trung đào tạo về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc. So với tỷ lệ 4:7 giữa cơ sở đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc và cơ sở đào tạo tiếng Hàn thống kê vào thời điểm năm 2010, tỷ lệ này cho thấy bên cạnh việc số lượng các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc vẫn có xu hướng tăng thì định hướng đào tạo tiếng Hàn đáp ứng nhu cầu xã hội và định hướng nghiên cứu Hàn Quốc theo hướng khu vực học ở Việt Nam đã có sự cân bằng. Tuy nhiên, nếu xét trên thực tế ở quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo, số lượng các trung tâm tiếng Hàn được thành lập với mục đích dạy tiếng Hàn cho những người bình thường và việc đáp ứng nhu cầu xã hội về lao động biết tiếng Hàn... có thể khẳng định các cơ sở đào tạo tiếng Hàn đang chiếm ưu thế lớn hơn nhiều so với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc theo hướng khu vực học. Cho đến nay, ngoài các cơ sở đào tạo chính quy về Hàn Quốc học, vẫn chưa có kết quả nghiên cứu chính thức cho nhóm các trung tâm đào tạo tiếng Hàn nói chung. Nhưng trong phạm vi

khảo sát tập trung vào các trung tâm tiếng Hàn do các trường đại học tổ chức và điều hành hoặc liên kết với một trường đại học của Hàn Quốc để tiến hành đào tạo của nghiên cứu này, có thể thống kê được trên toàn lãnh thổ Việt Nam hiện nay có khoảng 13 trung tâm ngoại ngữ đào tạo tiếng Hàn cho người Việt Nam. Tuy nhiên, con số thực tế của các trung tâm này chắc chắn sẽ cao hơn rất nhiều. Việc các trung tâm tiếng Hàn vẫn không ngừng được thành lập cho thấy nhu cầu của xã hội đối với lực lượng lao động biết tiếng Hàn vẫn đang có xu hướng ngày càng tăng và đào tạo tiếng Hàn vẫn là một hướng đi chủ yếu của ngành Hàn Quốc học Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh xu hướng gia tăng của việc giảng dạy tiếng Hàn, đào tạo Hàn Quốc học theo hướng đất nước học và khu vực học ở Việt Nam cũng đang có những bước chuyển tích cực theo hướng chuyên sâu hơn và toàn diện hơn. Cụ thể là trong những năm gần đây, một số cơ sở đào tạo về Hàn Quốc học đã có những thay đổi trong chương trình đào tạo, định hướng đào tạo theo hướng khu vực học. Năm 2003, Khoa Hàn Quốc học của Đại học Quốc tế Hồng Bàng cũng được tách ra từ Khoa châu Á học (được thành lập năm 1999). Năm 2010, Khoa ngôn ngữ và văn hóa Nhật - Hàn, Trường Đại học ngoại ngữ Đại học Quốc gia vốn tập trung vào giảng dạy tiếng Hàn đã tách ra

thành Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc để chuẩn bị cho việc chuyển sang đào tạo về Hàn Quốc với các kiến thức tổng hợp. Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh còn có sự chuẩn bị xa hơn là tiến hành xây dựng, xin cấp mã ngành riêng và đến năm 2015, ngành Hàn Quốc học đã được tách ra thành khoa độc lập. Việc Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu thành lập ngành Hàn Quốc học trực thuộc khoa Đông phương học năm 2014 cũng là một trong những ví dụ nổi bật cho hướng vận động mới này. Cụ thể đó là sự chuyển đổi từ mục tiêu tạo ra các phiên dịch, biên dịch viên đáp ứng nhu cầu của công ty Hàn Quốc sang đào tạo các nhà Hàn Quốc học. Đây có thể coi là những bước đi có tính định hướng mới của Hàn Quốc học Việt Nam hướng tới nghiên cứu và đào tạo tổng hợp các kiến thức về Hàn Quốc theo hướng đất nước học, khu vực học.

2.2. Lực lượng giảng dạy và quy mô đào tạo Hàn Quốc học

Lực lượng nghiên cứu và giảng dạy Hàn Quốc học tại Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Trước đây, về cơ bản, nguồn lực nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt Nam có thể phân ra thành 2 nhóm chủ yếu: nhóm biết tiếng Hàn và nhóm không biết tiếng Hàn. Trong đó:

+ Nhóm biết tiếng Hàn được cấu thành từ hai nhóm nhỏ: Nhóm những

người đi du học tại CHDCND Triều Tiên những năm 50 - 60 và nhóm những người trẻ học về Hàn Quốc học tại Việt Nam từ năm 1993 đến nay. Nhóm những người từng học ở CHDCND Triều Tiên đóng vai trò to lớn trong việc đặt nền móng cho ngành Hàn Quốc học Việt Nam là những người không có chuyên môn về đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc. Nhóm những nhà nghiên cứu trẻ học về Hàn Quốc học tại Việt Nam từ năm 1993 đến nay là nhóm đang đóng vai trò chủ đạo trong việc nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam. Đa số những người này đều là những người đã tốt nghiệp các khóa học tại Hàn Quốc nên ngoài việc nghiên cứu, họ cũng là lực lượng chính trong đào tạo tiếng Hàn. Đây là lực lượng có ưu thế về ngoại ngữ chuyên ngành.

+ Nhóm thứ hai là nhóm những người không biết tiếng Hàn. Đây là những giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có chuyên môn sâu vào các ngành nghiên cứu khác như ngôn ngữ, lịch sử, triết học, dân tộc học... Họ là lực lượng đóng vai trò đầu tàu trong quá trình hình thành và xây dựng ngành Hàn Quốc học tại Việt Nam. Mặc dù không biết tiếng Hàn nhưng với kinh nghiệm nghiên cứu và chuyên môn của mình, đây là lực lượng giúp cho sự phổ cập về Hàn Quốc học ở Việt Nam thông qua ngôn ngữ thứ ba (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật,...).

**Bảng 2. Lực lượng giảng dạy và nghiên cứu
Hàn Quốc học tại Việt Nam**

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	SỐ GIẢNG VIÊN
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội	Khoa Đông phương học	6/10 ¹¹
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	22
3	Trường Đại học Hà Nội (Trước là Đại học Ngoại ngữ Hà Nội)	Khoa tiếng Hàn	17
4	Trường cao đẳng ngoại ngữ công nghệ Việt Nhật	Khoa tiếng Hàn	28
5	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Khoa tiếng Nhật - Hàn - Thái	11
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	10
7	Đại học Đà Lạt	Khoa quốc tế học	10
8	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Khoa Hàn Quốc học	20/24
9	Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP Hồ Chí Minh	Khoa Đông phương học	12/19
10	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Khoa Hàn Quốc học	5/13
11	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa Đông phương học	5
12	Đại học Lạc Hồng	Khoa Đông phương	4
13	Đại học Văn Hiến	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	4/12
14	Trường cao đẳng công nghệ Thủ Đức	Khoa tiếng Hàn và quan hệ quốc tế	4

Hiện nay, lực lượng nghiên cứu Hàn Quốc học Việt Nam đang có sự chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng trẻ hóa và chuyên môn hóa. Sau một thời gian học tập và tích lũy kinh nghiệm, lực lượng trẻ đã và đang dần dần xây dựng được một lực lượng mạnh, có đào tạo bài bản. Hiện nay, ở hầu hết các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt

Nam, số người có độ tuổi dưới 40 chiếm đến 90% - 95%. Theo số liệu chúng tôi thống kê được qua việc tổng hợp các bản thống kê về giảng viên của các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc học trong số đó, số người có học hàm tiến sĩ đã tăng lên đáng kể. Hiện nay, số giảng viên Việt Nam hoạt động trong ngành Hàn Quốc học đạt học vị tiến sĩ đã đạt tới 23 người so với 9

người theo như thống kê của Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam năm 2011. Số người đang trong quá trình thực hiện học hàm tiến sĩ là 22 người. Đây là đội ngũ có khả năng sử dụng được tiếng Hàn thành thạo nên trong tương lai sẽ có được nhiều lợi thế về công cụ trong nghiên cứu về Hàn Quốc. Bên cạnh đó, lực lượng nghiên cứu và giảng dạy về Hàn Quốc qua ngôn ngữ thứ 3 vẫn tiếp tục được bổ sung bởi những người có cơ hội học tập hoặc làm những dự án liên quan đến Hàn Quốc. Lực lượng này có xu hướng ngày càng rút ra khỏi hoạt động giảng dạy nhưng trong lĩnh vực nghiên cứu, đây vẫn là lực lượng đóng vai trò đáng kể. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, một lực lượng mới bổ sung cho ngành Hàn Quốc học Việt Nam là lực lượng các học giả người Hàn Quốc biết tiếng Việt. Mặc dù lực lượng này không thực sự làm công tác nghiên cứu về Hàn Quốc nhưng với tư cách là người bản địa, thông qua các công trình nghiên cứu đối chiếu, các công trình của họ cũng góp phần làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan đến Hàn Quốc. Đây cũng là nhóm lực lượng đóng vai trò nhất định

trong việc nghiên cứu và giảng dạy về Hàn Quốc và có xu hướng ngày càng tăng. Sự chuyển đổi về lực lượng như vậy của Hàn Quốc học Việt Nam đã phản ánh kết quả tích cực của ngành Hàn Quốc học Việt Nam sau 20 năm hình thành và phát triển. Đồng thời, nó cũng là bước chuyển tạo động lực lớn cho sự phát triển của ngành Hàn Quốc học Việt Nam trong tương lai.

2.2. Quy mô và chương trình đào tạo Hàn Quốc học ở Việt Nam

Quy mô giảng dạy của các cơ sở đào tạo Hàn Quốc học cũng có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực. Số lượng sinh viên theo học ngành này đang ngày càng gia tăng. Điều này không chỉ phản ánh nhu cầu của xã hội đối với ngành học mà còn cho thấy sự chuyển biến trong nhận thức của các nhà quản lý giáo dục. Theo thống kê tính đến hết học kỳ II năm học 2014 - 2015, hầu hết các cơ sở đào tạo đều có số lượng tuyển sinh đạt trên 35 sinh viên/ năm. Những cơ sở đào tạo theo hướng tập trung vào ngôn ngữ và văn hóa thậm chí còn đạt đến quy mô đào tạo trên 100 sinh viên/ năm.

Bảng 3. Số lượng sinh viên ngành Hàn Quốc học Việt Nam

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	SỐ SINH VIÊN
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội	Khoa Đông phương học	106
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	315

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	SỐ SINH VIÊN
3	Trường Đại học Hà Nội (Trước là Đại học Ngoại ngữ Hà Nội)	Khoa tiếng Hàn	400
4	Trường cao đẳng ngoại ngữ công nghệ Việt Nhật	Khoa tiếng Hàn	120
5	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Khoa tiếng Nhật - Hàn - Thái	330
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	-
7	Đại học Đà Lạt	Khoa quốc tế học	329
8	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Khoa Hàn Quốc học	-
9	Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP Hồ Chí Minh	Khoa Đông phương học	340
10	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Khoa Hàn Quốc học	140
11	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa Đông phương học	20
12	Đại học Lạc Hồng	Khoa Đông phương	153
13	Đại học Văn Hiến	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	-
14	Trường cao đẳng công nghệ Thủ Đức	Khoa tiếng Hàn và quan hệ quốc tế	206

Hiện tượng này được lý giải là nhờ những chuyển biến mạnh mẽ trong việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức của các cơ sở đào tạo. Hiện nay, cùng với việc một số cơ sở đào tạo có mã ngành riêng hoặc được tách ra khỏi các khoa trực thuộc và phát triển thành ngành, khoa độc lập, việc nói lỏng chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành Hàn Quốc học là yếu tố quyết định cho sự mở rộng quy mô đào tạo của ngành Hàn Quốc học. Cụ thể như bên cạnh việc có mã ngành riêng, Khoa Hàn Quốc học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ĐHQG thành phố Hồ

Chí Minh đã phát triển thành một khoa độc lập. Điều này tạo điều kiện cho khoa tăng chỉ tiêu tuyển dụng, từ đó tăng được số lượng tuyển sinh và mở rộng quy mô đào tạo. Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Hàn Quốc học, Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng cũng là những ví dụ điển hình cho việc mở rộng quy mô đào tạo thông qua việc phát triển thành ngành độc lập theo hướng đất nước học. Mặc dù vẫn giữ nguyên mô hình đào tạo và nghiên cứu theo hướng khu vực học, ngành Hàn

Quốc học, Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học quốc gia Hà Nội lại đi theo hướng tăng chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành. Điều này làm cải thiện số lượng sinh viên theo học ngành Hàn Quốc cũng như các ngành khác trong khoa Đông phương học nhưng không nhiều và xét về lâu dài, đây cũng chưa

phải là giải pháp bền vững cho việc mở rộng quy mô đào tạo.

Xem xét chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc học, có thể thấy rõ số giờ học tiếng Hàn và tỷ lệ môn học kỹ năng tiếng với các môn chuyên ngành ở mỗi cơ sở đào tạo là khác nhau.

**Bảng 4: Tỷ lệ phân bố giờ học môn chuyên ngành năm 2014 - 2015
tại các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc học tại Việt Nam**

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	MÔN KỸ NĂNG TIẾNG (Tỉn chỉ/ %)	MÔN BỔ TRỢ TIẾNG (Tỉn chỉ/ %)	MÔN CHUYÊN ĐỀ HÀN QUỐC HỌC (Tỉn chỉ/ %)	TỔNG SỐ TỈN CHỈ	ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội	Khoa Đông phương học	29 69,04	4 9,52	9 21,42	42	1,2,3,4
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	33 57,89	9 15,78	15 26,31	57	1,2,3,4
3	Trường Đại học Hà Nội (Trước là Đại học Ngoại ngữ Hà Nội)	Khoa tiếng Hàn	116 83,45	10 7,19	13 9,35	139	1,2,3,4
4	Trường cao đẳng ngoại ngữ công nghệ Việt Nhật	Khoa tiếng Hàn	48 64,76	0 0	27 36	75	2,3,4
5	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Khoa tiếng Nhật - Hàn - Thái	65 79,26	13 15,85	4 4,87	82	2,3
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Khoa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	-	-	-	-	
7	Đại học Đà Lạt	Khoa quốc tế học	32 62,74	7 13,72	2 3,92	51	
8	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Khoa Hàn Quốc học	-	-	-	-	-
9	Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP Hồ Chí Minh	Khoa Đông phương học	80 86,99	4 4,34	8 8,69	92	1,2,3,4
10	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Khoa Hàn Quốc học	99 75,57	0 0	32 24,42	131	1,2,3,4

STT	TÊN TRƯỜNG	TÊN KHOA	MÔN KỸ NĂNG TIẾNG (Tín chỉ/ %)	MÔN BỔ TRỢ TIẾNG (Tín chỉ/ %)	MÔN CHUYÊN ĐỀ HÀN QUỐC HỌC (Tín chỉ/ %)	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN
11	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa Đông phương học	16 100	0	0	16	1
12	Đại học Lạc Hồng	Khoa Đông phương học	83 87,36	0 0	12 12,63	95	1,2,3,4
13	Đại học Văn Hiến	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	-	-	-	-	-
14	Trường cao đẳng công nghệ Thủ Đức	Khoa tiếng Hàn và quan hệ quốc tế	69 100	0	0	69	1,2

Bảng trên biểu thị số lượng tín chỉ các môn liên quan đến Hàn Quốc trong năm học 2014 - 2015 của các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc theo 3 nhóm: 1) nhóm các môn thực hành tiếng, 2) nhóm các môn bổ trợ cho việc học tiếng (các môn liên quan đến lý thuyết tiếng như: lý luận ngôn ngữ, đối chiếu ngôn ngữ, lý thuyết ngữ âm, lý thuyết về từ vựng, lý thuyết dịch.....) và 3) nhóm các môn chuyên đề Hàn Quốc học nhằm tìm hiểu tỷ lệ của mỗi nhóm môn trong tổng số tín chỉ cần tích lũy trong năm học đó. Do không khảo sát được chương trình đào tạo tổng thể cũng như toàn bộ các môn học trong năm mà sinh viên phải tích lũy¹⁴ của từng cơ sở đào tạo nên báo cáo không thể có một cái nhìn chính xác về tỷ lệ các môn học về Hàn Quốc trong tổng số tín chỉ mà sinh viên phải tích lũy để từ đó chỉ ra hàm lượng kiến thức Hàn Quốc học của ngành. Nhưng qua kết quả khảo sát có thể thấy, ở tất cả các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc học, số giờ dạy tiếng Hàn chiếm tỷ

trọng cao, từ 60% trở lên. Trong đó, có một số cơ sở dành 100% số giờ để dạy về ngôn ngữ. Đó là trường hợp của Trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu vừa tiến hành đào tạo được một năm và Trường cao đẳng công nghệ Thủ Đức. Số lượng giờ học mà giảng viên phải đảm nhận trong năm cũng có sự khác biệt lớn. Trong đó, nhiều nhất là Trường Đại học Hà Nội và Đại học Hồng Bàng và ít nhất là Đại học Bà Rịa Vũng Tàu do mới được thành lập nên không có nhiều lớp. Tuy nhiên, việc xem xét các thông số về tỷ lệ giờ học tiếng với các giờ học chuyên đề và bổ trợ chỉ có tính tham khảo tương đối. Nếu tìm hiểu được số giờ học tiếng trung bình hàng năm cho mỗi khóa học mà các cơ sở đào tạo đang thực hiện, cần phải xem xét tổng số giờ học tiếng Hàn tương ứng với số khóa sinh viên tham gia học tập trong năm. Theo cách tiếp cận này, Bộ môn Hàn Quốc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội có tổng số tín chỉ tích lũy cho môn kỹ

năng tiếng Hàn cho đối tượng sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ 4 là 29 tín chỉ. Như vậy, trung bình mỗi lớp khóa học trong một tuần chỉ được học 7,25 tiết học dành cho kỹ năng tiếng. Con số này là không thể so sánh với 29 tiết/ tuần của Trường Đại học Hà Nội, 25 tiết/ tuần của Đại học Hồng Kông. Lý do là hiện nay ngành Hàn Quốc học đang có sự chuyển đổi theo hướng đại học nghiên cứu theo chủ trương chung của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội. Hiện nay, một số trường có sự kết hợp đào tạo với các trường đại học của Hàn Quốc qua các chương trình dạy trực tuyến, VOD hoặc giảng dạy các môn chuyên đề bằng tiếng Hàn. Điều này giúp các cơ sở có thể nâng cao tỷ lệ môn chuyên ngành mà vẫn đảm bảo sinh viên có thời lượng tiếp xúc với tiếng Hàn cao. Tuy nhiên, cách làm này đòi hỏi sự đầu tư cao độ và hiệu quả cho việc học tiếng Hàn ở giai đoạn đầu. Theo hình thức này, một số trường định hướng tập trung ngôn ngữ như Đại học Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ Đại học quốc gia Hà Nội đã tập trung trang bị tiếng cho sinh viên trong hai năm đầu để sinh viên có khả năng nghe giảng các bài giảng chuyên đề bằng tiếng Hàn trong giai đoạn sau. Nhưng không thể phủ định chất lượng ngoại ngữ phụ thuộc phần nhiều vào khối lượng thời gian đầu tư. Do định hướng phát triển khác nhau, các cơ sở đào tạo có sự điều chỉnh khác nhau giữa các khối

kiến thức. Nhưng để tiếng Hàn có thể trở thành một công cụ để nghiên cứu cũng như để sinh viên có thể sử dụng trong công việc sau này, khối lượng giờ học tiếng Hàn cần phải đảm bảo ở một mức độ nhất định.

2.2. Sự ra đời và hoạt động của Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam

Được thành lập năm 2011, Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam (tên tiếng Anh: Korea Research Association of Vietnam - KRAV) ra đời với mục đích tạo một mạng lưới liên kết giữa các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc cũng như những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về Hàn Quốc học của Việt Nam và xây dựng một đầu mối để Hàn Quốc học Việt Nam có thể hòa nhập với Hàn Quốc học khu vực và thế giới.

Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam là hội nghiên cứu khoa học về một quốc gia đầu tiên được thành lập ở Việt Nam. Ban chấp hành hội gồm những thành viên đại diện cho các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc trên toàn quốc. Kể từ khi thành lập đến nay, Hội đã rất nỗ lực trong việc kết nối các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc, xây dựng tiếng nói chung cho ngành nghiên cứu Hàn Quốc học Việt Nam nhưng hoạt động của Hội vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là kinh phí hoạt động.

Để xây dựng tiếng nói chung của ngành Hàn Quốc học Việt Nam, ngay từ khi thành lập, Hội đã chủ trương xuất bản tạp chí định kỳ nhằm công bố các công trình nghiên cứu về Hàn Quốc học cũng như cung cấp các thông tin hoạt động của ngành Hàn Quốc học Việt Nam. Tạp chí Hàn Quốc ra đời nhờ sự nỗ lực rất lớn của các thành viên trong ban chấp hành Hội. Mặc dù rất khó khăn về kinh phí nhưng cho đến nay Hội đã duy trì được tạp chí được hơn 3 năm với 4 kỳ xuất bản mỗi năm. Mặc dù được đánh giá tốt về chất lượng nội dung và tính thẩm mỹ nhưng do không có đủ kinh phí nên số lượng phát hành còn chưa nhiều. Điều này là nguyên nhân chính làm cho sức quảng bá cho tạp chí vẫn còn nhiều hạn chế.

Đối với vai trò là trung tâm liên kết các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc học của Việt Nam, có thể đánh giá một cách khách quan là Hội vẫn chưa thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu Hàn Quốc học trong nước. Nguyên nhân có thể là do uy tín của Hội chưa cao, các cơ sở vẫn chưa tìm thấy được những quyền lợi và lợi ích của mình khi tham gia vào hoạt động của Hội. Hai năm gần đây, ngoài việc duy trì *Tạp chí Hàn Quốc*, Hội đã có những hoạt động tích cực và cố hiệu quả, chẳng hạn phối hợp với Trung tâm văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam thực hiện đề tài nghiên cứu về *Những ảnh hưởng của Hàn lưu tại Việt Nam*. Và gần đây, một

trong những hoạt động mang tính chất là đầu mối liên kết của Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam chính là việc Hội phối hợp với Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF) và Bộ môn Hàn Quốc học, Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: “Giảng dạy ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn cho người Việt Nam”. Trên cơ sở của sự hợp tác này, hy vọng trong thời gian tới, Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam có thể phát huy và khẳng định vai trò kết nối như mục đích thành lập. Để làm được điều đó, ngoài việc tìm kiếm sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức phía Hàn Quốc, Hội cần phải tìm được mối quan tâm chung của Hàn Quốc học Việt Nam để xây dựng được kế hoạch hoạt động cụ thể dung hòa được yêu cầu của từng cơ sở. Trong đó, việc xây dựng các đề tài nghiên cứu chung giữa các cơ sở nghiên cứu về Hàn Quốc; trao đổi, giao lưu học thuật giữa các nhà nghiên cứu Hàn Quốc học, tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế về Hàn Quốc học... là hướng đi cần khai thác và phát triển.

3. Các vấn đề còn tồn tại của Hàn Quốc học Việt Nam

3.1. Lực lượng nghiên cứu còn yếu và mỏng

Trong những năm trở lại đây, lực lượng nghiên cứu đã có sự phát triển

vượt bậc với đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy được đào tạo bài bản và nhiệt huyết. Nếu chỉ tính 5 năm trước đây, số lượng giảng viên đạt học hàm tiến sĩ có liên quan đến Hàn Quốc chỉ đếm trên đầu ngón tay thì năm nay, con số này đã lên tới 23 người. Ngoài ra, số tiến sĩ người Hàn Quốc thực hiện học vị và học hàm tại Việt Nam cũng tăng lên. Đây cũng là một lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc giảng dạy và nghiên cứu cũng như đưa các kiến thức liên quan đến Hàn Quốc tới cho người Việt Nam. Tuy nhiên, so với các ngành học khác, nhân lực cho ngành học này vẫn ở tình trạng thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Điều này thể hiện ở nhiều cơ sở đào tạo Hàn Quốc học nói riêng và trong toàn ngành Hàn Quốc học nói chung. Có nhiều cơ sở, lực lượng giảng viên chỉ đảm bảo việc dạy trong quy mô nhỏ, không đủ để thực hiện các hoạt động trao đổi, giao lưu học thuật tập thể. Thời gian cho hoạt động nghiên cứu vì thế cũng không đảm bảo. Để khắc phục tình trạng này, nhiều cơ sở đã thực hiện thuê giảng viên mời ngoài nhưng điều này tùy thuộc nhiều vào cơ chế chi tiêu và hoạt động của từng cơ sở nên không có tính phổ biến. Ngoài ra, xét trên phương diện chất lượng nghiên cứu, lực lượng nghiên cứu Hàn Quốc học ở Việt Nam vẫn chưa khẳng định được vị trí của mình trong các công trình nghiên cứu về Hàn Quốc trong nước. Số công trình nghiên cứu

được công bố có tăng lên về số lượng nhưng chưa có công trình ghi dấu ấn của người nghiên cứu. Đặc biệt, các công trình nghiên cứu tập thể, quy mô lớn hầu như vẫn còn vắng bóng trong giới nghiên cứu Hàn Quốc học Việt Nam. Cho đến thời điểm này, có thể nói mới chỉ có Viện nghiên cứu Đông Bắc Á là đã thực hiện được một công trình nghiên cứu tập thể về tình hình nghiên cứu Hàn Quốc của Việt Nam với sự tài trợ của Viện nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương Hàn Quốc (AKS - The Academy of Korea Studies) nhưng nó vẫn mang tính chất của một tập hợp các nghiên cứu riêng lẻ hơn là một nghiên cứu tập thể.

3.2. Thiếu sự liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo Hàn Quốc học trong nước và quốc tế

Như trên đã đề cập, Hàn Quốc học Việt Nam hầu như vẫn còn vắng bóng các công trình nghiên cứu tập thể. Điều này là kết quả của việc không có sự liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo trong nước. Thiếu sự liên kết dẫn đến thiếu các hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước và khu vực. Quan trọng hơn, việc thiếu liên kết dẫn đến việc khó có thể hình thành được các nhóm nghiên cứu. Đặc biệt là các nhóm nghiên cứu mạnh. Các cá nhân có cùng tâm huyết, cùng cách làm việc, cùng mối quan tâm có thể tự tạo thành nhóm nghiên cứu

nhưng cách hoạt động này dễ dẫn đến việc nghiên cứu không có tính định hướng, chồng chéo và thiếu tính tổ chức. Vì thế, vai trò dẫn dắt của một tổ chức đứng đầu chứ không phải của một cá nhân là rất quan trọng. Năm 2011, Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam đã được thành lập nhưng vẫn chưa khẳng định được vai trò dẫn dắt của mình. Điều này làm giảm sức hút trong việc tham gia các hoạt động chung của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

Trong những năm qua, hai trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn ở Hà Nội và T.P Hồ Chí Minh đã tham gia rất nhiệt tình vào các hoạt động của *Hội nghiên cứu Hàn Quốc của Đông Nam Á* (Korean Studies Association of Southeast Asia - KSASA). Những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về Hàn Quốc học tại hai cơ sở nêu trên đã có được những thông tin bổ ích về tình hình hình nghiên cứu và giáo dục Hàn Quốc của các trường đại học trong khu vực thông qua các hội thảo được tổ chức hàng năm. Tuy nhiên, trong nhiều năm các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về Hàn Quốc học khác của Việt Nam vẫn chưa có nhiều thông tin và không có nhiều quan tâm đến hoạt động của Hội này. Sự tham gia vào Hội nghiên cứu Hàn Quốc của Đông Nam Á của Hàn Quốc học Việt Nam dường như mới dừng lại ở sự ghi danh chứ chưa có những hoạt động thiết

thực và chủ động. Nếu muốn trở thành một bộ phận của nghiên cứu Hàn Quốc học khu vực, chắc chắn mỗi người nghiên cứu và giảng dạy về Hàn Quốc Việt Nam cần phải có nhiều hơn nữa sự chủ động trong tìm hiểu, kết nối và mong muốn khẳng định mình trong nghiên cứu và giảng dạy về Hàn Quốc học. Đối với ngành Hàn Quốc học nói chung, sau hơn 20 năm phát triển với tốc độ nhanh chóng trên cơ sở phát huy các lợi thế về vị trí địa lý gần gũi, sự tương đồng văn hóa, quy mô đầu tư ngày càng tăng của Hàn Quốc vào Việt Nam..., có thể nói ngành Hàn Quốc học Việt Nam đã xây dựng được một nền móng tương đối vững chắc. Tuy nhiên, để có được sự phát triển bền vững và phát huy tốt vai trò định hướng xã hội vốn được xác định là vai trò chủ yếu của các trường đại học hiện nay, ngành Hàn Quốc học Việt Nam cần nhiều hơn sự nỗ lực tự thân và hợp tác giữa các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước cũng như trong khu vực và trên thế giới.

3.3. Tài liệu được dịch sang tiếng Việt còn thiếu dẫn đến việc sử dụng tài liệu chưa hiệu quả

Ở Việt Nam, Hàn Quốc học hiện đang là ngành học có nhu cầu xã hội lớn. Nhưng những tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và học tập vẫn là vấn đề chưa được giải quyết. Tháng 8 năm 2005 giáo trình *Tiếng Hàn cao cấp* và giáo trình *Lịch sử Hàn Quốc* đã được xuất bản với

sự hợp tác giữa Đại học Quốc gia Seoul và Đại học Quốc gia Hà Nội. Tiếp đến, tháng 6 năm 2008, cuốn *Xã hội Hàn Quốc hiện đại* cũng nằm trong dự án hợp tác này đã được xuất bản. Đến năm 2009, với sự hỗ trợ của Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF - Korea Foundation), bộ giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp cho người Việt Nam* (6 tập, từ sơ cấp đến cao cấp) đã được xuất bản. Đây là bộ giáo trình được trình bày bằng tiếng Việt đồ sộ và có hệ thống nhất về tiếng Hàn ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh việc xuất bản giáo trình, Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc còn phát hành giáo trình điện tử cho giáo trình này nên có thể nói, đây là tài liệu học tập và giảng dạy tiếng Hàn được hỗ trợ tốt nhất hiện nay. Với sự xuất hiện của bài giảng điện tử, số người sử dụng giáo trình này đã tăng lên nhiều và hiệu quả sử dụng cũng được nâng cao. Tuy nhiên đây chỉ là một trong rất ít các tài liệu về Hàn Quốc học được sử dụng hiệu quả. Hơn nữa, vì là giáo trình học tiếng nên tần suất sử dụng tài liệu cũng cao hơn.

Đối với các tài liệu nghiên cứu, việc sử dụng trong đối tượng sinh viên hầu như không có. Lý do là vì khả năng tiếng Hàn của sinh viên chưa đủ để đọc trong khi những tài liệu nhóm này có tỷ lệ dịch sang tiếng Việt rất ít. Cho đến thời điểm này, chỉ có các tác phẩm văn học là được dịch nhiều nhất. Chưa bàn đến chất lượng dịch hay sự tiếp nhận của độc giả

đối với tác phẩm nhưng cho dù là nhóm được dịch nhiều nhất thì văn học Hàn Quốc vẫn chỉ ở thế yếu trong thị trường văn học Việt Nam. Trong khi đó, những tài liệu về các ngành học khác được dịch sang tiếng Việt hầu như không có, đặc biệt là các tài liệu mang tính học thuật. Việt Nam đang cần có những tài liệu mang tính học thuật và nghiên cứu sâu để phục vụ cho việc đào tạo đại học và sau đại học về Hàn Quốc học. Việc đa dạng hoá chủng loại tài liệu cũng là một hướng cần quan tâm trong quá trình phát triển ngành Hàn Quốc học. Hiện nay, các tài liệu liên quan đến Hàn Quốc mới chỉ tập trung chủ yếu ở các khía cạnh kinh tế, văn hoá, lịch sử, ngôn ngữ, chưa mở rộng sang các lĩnh vực khác như chính trị, quan hệ quốc tế, luật pháp, v.v.

Trên đây là vài nét về tình hình nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc học ở Việt Nam hiện nay. Nhìn chung, Hàn Quốc học Việt Nam dù còn không ít hạn chế nhưng đã trở thành một ngành học có vị trí xứng đáng trong nền giáo dục Việt Nam. Những thành tựu mà các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học có được là do sự cố gắng bền bỉ của các giảng viên, các nhà nghiên cứu, sự hỗ trợ quý báu của các trường đại học, các viện nghiên cứu ở Việt Nam. Góp công vào những thành tựu đó còn là sự giúp đỡ, sự hỗ trợ to lớn từ Đại sứ quán Hàn Quốc tại Hà Nội, Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc

tại T.P Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu Hàn Quốc, KOICA, KF, quỹ giao lưu quốc tế, quỹ phát triển học thuật Hàn Quốc, v.v. Tuy nhiên, để có được sự phát triển bền vững và hòa nhập được với sự phát triển chung của Hàn Quốc học khu vực và thế giới, Hàn Quốc học Việt Nam rất cần một hoạch định dài hơi. Điều này đòi hỏi sự kết hợp và liên kết cao giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và vai trò dẫn dắt của một tổ chức có đủ uy tín và sức mạnh. Đó là công việc cần làm của Hàn Quốc Việt Nam trong thời gian tới.

CHÚ THÍCH

1. Từ năm 1993, ngành Hàn Quốc học bắt đầu đào tạo dưới hình thức chính quy không tập trung. Đến năm 1995, ngành Hàn Quốc học chính thức đào tạo hệ chính quy như hiện nay.
2. Trước năm 2012, là một bộ môn thuộc Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nhật - Hàn. Năm 2012, tách thành Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc.
3. Năm 1995, tiếng Hàn bắt đầu được đưa vào giảng dạy. Năm 1996, chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc chính thức tuyển sinh.
4. Từ năm 1998, tiếng Hàn đã được đào tạo như một chuyên ngành phụ. Từ năm 2002, tiếng Hàn được coi là một chuyên ngành đào tạo chính thức.
5. Năm 2007, tiếng Hàn được đào tạo như chuyên ngành phụ. Đến năm 2008, khoa tiếng Hàn mới chính thức được thành lập.
6. Năm 2003, tiếng Hàn được bắt đầu đưa vào giảng dạy. Đến năm 2004, ngành Hàn Quốc học thuộc khoa Đông phương học mới chính thức thành lập.
7. Thành lập năm 1994, bộ môn Hàn Quốc học vốn là một bộ môn trong Khoa Đông phương học. Năm 2012, bộ môn Hàn Quốc nâng cấp thành Khoa Hàn Quốc học trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
8. Năm 1994 bắt đầu đào tạo như môn học chung. Năm 1995, chuyên ngành tiếng Hàn chính thức tuyển sinh.
9. Từ năm 1999, là chuyên ngành thuộc Khoa châu Á học. Năm 2003, phát triển thành ngành Hàn Quốc học.
10. Năm 2006, bắt đầu giảng dạy tiếng Hàn nhưng từ năm 2014, tiếng Hàn mới được coi là một chuyên ngành đào tạo.
11. Thông số biểu thị số lượng giảng viên chính thức trên tổng số giảng viên tham gia giảng dạy tại một cơ sở đào tạo. Các thông số không theo dạng này chỉ biểu thị số lượng giảng viên đang giảng dạy tại cơ sở đào tạo đó.
12. Chỉ tính học kỳ 2 năm học 2014 - 2015.
13. Chỉ tính học kỳ 2 năm học 2014 - 2015.
14. Số môn học mà sinh viên phải tích lũy có thể bao gồm các môn chung, môn nhóm chuyên ngành, môn chuyên ngành. Trong khi, số liệu thống kê được thể hiện ở đây chỉ tính đến môn chuyên ngành.

ẢNH HƯỞNG CỦA HÀN LƯU ĐẾN VIỆC XUẤT BẢN SÁCH HỌC TIẾNG HÀN, SÁCH DỊCH TRUYỆN TRANH VÀ VĂN HỌC HÀN QUỐC

Cao Thị Hải Bắc *

Tóm tắt

Bài viết cho một cái nhìn khái quát về mức độ ảnh hưởng của Hàn lưu, cụ thể là các lĩnh vực như tiếng Hàn, phim ảnh Hàn Quốc, truyện tranh Hàn Quốc đến đời sống văn hóa của người Việt Nam. Tiếp đó, tác giả tập trung phân tích ảnh hưởng của các lĩnh vực Hàn lưu này đến việc xuất bản các sách học tiếng Hàn, sách dịch truyện tranh và văn học Hàn Quốc. Thông qua các khảo sát thực tế, bài viết nhận định nhờ sức ảnh hưởng mạnh mẽ của Hàn lưu, tình hình xuất bản các sách học tiếng Hàn, sách dịch truyện tranh và văn học Hàn Quốc không chỉ ngày càng gia tăng về số lượng mà các chủ đề cũng ngày càng đa dạng hơn.

Từ khóa: *Hàn lưu, sách học tiếng Hàn, sách dịch truyện tranh, sách dịch văn học Hàn Quốc.*

1. Đặt vấn đề

Hàn lưu ở Việt Nam đang có sức hút mạnh mẽ hơn bất kì quốc gia nào khác ở Đông Á, song các nghiên cứu học thuật, đặc biệt là các nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi và phỏng vấn sâu để khảo sát các đối tượng tiếp nhận Hàn lưu tại các nước bản địa đang bộc lộ rõ nhiều điểm hạn chế. Có thể kể đến một số nghiên cứu Hàn lưu tiêu biểu trong và ngoài nước như Park Ki Ok (2005); Lee Ki Hyung (2005); Kim Soo Jung (2012); Phan Thị Oanh (2013) Đặng Thiều Ngân (2014), Nguyễn Thị Thắm (2014) v.v... Hạn chế chung của những nghiên cứu đi trước là ít tính đa dạng và tính mới lạ. Đại bộ phận các nghiên cứu này chỉ tiếp cận nội dung văn hóa Hàn lưu ở phạm vi âm nhạc, phim ảnh, mà chưa thảo luận về những lĩnh vực đa dạng khác của Hàn lưu như ẩm thực, tiếng Hàn, game trực tuyến, truyện tranh, tác phẩm văn học v.v... Mặt khác,

* ThS., Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.

hầu hết các nghiên cứu hiện có chỉ tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của Hàn lưu đến lối sống, nhận thức về giá trị truyền thống của giới trẻ Việt Nam hay nhận thức về hình ảnh đất nước, con người Hàn Quốc v.v... Những ảnh hưởng ở khía cạnh đa dạng khác như giáo dục, kinh tế v.v... còn ít được đề cập.

Khắc phục những điểm tồn tại của các nghiên cứu đi trước, để có cái nhìn mới và đa dạng hơn, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của phim ảnh Hàn Quốc, tiếng Hàn và truyện tranh Hàn Quốc đến việc xuất bản các sách học tiếng Hàn, sách dịch truyện tranh và văn học Hàn Quốc tại Việt Nam. Cụ thể, bài viết muốn trả lời ba câu hỏi. Thứ nhất, mức độ yêu thích tiếng Hàn có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình xuất bản các sách học tiếng Hàn? Thứ hai, phim ảnh Hàn Quốc ảnh hưởng như thế nào đến tình hình xuất bản các sách dịch văn học Hàn Quốc? Và cuối cùng là mức độ yêu thích truyện tranh Hàn Quốc ảnh hưởng như thế nào đến tình hình xuất bản truyện tranh Hàn Quốc?

Bài viết này sử dụng một phần dữ liệu định lượng và định tính từ cuộc khảo sát trong nghiên cứu trước của Trần Thị Hường và Cao Thị Hải Bắc về ảnh hưởng của Hàn lưu trong đời sống văn hóa Việt Nam được thực hiện năm 2014¹. Bên cạnh đó, tác giả đã tiến hành bổ sung 10 trường hợp phỏng vấn sâu ở các độ tuổi,

ngành nghề đa dạng kết hợp với phương pháp khảo sát thực tế tại các hiệu sách lớn tại Hà Nội².

2. Ảnh hưởng của mức độ yêu thích tiếng Hàn đến việc xuất bản các sách học tiếng Hàn

Tiếng Hàn xuất hiện tại Việt Nam muộn hơn nhiều so với tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, song lại nhanh chóng tìm được vị trí trong lòng người dân Việt Nam. Hiện nay, tiếng Hàn được coi là một ngoại ngữ được ưa thích trong thị trường giáo dục tại Việt Nam. Theo kết quả khảo sát trong nghiên cứu của Trần Thị Hường và Cao Thị Hải Bắc (2014), tỉ lệ người trả lời chọn đáp án “thích tiếng Hàn” chiếm 84%. Điều này cho thấy ảnh hưởng to lớn của tiếng Hàn đối với giới trẻ Việt Nam. Trường hợp xuất phát từ sự hứng thú đối với tiếng Hàn dẫn đến việc học tiếng Hàn ngày càng nhiều. Mong muốn đi du học Hàn Quốc và làm việc ở công ty Hàn Quốc trở thành lý do quan trọng trong việc lựa chọn học tiếng Hàn. Mức độ yêu thích du học Hàn Quốc và mức độ yêu thích làm việc tại các công ty Hàn Quốc đều chiếm quá bán lần lượt là 55% và 64%. Điều này có nghĩa là tiếng Hàn đã trở thành công cụ giúp ích quan trọng cho việc hiện thực hóa “Giấc mơ Hàn Quốc”. Kết quả phỏng vấn sâu còn cho thấy không chỉ giới trẻ mà cả tầng lớp trung niên cũng quan tâm nhiều đến tiếng Hàn. Thông qua văn hóa đại chúng,

giới trẻ biết đến và yêu thích tiếng Hàn một cách tự nhiên. Ngược lại, tầng lớp trung niên lại có quan tâm đến tiếng Hàn xuất phát từ quan tâm đến chuyên ngành và con đường tương lai của con cái.

Park Nak Jong (2014) cũng cho biết từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 11 năm 2013, chương trình dạy tiếng Hàn “Xin Chào Hankuko” do Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc tài trợ đã được phát sóng trên kênh VTV2 đài truyền hình Việt Nam. Cùng với đó, việc Bộ giáo dục Việt Nam đang triển khai “Đề án giáo dục 2020” lựa chọn tiếng Hàn làm môn học ngoại ngữ 2 ở các trường phổ thông của Việt Nam cho thấy vị thế của tiếng Hàn đang ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn tại Việt Nam. Tính đến nay, tại Việt Nam có 3204 sinh viên chính quy tại 15 trường đại học trên toàn quốc tham gia học tiếng Hàn và 8 trung tâm Sejong, rất nhiều trung tâm ngoại ngữ quy mô nhỏ cùng các chương trình tiếng Hàn phi chính quy dành cho nhân viên ưu tú của doanh nghiệp Hàn Quốc...cũng đang được vận hành.³

Sức ảnh hưởng sâu rộng của tiếng Hàn đến nhiều lứa tuổi người Việt Nam đã khiến cho nhu cầu học tiếng Hàn ngày càng tăng và nhu cầu sở hữu những cuốn sách học tiếng Hàn tăng cao. Dưới đây là những chia sẻ của các đối tượng về nhu cầu đối với sách học tiếng Hàn.

[...] Em muốn có càng nhiều sách

học tiếng Hàn càng tốt vì sách tiếng Hàn cũng không phổ biến như sách tiếng Anh. Nhất là em thích sách chia thành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để tiện học hơn [...] (Chị A, 19 tuổi).

[...] Anh làm cho công ty Samsung. Công việc chủ yếu cũng là chân tay thôi nhưng anh cũng muốn có cuốn sách nào để hiểu dành riêng cho đối tượng lao động để thi thoảng học những câu giao tiếp cơ bản và mấy từ ngữ chuyên môn nữa. [...] mà các cô Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc chắc cũng cần những sách học phù hợp với họ. [...] (Anh G, 35 tuổi)

[...] Con gái bác lấy chồng Hàn Quốc được 4 năm rồi. Con rể chả biết mấy tiếng Việt nên mỗi lần gặp bất đồng ngôn ngữ lắm. Hai bác cũng muốn học mấy cái cơ bản như chào hỏi, mấy từ thông dụng để bố mẹ con cái còn hòa đồng một chút. Con cái thì nó bận suốt ngày chả có thời gian mà dạy tiếng Hàn cho mình nên nếu có sách học tiếng Hàn dành cho tuổi bác thì cũng tốt. [...] (Bà H, 54 tuổi)

Những chia sẻ của các đối tượng phỏng vấn sâu nêu trên đã cho thấy nhu cầu thực tế cần có những cuốn sách học tiếng Hàn cho nhiều lứa tuổi, nhiều mục đích. Nắm bắt được nhu cầu này, thị trường xuất bản các loại sách học tiếng Hàn tại Việt Nam đang được quan tâm nhiều hơn trong thời gian gần đây. Trần

Thị Hường (2012) đã khảo sát tình hình xuất bản các sách học tiếng Hàn tại Việt Nam với kết quả là trong khoảng thời gian 12 năm từ năm 2000 đến tháng 6 năm 2012, tại Việt Nam có tổng số 179 ấn phẩm về học tiếng Hàn đã được xuất bản. Trong đó, số lượng sách học tiếng Hàn được xuất bản nhiều tập trung ở giai đoạn đầu từ năm 2000 đến năm 2009. Từ năm 2010 đến năm 2012, số lượng này có xu hướng giảm hơn với trung bình một năm có 7 cuốn được xuất bản. Chúng tôi đã tiếp tục khảo sát về thực trạng xuất bản này trong giai đoạn 2013-2014. Kết quả thu được là chỉ trong hai năm 2013 và 2014, số lượng sách học tiếng Hàn được xuất bản tăng vượt trội so với giai đoạn 2010-2012 trước đó. Cụ thể là năm 2013 có 10 cuốn, năm 2014 có 15 cuốn sách học tiếng Hàn được xuất bản trên thị trường Việt Nam tại nhiều nhà xuất bản như nxb Từ điển bách khoa, nxb Văn hóa, nxb Hồng Đức, nxb Thời Đại, nxb Thanh Niên v.v...⁴

Không chỉ tăng về số lượng, các sách học tiếng Hàn ngày càng đa dạng và chuyên sâu. Theo khảo sát của chúng tôi, đã xuất hiện nhiều cuốn sách học tiếng Hàn chia thành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các sách về ngữ pháp có tính tổng hợp cao hơn, cung cấp lượng kiến thức nhiều hơn. Bên cạnh đó, nhu cầu học tiếng Hàn mạnh mẽ hiện nay đã trở thành lý do quan trọng để các nhà xuất bản cho ra đời các cuốn sách học tiếng

Hàn dành cho nhiều đối tượng: sách tiếng Hàn dành cho người xuất khẩu lao động, sách tiếng Hàn dành cho cô dâu Việt Nam, sách tiếng Hàn dành cho người lớn tuổi v.v...⁵

Như vậy, so với các nội dung Hàn lưu như phim ảnh và âm nhạc, tiếng Hàn là một trong những nội dung Hàn lưu mới mẻ ở Việt Nam nhưng đã nhanh chóng tạo được ảnh hưởng sâu rộng. Ngày càng nhiều người Việt Nam lựa chọn học tiếng Hàn và tiếng Hàn trở thành công cụ hữu ích giúp họ tiếp nhận các nội dung khác của Hàn lưu một cách dễ dàng hơn. Đặc biệt, làn sóng tiếng Hàn còn tạo ảnh hưởng mạnh mẽ đến xu hướng xuất bản các sách học tiếng Hàn. Nói một cách cụ thể hơn, làn sóng tiếng Hàn không chỉ làm tăng số lượng xuất bản sách học tiếng Hàn trong hai năm gần đây mà còn làm đa dạng hơn, chuyên sâu hơn các nội dung kiến thức phù hợp với nhiều đối tượng người học.

3. Ảnh hưởng của phim ảnh Hàn Quốc đến tình hình xuất bản các sách dịch văn học Hàn Quốc

Theo kết khảo sát của Trần Thị Hường và Cao Thị Hải Bắc (2014), so với các quốc gia Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan... thì phim ảnh Hàn Quốc đang nhận được sự yêu thích nhiều nhất từ khán giả Việt Nam với 71%, đứng thứ hai là phim ảnh Nhật Bản với 15%, tiếp theo là phim ảnh Trung

Quốc với 11% và xếp ở vị trí cuối cùng là phim ảnh Thái Lan với 3%. Tuy nhiên, so với thời kì đầu những năm 1990 mới du nhập vào Việt Nam, ảnh hưởng của phim ảnh Hàn Quốc đang duy trì một tốc độ chậm lại, không ồ ạt về số lượng nhưng đòi hỏi cao hơn về chất lượng. Theo khảo sát của Đỗ Nam Liên (2005), có 64% thanh thiếu niên (từ 11 đến 22 tuổi) ở thành phố Hồ Chí Minh thích phim Hàn Quốc. 7 năm sau, Phan Thị Thu Hiền cũng tìm hiểu về tỉ lệ thích phim Hàn Quốc ở học sinh, sinh viên thì thấy rằng tỉ lệ này thấp hơn so với tỉ lệ của năm 2005 với 49,8%. Để kiểm chứng thêm về điều này, trong khảo sát của chúng tôi cũng hỏi về mức độ yêu thích phim Hàn Quốc (đối tượng khảo sát đa phần ở độ tuổi 10~30) và kết quả thu được là có 99% trả lời rằng rất thích phim Hàn. Căn cứ vào các số liệu điều tra về mức độ yêu thích phim Hàn Quốc của giới trẻ nói chung như trên, có thể nói mức độ ảnh hưởng của điện ảnh Hàn Quốc đang đi theo một mô hình hình sin: ồ ạt ở giai đoạn đầu, rồi lại thoái trào ở giai đoạn tiếp theo và rồi lại bùng nổ trở lại trong giai đoạn hiện nay. Cũng trong khảo sát này, chúng tôi nhận thấy đại đa số những người tham gia điều tra nói rằng họ có được rất nhiều kiến thức bổ ích từ phim ảnh Hàn Quốc. Chiếm tỉ lệ cao nhất là 83% số người trả lời rằng họ hiểu rõ hơn về tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc sau khi xem phim Hàn Quốc. 70% số người trả lời rằng họ

có thể cảm nhận rõ về cách thức sinh hoạt của người Hàn Quốc. Phần lớn các đối tượng trả lời phỏng vấn sâu còn khẳng định, thông qua phim Hàn Quốc họ học được nhiều điều như nghị lực sống mạnh mẽ, cách thức bày tỏ tình yêu lãng mạn, tinh thần gìn giữ giá trị truyền thống tốt đẹp v.v...

Trong bài viết này, tôi đã tiến hành bổ sung các cuộc phỏng vấn sâu về ảnh hưởng của phim ảnh Hàn Quốc đến nhu cầu tìm đọc các ấn phẩm sách dịch văn học Hàn Quốc.

[...] Ngày trước chị không mấy khi đọc các ấn phẩm dịch văn học Hàn Quốc đâu, nhưng xem phim nhiều, thấy tình yêu của họ thật lãng mạn. Văn hóa của họ cũng có nhiều nét gần gũi với người Việt Nam mà cũng có nhiều nét độc đáo, thế nên dần dần chị thấy yêu đất nước con người Hàn Quốc hơn và mỗi khi có dịp ghé qua các hiệu sách thì chị đã bắt đầu quan tâm đến các truyện dịch văn học Hàn Quốc. [...] (Chị L, 36 tuổi)

[...] Em và cả nhà em mê phim Hàn Quốc lắm ạ. Từ phim ảnh dẫn đến thích mọi thứ liên quan đến Hàn Quốc. [...] Em và các bạn em cũng hay tìm đọc các tác phẩm dịch văn học Hàn Quốc được xuất bản tại Việt Nam. Em nghĩ sẽ ngày càng có nhiều độc giả Việt Nam tìm đọc các tác phẩm dịch văn học Hàn Quốc hơn. Vì phim ảnh là tái dựng lại các câu truyện văn học mà phim ảnh đã

chiếm được nhiều tình cảm của khán giả Việt Nam như vậy thì các độc giả Việt Nam cũng sẽ nhanh chóng biết đến và yêu thích các tác phẩm văn học Hàn Quốc thôi ạ. [...] (Chị K, 22 tuổi)

Trong khi các nền văn học lớn như văn học Nga, văn học Mỹ, văn học Đức, văn học Pháp đã chiếm được chỗ đứng vững chắc trong trái tim độc giả Việt Nam thì văn học Hàn Quốc nổi lên như một món ăn lạ. Tuy nhiên, với sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Hàn lưu, đặc biệt là làn sóng mạnh mẽ của phim ảnh Hàn Quốc, ngày càng có nhiều độc giả Việt Nam tìm đọc các tác phẩm văn học Hàn Quốc được dịch và xuất bản tại Việt Nam. Nắm bắt được tình yêu và sự quan tâm của người Việt Nam đối với món ăn lạ này, các ấn phẩm dịch văn học Hàn Quốc ngày càng được xuất bản với số lượng nhiều hơn. Theo thống kê của Trần Thị Hương (2012), từ năm 2000 đến tháng 6 năm 2012 có 42 tác phẩm văn học đã được dịch và xuất bản tại Việt Nam. Tức là, trong 12 năm trung bình một năm có khoảng 3 cuốn sách văn học Hàn Quốc được dịch sang tiếng Việt và xuất bản. Đáng chú ý trong khảo sát của tôi, chỉ riêng năm 2013 đã có 6 tác phẩm, năm 2014 cũng có 6 tác phẩm văn học Hàn Quốc được dịch và xuất bản tại nhiều nhà xuất bản (nxb) như nxb Văn học, nxb Lao động, nxb Hồng Đức, nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh, nxb Trẻ v.v... So

sánh kết quả khảo sát của nghiên cứu này với nghiên cứu của Trần Thị Hương (2012) có thể thấy rõ việc xuất bản các sách dịch văn học Hàn Quốc đang có xu hướng tăng về số lượng trong hai năm gần đây.

Các tác phẩm văn học Hàn Quốc được lựa chọn để dịch và xuất bản tại Việt Nam ngày càng đa dạng về thể loại bao gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện thiếu nhi, thơ ca v.v..., phong phú về nội dung, từ những câu chuyện tình yêu lãng mạn như "Chàng trai vườn nho", "Seoul ngọt ngào", "Khu vườn bí mật" v.v... đến những câu chuyện về triết lý sống đậm chất nhân văn như "Thành phố đồ chơi", "Ở đâu đó có điện thoại gọi tôi" v.v... hay những bài học thiếu nhi giản dị như "Cô gà mái xổng chuồng", "Mong Mong - Chú chó ham đọc sách" v.v...⁶

Những trang truyện hấp dẫn và sinh động với những tình tiết vừa lãng mạn vừa triết lý sâu sắc này đã khiến cho nhiều độc giả Việt Nam, đặc biệt là các độc giả trẻ tuổi, ngày càng yêu thích đọc văn học Hàn Quốc. Và không thể phủ nhận rằng Hàn lưu nói chung và phim ảnh nói riêng đã góp phần quan trọng trong việc quảng bá và giới thiệu văn hóa Hàn Quốc đến người Việt Nam để khơi nguồn cho tình yêu của người Việt Nam với văn học Hàn Quốc. Hay nói cách khác, chính sự cảm mến đất nước và con người Hàn Quốc thông qua phim ảnh đã

khơi dậy ham muốn tìm đọc các ấn phẩm dịch văn học Hàn Quốc và làm cho thị trường xuất bản sách dịch văn học Hàn Quốc ngày càng sôi động.

4. Ảnh hưởng của mức độ yêu thích truyện tranh Hàn Quốc đến việc xuất bản các sách dịch truyện tranh

Theo trang báo điện tử tại Việt Nam “giaoduc.edu.vn”, tỉ lệ giới trẻ Việt Nam yêu thích và tìm đọc truyện tranh Hàn Quốc hiện nay tương đối cao, đạt 70%. Đây là số liệu quan trọng cho thấy sức ảnh hưởng của truyện tranh đối với giới trẻ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đáng chú ý hơn là truyện tranh Việt Nam chỉ đạt 1% trong tổng số truyện tranh được xuất bản tại Việt Nam và truyện tranh nước ngoài chiếm tỉ lệ áp đảo với con số 99%. Trong đó, truyện tranh đến từ Nhật Bản và Trung Quốc chiếm vị trí cao nhất, còn truyện tranh Hàn Quốc đang dần dần thu hút sự quan tâm lớn từ độc giả. Nguồn truyện tranh trên thị trường Việt hiện nay chủ yếu đến từ Nhật Bản, Trung Quốc (truyện tranh Hồng Công), Hàn Quốc, một số ít từ Âu, Mỹ (dòng Comic). Đây cũng là các quốc gia phát triển mạnh về truyện tranh với nhiều dòng truyện từ truyện cho trẻ em đến cho người lớn, thậm chí cả dòng truyện tranh chuyên biệt đáp ứng bạn đọc đặc thù.⁷

Hiện nay trên các mạng xã hội như Facebook, Google đang xuất hiện nhiều trang web như Hội những người

yêu thích truyện tranh Hàn Quốc, Hội những người yêu thích truyện tranh Hàn Hwang Mi Ri và Han Yu Rang v.v... Các hội nhóm này đang ngày càng gia tăng với tốc độ nhanh chóng. Chúng ta cũng có thể dễ dàng tìm kiếm các trang web Việt như blogtruyen.com, truyen tranh vietnam.vn, truyen tranh 8.net, truyen 1.com, truyen hay 24h.com... có đăng tải các bản dịch của truyện tranh Hàn Quốc. Các trang web chuyên đăng tải các truyện tranh nhằm phục vụ các độc giả có nhu cầu đọc truyện online gọi là webtoon. Làn sóng webtoon đang bùng lên ở Hàn Quốc. Trang webtoon Naver với lượt truy cập nhiều nhất đang sở hữu lượng người sử dụng đạt 6,2 triệu người/ngày và 1 tháng là 17 triệu người. Trang webtoon của Naver đã được tròn 10 năm kể từ khi trình làng vào ngày 23/6/2004. Chỉ riêng các tác phẩm được đăng thông qua 'hệ thống phát hành theo thứ' phát hành các tác phẩm theo thứ đã định, hay 'chế độ nâng cấp cho người nghiệp dư' thực hiện dưới hình thức cuộc thi webtoon cũng đã đạt đến con số 520 bộ. Giám đốc Kim Chang-won của Tapas Media cho biết: "Một trong những yếu tố khiến các tác giả và độc giả nước ngoài ngạc nhiên nhất chính là tốc độ ra lò nhanh chóng của các tác phẩm. Họ đều tặc lưỡi về việc phát hành cơ bản 1 tập 1 tuần, với số lượng trên 70 trang 1 tập". Điều mà độc giả trên toàn thế giới mong muốn là sự cập nhật nhanh chóng, và trên

phương diện này, webtoon Hàn Quốc đang nắm giữ khả năng cạnh tranh cao nhất⁸. Báo điện tử luatsungaynay.vn cho biết mức độ phổ biến của truyện tranh Hàn Quốc tại Việt Nam hiện nay chỉ xếp vị trí sau truyện tranh Nhật Bản.

Mức độ yêu thích truyện tranh Hàn Quốc mạnh mẽ đã khiến cho số

lượng truyện tranh Hàn Quốc được xuất bản tại Việt Nam ngày càng nhiều. Theo khảo sát của chúng tôi, số lượng sách dịch truyện tranh được xuất bản tại nhà xuất bản Kim Đồng chiếm tỉ lệ áp đảo so với số lượng sách dịch truyện tranh được xuất bản tại các nhà xuất bản khác.

Bảng 1: Danh sách truyện tranh Hàn Quốc được xuất bản tại nhà xuất bản Kim Đồng từ năm 2005 đến năm 2014⁹

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
1	Hội pháp sư	신 구미호
2	Hiệp khách giang hồ	열혈강호
3	Hoa tuyết	눈꽃
4	Tiên nữ giáng trần	선녀 강림
5	One	원
6	Thanh gươm truyền thuyết	파검기
7	Cô gái đến từ quá khứ	아카시아
8	Ngôi nhà hạnh phúc	폴하우스
9	Giang hồ bá đạo kí	강호페도기
10	Socola	초콜라
11	Hoàng cung	궁
12	Ragnarok	라크나로그
13	Đội quân nhí nhố	무술소년 꼬망
14	Kill me kiss me	K2 Kill me kiss me
15	Diêm đế	마제
16	Now	나우

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
17	Lights Out	Lights Out
18	Change guy	체인지가이
19	Phép màu	내게 너무 사랑스러운 동맹이
20	Hello Komang	헬로 꼬망
21	Thiên lang liệt truyện	천랑열전
22	Cô dâu thủy thần	하백의 신부
23	Kiểm sĩ hoà bình	아크로드 (Archlord)
24	Búp bê hồng ngọc	루비돌 (Ruby Doll)
25	Kí sự của chiến binh Tyr	티르전기
26	Nabi - Cánh bướm	나비
27	Rure	루어
28	Ngôi sao may mắn	치로
29	Cuộc phiêu lưu của củ hành	아이큐 제로
30	Yureka	유레카
31	Kiểm khách Baek Dong Soo	백동수
32	Hậu duệ hoàng gia	왕가의 후예
33	Tiểu thư họ Hong	홍수네
34	Thời khắc cáo hoá sói	여우가 늑대 되는 순간
35	Cậu bé Qua	쿠아
36	Hiệp sĩ của nữ hoàng	여왕의 기사
37	Noblesse	노블레스
38	Pedora Bigband	페도라 빅밴드
39	Danh tác thế giới	세계 명작
40	Nghìn lẻ một đêm	천일야화
41	Thần thoại Bắc Âu	북유럽 신화
42	Dracula	드라큘라

TT	Bản dịch tiếng Việt	Nguyên tác tiếng Hàn
43	Bóng ma nhà hát Opera	오페라의 유령
44	Thần thoại Hi Lạp	그리스 로마 신화
45	Chúa tể của chiếc nhẫn	반지의 제왕
46	Thần thoại Ai Cập	이집트 신화
47	Thời thơ ấu của những thiên tài	천재들의 어린 시절
48	Thần thoại Trung Hoa	중국신화
49	Héc Quyn	헤라클리스
50	Thắc mắc tuổi mới lớn	어린이들이 궁금하는 성 이야기
51	Thành Cát Tư Hãn	정기스칸
52	Chúa sơn lâm	산왕
53	Chuyện kể về danh nhân thế giới	WHO? 시리즈
54	Tuyển tập danh tác thế giới	세계 명작 (칼라)
55	Quiz! Khoa học kì thú	퀴즈! 과학상식
56	I-li-át và Ô-đi-xê	일리아드 오디세우스
57	Khám phá nước Mỹ	<미국을 알면 영어가 보인다> <퍼스트레이디를 알면 미국이 보인다>

Bảng 1 cho chúng ta biết trong khoảng 9 năm từ năm 2005 đến năm 2014, trung bình một năm có khoảng 6 cuốn truyện tranh được xuất bản tại nhà xuất bản Kim Đồng. Ngoài danh sách kê trên, theo kết quả điều tra thông qua rất nhiều hiệu sách ở Hà Nội, không chỉ có truyện tranh của các tác giả nổi tiếng như Hwang Mi Ri và Han Yu Rang, truyện tranh của nhiều tác giả khác như “Chỉ là muốn được yêu” của tác giả Jeon Young Hee, “Chú mèo trên căn gác mái” của Kim Ma Ru, “Tủ quần áo mới của Ji Yun”

của Jung Kyeong Hee và Seo Sook Hee, “Bài ca của cây” của Kim Kyung Suk và Lee Yong Min, “Bí mật của làng sông chậm” của Choi Yoon Jeong v.v... cũng đang liên tục được xuất bản tại nxb Trẻ, nxb Thời đại, nxb Văn hóa thông tin, nxb Dân trí... tại Việt Nam.¹⁰

Về nội dung, các tác phẩm truyện tranh đề cập đến nhiều chủ đề đa dạng như tình bạn, tình yêu tuổi học trò, tình mẹ con, tình yêu với các loài vật, các bài học bảo vệ môi trường, các bài học đạo đức v.v... Những chủ đề đa dạng này đã

đáp ứng được sở thích và nắm bắt được tâm lý của mọi độc giả nhỏ tuổi từ thiếu nhi đến thiếu niên, thậm chí nhiều thanh niên vẫn thích tìm đọc truyện tranh Hàn Quốc.

5. Kết luận

Bài viết này đã trả lời được đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Trước tiên, bằng những khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng Hàn lưu, đặc biệt là tiếng Hàn, phim ảnh Hàn Quốc và truyện tranh Hàn Quốc đang tạo được sức ảnh hưởng mạnh mẽ đối với người Việt Nam. Làn sóng Hàn Quốc mạnh mẽ này đã thúc đẩy tình hình xuất bản các sách học tiếng Hàn, sách dịch văn học và truyện tranh Hàn Quốc ngày càng gia tăng về số lượng và chất lượng. Đáng chú ý là trong 2 năm gần đây, số lượng sách xuất bản ở cả ba thể loại khảo sát bao gồm sách học tiếng Hàn, sách dịch văn học và truyện tranh Hàn Quốc tăng đáng kể so với các năm trước. Nội dung và chủ đề của ba thể loại sách này cũng ngày càng đa dạng và chuyên sâu hơn, phù hợp với nhiều đối tượng độc giả. Thiết nghĩ cần phải xây dựng những chiến lược phát triển và đẩy mạnh Hàn lưu trong tương lai, đặc biệt là chiến lược đẩy mạnh sự phát triển của tiếng Hàn, truyện tranh và phim ảnh Hàn Quốc để thúc đẩy hơn nữa số lượng cũng như chất lượng các sách học tiếng Hàn, sách dịch văn học và truyện tranh Hàn Quốc trong tương lai. Ví dụ như thông

qua việc quảng bá các bộ phim và các chương trình đào tạo tiếng Hàn, chúng ta có thể giới thiệu các ấn phẩm tiếng Hàn hay tác phẩm truyện tranh và văn học Hàn Quốc để các ấn phẩm này đi vào lòng người một cách tự nhiên hơn.

CHÚ THÍCH

1. Nghiên cứu này sử dụng linh hoạt và triệt để phương pháp tổng hợp tài liệu trên các trang mạng xã hội như facebook, google, thông cáo báo chí, các nghiên cứu học thuật đã được công bố v.v... Đồng thời, nghiên cứu này cũng kết hợp các phương pháp điều tra xã hội học bao gồm điều tra thực tế, điều tra bảng hỏi, phỏng vấn sâu v.v... Điều tra bảng hỏi dưới hình thức trả lời online được tiến hành với 232 đối tượng tham gia thông qua facebook, email trong vòng 3 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2014. Phỏng vấn sâu được tiến hành trọng tâm ở khu vực Hà Nội với 12 đối tượng, đa dạng về tuổi tác và ngành nghề.
2. Tôi đã tiến hành khảo sát tình hình xuất bản sách tại các cửa hàng sách lớn tại Hà Nội như Nhà sách Tiền Phong : 175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội, Nhà sách Nguyễn Văn Cừ: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Hiệu sách trường ĐH Sư phạm 1 v.v... cùng các địa chỉ nhà sách online.
3. Nguồn: Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc cung cấp, cập nhật tháng 8, năm 2014.
4. Tham khảo phụ lục 1
5. Tham khảo phụ lục 1
6. Tham khảo phụ lục 2
7. "Truyện tranh Việt Nam đã bỏ lỡ nhiều

cơ hội.", <http://www.giaoduc.edu.vn/news/xem-nghe-doc-viet-692/truyen-tranh-viet-nhieu-co-hoi-it-nam-bat-232229.aspx>.

8. Kết quả khảo sát của Trần Thị Hương và Cao Thị Hải Bắc (2014).
9. Dữ liệu do người phụ trách truyện tranh của NXB Kim Đồng cung cấp.
10. Kết quả khảo sát của Trần Thị Hương và Cao Thị Hải Bắc (2014).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Đặng Thiều Ngân. (2014), "Làn sóng Hallyu ở Việt Nam", *Tạp chí Hàn Quốc*, Số 2(8)/2014, trang 32~48.
2. Nguyễn Thị Thắm (2014), "Ảnh hưởng của Hàn lưu ở Việt Nam trên góc nhìn văn hóa xã hội", *Tạp chí Hàn Quốc*, Số 3(9)/2014, trang 90~99.
3. Phan Thị Oanh (2013), "Ảnh hưởng của Làn sóng văn hóa Hàn Quốc tới văn hóa tiêu dùng của giới trẻ Việt Nam", Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc - Viện nghiên cứu Đông Bắc Á.
4. Phan Thị Thu Hiền (2012), "Sự tiếp nhận và ảnh hưởng của làn sóng Hàn Quốc đối với giới trẻ Việt ngày nay, tìm hiểu thông qua ý kiến của học sinh và sinh viên", *Tạp chí Hàn Quốc*, Số 1/2012, tr. 15-36.
5. Trần Thị Hương (2012), "Tìm hiểu tình hình xuất bản và sử dụng giáo trình, các ấn phẩm về tiếng Hàn và Hàn Quốc học tại Việt Nam", Hội thảo quốc tế *Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc: Quá khứ, hiện tại và tương lai*, tr. 819- 838.
6. Trần Thị Hương, Cao Thị Hải Bắc (2014), "Nghiên cứu về hiện tượng Hàn lưu trong đời sống văn hóa Việt Nam",

Hội thảo quốc tế *Hiện tại và sự mở rộng của Hàn Quốc học ở Đông Á*, tr. 115-138.

* Tài liệu tiếng Hàn

7. Kim Soo Jung (2012), "동남아에서 한류의 특성과 문화취향의 초국가적 흐름" (Dòng chảy siêu quốc gia của sở thích văn hóa và đặc tính của Hallyu ở Đông Nam Á), *Tạp chí Truyền hình và truyền thông*, số 1(13)/2012.
8. Lee Ki Hyung (2005), "탈지역적으로 수용되는 대중문화의 부상과 한류현상을 둘러싼 문화정치" (Văn hóa chính trị xung quanh hiện tượng Hàn lưu), *Tạp chí Ngôn luận và xã hội*, số 2(3), tr. 189-213.
9. Park Nak Jong (2014), "베트남의 한류현황 소개" (Giới thiệu hiện trạng làn sóng Hàn Quốc ở Việt Nam), *Diễn đàn trung tâm Sejong Hàn-ASEAN*, Hà Nội 2014.
10. Viện phát triển văn hóa Hàn Quốc (2011), "2010년 방송 콘텐츠 수출입 현황과 전망" (Hiện trạng và triển vọng xuất nhập khẩu các sản phẩm truyền hình năm 2010), KOCCA, tháng 5/2011.

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC SÁCH HỌC TIẾNG HÀN NĂM 2013-2014

STT	Tên đầu sách	Người biên soạn	NXB	Năm
1	Tự học giao tiếp Hàn- Việt cấp tốc	Trọng Tấn	Văn hóa thông tin	2013
2	Giáo trình tiếng trong kinh doanh thương mại	Thùy Linh	Hồng Đức	2013
3	Đàm thoại tiếng Hàn nơi công sở - phỏng vấn xin việc	Thùy Linh	Hồng Đức	2013
4	Ngữ pháp tiếng Hàn hiện đại	Lý Kính Hiền	Thời đại	2013
5	Tập viết tiếng Hàn căn bản cho người mới bắt đầu	Phương Linh	Thanh niên	2013
6	Tiếng Hàn trong giao tiếp hàng ngày	Đỗ Thái Hòa	Từ điển bách khoa	2013
7	5000 câu giao tiếp Hàn - Việt	Đặng Quang Hiền	Thanh niên	2013
8	Mẫu câu cơ bản tiếng Hàn trong giao tiếp	Ngọc Trang - Kiều Hương	Thanh niên	2013
9	Hội thoại Hàn - Việt (Sơ cấp 1)	Lý Kính Hiền	Thời đại	2013
10	Tiếng Hàn thực hành cho người mới học	Thảo Ly - Minh Quân	Hồng Đức	2013
11	Giao tiếp tiếng Hàn tự nhiên trong mọi tình huống	Kim Seon Yeong	Hồng Bàng	2013
12	Tiếng Hàn cho người đi du lịch, lao động	Thanh Hà	Bách Khoa Hà Nội	2013
13	Học tiếng Hàn trong 15 ngày - Du lịch	Trịnh Văn Cảnh	Từ điển bách khoa	2013
14	Sử dụng tiếng Hàn một cách hiệu quả nhất	Nguyễn Thanh Hương	Tổng hợp Tp. HCM	2013
15	Từ điển bỏ túi Hàn - Việt	Khắc Trí	Đồng Nai	2013
16	Hướng dẫn học tiếng Hàn Quốc lưu loát	Trần Nhật Ánh - Trung Hiếu	Thời đại	2014
17	Tiếng Hàn dành cho du học sinh và trợ lý giám đốc	Trần Nhật Ánh - Trung Hiếu	Thanh niên	2014
18	BT ngữ pháp Tiếng Hàn trình độ nâng cao	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	Hồng Đức	2014
19	300 cấu trúc ngữ pháp cơ bản tiếng Hàn	Lê Huy Khoa	Thanh Hóa	2014
20	Từ vựng tiếng Hàn theo chủ điểm	Đặng Quang Hiền	Thanh niên	2014
21	5500 câu giao tiếp Tiếng Hàn trong sinh hoạt hàng ngày	Tri Thức Việt	Từ điển bách khoa	2014
22	5500 câu giao tiếp Tiếng Hàn thông dụng	Tri Thức Việt	Từ điển bách khoa	2014
23	Tiếng Hàn 6500 câu giao tiếp	Tri Thức Việt	Từ điển bách khoa	2014
24	Tự học tiếng Hàn cho người mới bắt đầu		Thời đại	2014
25	Viết và Nói tiếng Hàn như người bản xứ	Thanh Tâm - Hà Mi	Thanh niên	2014
26	15 bài học tiếng Hàn cho người lớn tuổi	Trần Thu Thảo	Thanh niên	2014

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC SÁCH DỊCH VĂN HỌC HÀN QUỐC (12/2012 - 12/2014)

TT	Tên sách dịch	Tên tác giả	Người dịch	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Chàng trai vườn nho	Kim Rang	Khánh Lan	Lao động	12/2012
2	Seoul ngọt ngào	Jung yi Huyn	Đinh Thị Kiều Oanh	Hội nhà văn	2012
3	Ai đã ăn hết những cây singa ngày ấy	Park Wan-Suh	Nguyễn Lệ Thu	Trẻ	2012
4	Thành phố đồ chơi	Lee Dong Ha	Đỗ Thị Khánh Vân	Trẻ	5/2013
5	Cây bút thần kì	Soo-Hyeon Shin	Võ Thị Khánh Lan	Tổng hợp TP. HCM	7/2013
6	Cô gà mái xổng chuồng	Hwang Sun - Mi	Nguyễn Thị Thu Vân	Hội nhà văn	2013
7	Điều gì xảy ra, ai biết...	Kim Young Ha	Hiền Nguyễn	Trẻ	12/2013
8	Vụ bê bối ở Sung Kyun Kwan (Bộ 2 tập)	Jeong Un-Gwol	Nguyễn Việt Tú Anh	Hồng Đức	12/2013
9	Điều kỳ diệu ở phòng giam số 7	Park Lee Jeong	Không có thông tin	Lao động	12/2013
10	Truy tìm anh chàng cực phẩm	Jung Soo Hyun	Thu Trân	Văn học	12/2013
11	Khu vườn bí mật	Kang Yiul	Tiểu Thiên	Thời đại	8/2014
12	Yêu người tử tù	Gong Ji-Young	Đặng Lam Giang	Phụ nữ	8/2014
13	Dù con sống thế nào, mẹ cũng luôn ủng hộ	Gong Ji-Young	Không có thông tin	Thời đại	8/2014
14	Ở đâu đó có điện thoại gọi tôi	Shin Kyung-Sook	Nguyễn Thị Thu Vân	Hội nhà văn	10/2014
15	Mong Mong - Chú chó ham đọc sách	Shin Jisue , Choi Eun-Ok	Uyên Uyên	Hội nhà văn	12/2014
16	Tản mạn xứ Kim Chi	Seung Hyeon	Mỹ Khanh	Hội nhà văn	12/2014

VAI TRÒ CỦA ĐIỆN ẢNH TRONG LÀN SÓNG VĂN HÓA HÀN QUỐC

Phan Thị Oanh *

1. Quảng bá hình ảnh đất nước, con người Hàn Quốc

Chỉ gần 2 thập niên trở lại đây, điện ảnh Hàn Quốc đã làm nên cuộc chiếm ngôi ngoạn mục, xâm nhập, thậm chí là thống trị màn ảnh nhỏ tại nhiều quốc gia Châu Á. Hàng chục các bộ phim nhựa, phim truyền hình như: *Cảm xúc* (*Feeling*, 1994), *Anh em nhà Bác sĩ* (*Medical Brother*, 1997), *Trái tim mùa thu* (*Autumn In My Heart*, 2000), *Cô nàng ngổ ngáo* (*My Sassy Girl*, 2001), *Giày thủy tinh* (*Glass slipper*, 2002), *Bản tình ca mùa đông* (*Winter Sonata*, 2002), *Hương mùa hè* (*Summer Scent*, 2003), *Nấc thang lên thiên đường* (*Stairway to Heaven*, 2003), *Nàng Dea Jang Geum* (*Jewel in the Palace*, 2003), *Chuyện tình Pari* (*Love in Paris*, 2004), *Chuyện tình Havard* (*Love story in Havard*, 2004), *Ngôi nhà hạnh phúc* (*Full house*, 2012)... với những diễn viên thuộc thế hệ đầu của Hàn lưu như: Jang Dong Gun,

Bae Yong Joon, Lee Hyung Hwa, Woon Bin, Kwong Sang Woo, Kim Hee soon, Lee Yong-Ae... nhanh chóng trở nên quen thuộc với khán giả Châu Á, đặc biệt tại các nước khu vực Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Đông Nam Á như Thái Lan, Việt Nam... Ngay tại Mỹ, kinh đô điện ảnh thế giới - địa vị độc tôn của Hollywood cũng bị “lung lay” và điện ảnh Hàn đã đặt được một chân vào thị trường vốn khó tính này. Sự thâm nhập của điện ảnh Hàn Quốc vào thị trường thế giới từng bước được khẳng định và nó trở thành sứ giả trong việc quảng bá, truyền tải thông điệp về đất nước con người, văn hóa dân tộc Hàn Quốc.

Hàn lưu cùng với điện ảnh Hàn Quốc đã khiến thế giới chú ý đến Hàn Quốc, người ta biết đến những sản phẩm *Made in Korea* qua những bộ phim như sản phẩm điện tử LG, Sam sung, ô tô Hyundai... đến nền văn hóa ẩm thực

* ThS., Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

truyền thống đặc sắc của xứ sở Kim Chi. Phim ảnh luôn là một kênh quảng bá, tuyên truyền tốt nhất. Thông qua một bộ phim yêu thích, người xem có thể bị tác động đến lối sống, phong cách, ảnh hưởng cả “gu” thời trang, phong cách làm đẹp... Hàn lưu với những danh thắng như đảo Jeju, đỉnh núi lửa Song Il Chu Bong, nơi các đôi uyên ương đến để đón nhận ánh sáng bình minh, bảo tàng Gấu Teddy của đảo trắng tuyết Jeju đã xuất hiện trong hầu hết các bộ phim Hàn ăn khách: *Bản tình ca mùa đông* (Winter Sonata, 2002), *Một cho tất cả* (All in, 2003), *Huyền thoại lũ khách* (Damo, 2004), *Được làm hoàng hậu* (Goong, 2006) *Chuyện hậu cung* (The Concubine, 2012)... Những bộ phim truyền hình Hàn Quốc ăn khách không chỉ mang về doanh thu lớn cho nền điện ảnh nước này mà còn mang đến doanh thu về du lịch qua việc quảng bá hình ảnh đất nước. Hiện nay, doanh thu về điện ảnh Hàn Quốc đã lọt vào top đầu của Châu Á và đứng thứ bảy trên thế giới. Tính riêng năm 2012, doanh thu điện ảnh của Hàn Quốc đạt con số 1.400 tỉ Won, cao hơn so với năm 2011 là 1.200 tỉ Won¹. Điện Ảnh Hàn Quốc thực sự đã đem lại cú đột phá ở Châu Á, tạo nên một trào lưu thời trang, ẩm thực và phong cách Hàn, tạo nên một ấn tượng Hàn Quốc, làm thay đổi cách nhìn của người Phương Tây về đất nước này.

2. Cầu nối văn hóa, đưa văn hóa Hàn Quốc ra nước ngoài

Từ châu Á tới châu Âu qua Địa Trung Hải lan tới Châu Phi, điện ảnh đã đưa *Làn sóng Hàn Quốc* vươn ra bên ngoài một cách mạnh mẽ, ngoạn mục, thuyết phục bằng sức mạnh văn hóa. Văn hóa Hàn Quốc, truyền thống lẫn hiện đại, hình ảnh con người và đất nước này đều được khắc họa rõ nét trong các bộ phim. Những bộ phim dù là một tác phẩm điện ảnh có chiều sâu, giàu tính biểu tượng như *Xuân Hạ Thu Đông*, *Xuân* (Spring, Summer, fall in winter, 2003), hoặc đơn giản là bộ phim truyền hình nói về thần tượng của giới trẻ: *Bản tình ca mùa đông* (Winter Sonata, 2002), *Trái tim mùa thu* (Autumn In My Heart, 2000), *Những nàng công chúa nổi tiếng* (Famous Princess, 2009), *Mật danh* (Iris, 2011)...

Trong việc phát triển Hàn lưu ra bên ngoài, có thể nói phim ảnh là một công cụ hữu hiệu nhất để truyền bá văn hóa. Những nét văn hóa trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Hàn Quốc được khai thác khá sâu trong hầu hết các bộ phim Hàn Quốc. Đó là mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, dòng tộc, quan hệ giữa đồng nghiệp với nhau, làng xóm với những tình huống rất thực, rất đời thường. Ngoài ra, một khía cạnh văn hóa khác cũng không thể không nhắc tới trong phim Hàn Quốc, đó là văn hóa ẩm thực. Đã có một seria các bộ phim về

đề tài này sau hiệu ứng của *Nàng Dea Jang Geum* là *Vua bánh mì* (*King Of Baking*, 2010), *Hương vị tình yêu* (*Pasta*, 2010), *Tôi là Kim Sam Soon* (*My name is Kim Sam Soon*, 2005)...v.v. Qua phim ảnh, các nhà làm phim đã cho thấy những bữa tiệc cung đình với đầy đủ tinh hoa về ẩm thực của đất nước cũng như cách làm các món ăn dân tộc trong cuộc sống thường ngày như cách làm kim chi và những món ăn truyền thống... Mặc dù nhiều người chưa từng đặt chân tới Hàn Quốc nhưng thông qua phim ảnh họ đã biết đến Tteokbokki (bánh gạo), hay Jajangmyeo (mì đen), canh rong biển... Bằng cách đó, văn hóa ẩm thực của Hàn Quốc đã đến với thế giới bên ngoài một cách rất tình cờ, tự nhiên. Những phố Hàn xuất hiện ở Tokyo, Osaka, Băng Cốc, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Kinh, Đài Loan. Phong trào yêu thích Làn sóng văn hóa Hàn Quốc, đặc biệt là giới trẻ ở những nơi mà Làn sóng văn hóa Hàn tràn tới chính là sự thành công của “sức mạnh mềm” điện ảnh.

Một nét hấp dẫn khác của văn hóa Hàn Quốc khiến người nước ngoài bị mê hoặc chính là phong cách thời trang trẻ trung, đẹp và quyến rũ thể hiện qua những bộ trang phục của nhân vật trong phim. Nhiều bộ phim cũng đã khai thác nguyên chủ đề này với câu chuyện xoay quanh con đường lập nghiệp của nhân vật trong lĩnh vực thời trang may mặc

như *Ước mơ vươn tới một ngôi sao* (*Wish Upon A Star*, 1997), *Vua thời trang* (*Fashion King*, 2012) hay làm công việc liên quan đến thời trang như *Tạp chí thời trang* (*Style*, 2010). Tất nhiên, đi kèm với đó là những xu hướng mới nhất, đẹp nhất của ngành thời trang Hàn Quốc. Do đó, Hàn lưu cũng đã tạo nên được cơn sốt thời trang ở Việt Nam, Đài Loan và Thái Lan trong những năm giữa thập niên 2000, thời kỳ hoàng kim của điện ảnh Hàn Quốc.

Nét đẹp trong văn hóa còn thể hiện ở tình thương yêu nói chung và tình yêu đôi lứa nói riêng. Tình yêu là đề tài khai thác của nhiều công trình nghiên cứu về phim Hàn và cũng được nhắc đến một cách thường xuyên trên các trang báo, tạp chí chuyên đề. Những câu chuyện tình yêu chung thủy, đẹp như mơ trở thành một trong những nét văn hóa đẹp của đời sống xã hội Hàn Quốc. Dù mô típ có thể lặp lại theo công thức: yêu - xa cách - tái ngộ nhưng các cung bậc và cách thể hiện tình yêu của nhân vật đều đem đến những xúc cảm tươi mới cho người thưởng thức phim, nó đem đến cho con người niềm tin vào cuộc sống, sức mạnh để vượt qua khó khăn, đau đớn. Mỗi câu chuyện tình yêu trong phim Hàn đều là một bản tình ca về sự thủy chung, sâu đậm và son sắc như *Trái tim mùa thu* (*Autumn In My Heart*, 2000), *Bản tình ca mùa đông* (*Winter*

Ngành sản xuất	Tổng kim ngạch	Xuất khẩu
Hoạt hình ³	135,5 tỷ won	35,2 tỉ won
Phát thanh truyền hình ⁴	213,5 tỷ	2.2 tỉ won
Phim hoạt hình ⁵	183,2 tỷ won	4,7 tỉ won
Nhân vật sự kiện ⁶	1.882,9 tỉ won	111,6 tỉ won
Game ⁷	2.412,5 tỉ won	6625 tỉ won
Thông tin tri thức ⁸	2.123,1 tỉ won	105,2 tỉ won
Điện ảnh ⁹	903,8 tỉ won	15.6 tỉ won
Âm nhạc ¹⁰	997,3 tỉ won	48,5 tỉ won
Xuất bản ¹¹	5.284,6 tỉ won	65 tỉ won

Sonata, 2002), *Nấc thang lên thiên đàng* (*Stairway to Heaven*, 2003), *Hoàng tử gác mái* (*Rooftop Prince*, 2012), *Tín nghĩa* (*Faith*, 2012), *Nhân phẩm quý ông* (*A Gentleman's Dignity*, 2012)...v.v, như chính tính cách của người Hàn Quốc vậy.

Như vậy, về mặt tổng thể, phim điện ảnh và phim truyền hình Hàn Quốc giữ một vai trò vô cùng quan trọng, là đại sứ văn hóa Hàn Quốc - một “vị đại sứ” đặc biệt đóng vai trò là người truyền bá, giới thiệu những chuẩn mực trong văn hóa mà bất cứ quốc gia nào cũng mơ ước².

3. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển

Điện ảnh đã đem lại một nguồn thu không nhỏ, đóng góp vào GDP của Hàn Quốc. Theo số liệu của *Phòng quản lý công nghiệp văn hóa*, trực thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Hàn Quốc, chúng ta có thể thấy được lợi ích kinh tế mà nền công nghiệp này mang lại trong năm tài khóa 2012 (Xem bảng ở trên).

Trên đây chỉ là con số doanh thu cụ thể mà điện ảnh Hàn Quốc đem lại trong năm 2012, còn thực tế doanh số mà điện ảnh gián tiếp tạo nên còn lớn hơn nhiều.

Ngay từ những năm cuối của thập niên 90 khi Hàn lưu mới bắt đầu hình thành, phim Hàn Quốc trở thành một trong những chủ đề được nói tới nhiều nhất trong giới làm phim. Điều kỳ diệu của điện ảnh Hàn Quốc trong thời gian này đã đưa nền nghệ thuật thứ 7 hội nhập với thế giới. *Gina Yu*, một giáo sư nghiên cứu điện ảnh tại Đại học Dongguk ở Seoul đánh giá: “Ngày nay có quá nhiều năng lượng, sự sôi động lẫn mối quan tâm về công nghiệp điện ảnh Hàn Quốc... đây quả là một sự đổi mới”¹².

Cuộc cách mạng của điện ảnh Hàn Quốc thực sự bắt đầu khi bước vào thiên niên kỷ mới. Bộ phim *Bạn bè* (*Friend*, 2001) tạo nên một cơn sốt khắp Hàn Quốc và thu hút đến 8,1 triệu lượt người

xem, bỏ xa bộ phim *Harry Potter* do Mỹ sản xuất đứng ở vị trí thứ 5 với doanh thu 4,4 triệu lượt người xem¹³. Năm đó cũng có đến 6 bộ phim của Hàn lọt vào top 10 phim ăn khách nhất và đều đứng ở vị trí hàng đầu như: *Cô nàng ngổ ngáo* (*My Sassy Girl*, 2001), *Vợ tôi là Gangster* (*My Wife is Gangster*, 2007), *Chiến binh* (*Musa*, 2011)...v.v. Năm 2001, cũng là năm điện ảnh Hàn Quốc¹⁴ lập kỷ lục khi có đến 65 bộ phim nhựa được sản xuất và công chiếu. Lee Chang-dong đoạt giải đạo diễn tại LHP Venise và giải nam nữ diễn viên mới xuất sắc cho Soi Kyung gu, Moon So ri với bộ phim *Ôc đảo* (*Oasis*, 2001). Phim *Cưới nhảm* (*Mafia Marrying the Mafia*, 2002) thuộc thể loại hình sự hài là bộ phim ăn khách nhất năm, với hơn 5 triệu lượt khán giả. Phim *Đường về* (*The Way Home*, 2002) một phiên bản American Pie kiểu Hàn về hài giới tính học đường, phim *Mất trí nhớ* (*Lost Memories*, 2009) là phim lịch sử giả tưởng đã gặt hái được nhiều thành công lớn. Cũng trong năm này, đạo diễn kỳ cựu nhất Hàn Quốc Im Kwon Taek được trao giải đạo diễn xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Cannes với *Painted Fire*, 2002.

Năm 2003, tiếp tục làm nên kỷ lục mới khi phim có doanh thu cao nhất tại Hàn là *Biệt đội ám sát* (*Simido*) thu hút 10,4 triệu lượt người xem, cao gấp đôi số lượng (5 triệu) lượt người xem phim

“*Chúa tể chiếc nhẫn 3*”- bộ phim vừa đoạt giải Oscar. Các phim có doanh thu cao khác là *Hồi ức của một kẻ giết người* (*Memories of Murder*, 2003), *Cô bạn gia sư* (*My Tutor Friend*, 2003), *Những bộ bê bối kín* (*Untold Scandal*, 2003), *Chuyện về hai chị em* (*A Tale of two Sisters*, 2003).

Năm 2004, điện ảnh Hàn Quốc đặc biệt thành công với *Cờ thái cực tung bay* (*Taegukgi*), bộ phim chiến tranh được dàn dựng bởi đạo diễn Kang Je gyu (tác giả của *Swin*) với hai ngôi sao sáng giá Jang Dong Gun và Won Bin, có quy mô và chi phí lớn nhất, đã thu hút hơn 9 triệu lượt khán giả chỉ sau hơn 1 tháng trình chiếu. Kỷ lục này có ý nghĩa rất đặc biệt, nó chứng minh rằng hầu hết người Hàn Quốc trưởng thành đều yêu thích phim nội. Bộ phim ăn khách đó cũng tác động đến lượng khán giả của các tác phẩm khác, trong đó *Cô dâu bé nhỏ* (*A Little Bride*) với 3,1 triệu lượt người xem, *Anh trai tôi* (*My brother*) với 2,4 triệu lượt người, *Ngọn gió yêu thương* (*Windstruck*) với 2,3 triệu lượt người, *Tình yêu trong gió* (*A good days for the wind blows*) 2,3 triệu lượt người¹⁵.

Thực tế đã cho thấy điện ảnh Hàn Quốc đang thu được những kết quả khả quan không chỉ trong thị trường nội địa mà còn cả trên thế giới. Những con số về doanh thu, những giải thưởng trong nước và quốc tế đã làm chứng tỏ điện ảnh Hàn

Quốc đang lập nên một “Kỳ tích sông Hàn” trong ngành “nghệ thuật thị giác”¹⁶.

Ngay từ năm 1990, xuất khẩu văn hóa ra các nước láng giềng đã được chính phủ Hàn Quốc chú trọng. Nhiều bộ phim truyền hình đã trở nên phổ biến ở khắp Đông Nam Á, Trung Quốc, Trung Đông và những nước khác. Bộ phim *Ước mơ vươn tới một ngôi sao* (*Wish Upon A Star*, 1997) được chiếu khắp Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc năm 1997 cùng phiên bản của nó là HOT, NRG hay Baby VOX đã làm lên làn sóng Hàn Quốc ở khu vực. Tiếp sau đó, vào năm 2004, bộ phim *Bản tình ca mùa đông* được phát sóng ở Nhật, đã tạo nên cơn sốt Hàn Quốc tại Nhật Bản. Tại thời điểm đó, doanh số bán hàng của Hàn Quốc đạt 18,4 tỷ won, trong đó 8,39 tỷ won là liên quan đến phim *Bản tình ca mùa đông*. Chỉ trong vòng 1 năm, nhạc phim đã bán được 1.180.000 bản và 470.000 bộ đĩa CD của bộ phim này, 1.220.000 cuốn sách viết nội dung phim và hàng trăm nghìn lượt fan hâm mộ Nhật Bản đã du lịch đến Hàn Quốc, nơi quay bộ phim này để cảm nhận việc sống cùng nhân vật. Năm 2005, khoảng 59.500 khách Nhật đã đến Hàn Quốc do hiệu ứng của phim, năm 2006 là 66.300 người và năm 2007 là 87.200 người. Ngay sau hiệu ứng *Bản tình ca mùa đông* là bộ phim truyền hình *Nàng Dae Jang Guem* không chỉ đem truyền hình Hàn Quốc ra thế giới mà

còn đem nghệ thuật ẩm thực của Hàn Quốc ra bên ngoài.

Tại Nhật Bản có thể nói trào lưu Hàn Quốc thực sự bùng nổ sau *Bản tình ca mùa đông*. Tháng 9 năm 2004, đài truyền hình quốc gia Nhật đã mở cuộc điều tra với 2.200 người từ 15 tuổi trở lên và trên 90% người được hỏi đều biết đến bộ phim *Bản tình ca mùa đông*. Theo kết quả phân tích của *Viện nghiên cứu kinh tế Dainichi life Nhật Bản*, hiệu ứng kinh tế mà diễn viên Bae Yoong Joon đem lại cho Hàn Quốc tại Nhật Bản là 230 tỷ yên¹⁷.

Hàng hóa tiêu dùng có nguồn gốc từ Hàn Quốc cũng rất được phổ biến và ưa chuộng tại Đông Nam Á, có lẽ cũng do ảnh hưởng của phim truyền hình, âm nhạc đại chúng Hàn Quốc. Khả năng cạnh tranh của các công ty Hàn Quốc ngày càng nâng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực xuất khẩu âm nhạc, phim ảnh. Bên cạnh đó, doanh số xuất khẩu hàng hóa của các lĩnh vực khác như chương trình truyền hình, ẩm thực, du lịch đã lan tỏa khắp nơi, nhiều khóa học khác nhau về phong cách và xu hướng thời trang Hàn Quốc ngày càng gia tăng tại chính quốc gia này. Nhận thức được tầm quan trọng cũng như vai trò của ngành công nghiệp văn hóa, Chính phủ Hàn Quốc đã khuyến khích phát triển ngành này ra bên ngoài và đưa nó trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của đất nước.

Như vậy, thông qua một vài phân

tích trên, có thể thấy rõ vai trò cũng như ý nghĩa kinh tế mà ngành công nghiệp điện ảnh đã đem về cho Hàn Quốc trong việc đưa Hàn lưu phát triển ra thị trường thế giới.

Hàn Quốc cho rằng thành công của Hàn lưu là sự thành công không chỉ về mặt văn hóa mà còn trên nhiều phương diện khác như kinh tế, chính trị, ngoại giao. Thành công về văn hóa cũng như kinh tế ở đây có thể dễ nhận thấy, tuy nhiên, những thành công về chính trị và ngoại giao thì không dễ đánh giá. Việc Hàn lưu đã xây dựng và thành công trong việc quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Hàn Quốc ra thế giới đã nâng cao vị thế quốc tế của nước này nên có thể coi đó là một trong những thành công trong lĩnh vực ngoại giao. Hàn Quốc đã huy động được sức mạnh tổng hợp từ các cơ quan chính phủ đến doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giải trí, các tổ chức truyền thông, trường đại học, viện nghiên cứu... để chuyển nhanh từ “*tự phát sang tự giác*”. Trong chiến dịch này, điện ảnh được coi là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn giúp đưa Hàn lưu ra thế giới và những thành công mà ngành này mang lại cho Hàn Quốc một cách trực tiếp hay gián tiếp là không hề nhỏ.

CHÚ THÍCH

1. Phương Nam (2013). Hoollywood tấn công Hàn Quốc. Trên Sài gòn giải phóng

online ngày 21/4 <http://www.sggp.org.vn/dienanh/2013/4/316446/>

2. Ngọc Hằng, Hàn Quốc đưa văn hóa ra thế giới bằng những bộ phim hấp dẫn trên địa chỉ <http://tiin.vn/chuyen-muc/phim/han-quoc-dua-van-hoa-ra-the-gioi-bang-nhung-bo-phim-hap-dan.html>
3. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서 (애니메이션/캐릭터산업편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Animation/Character Industries) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
4. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서 (출판/만화산업편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Publishing/Cartoon Industries) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
5. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서 (출판/만화산업편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Publishing/Cartoon Industries) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
6. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서 (애니메이션/캐릭터산업편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Animation/Character Industries) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
7. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서 (게임산업편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Gaming Industry) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
8. "2012년1분기콘텐츠산업동향분석보고서

- (지식 정보 산업 편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Knowledge/Information Industry) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
9. "2012년 1분기 콘텐츠산업 동향 분석 보고서 (영화 산업 편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Movie Industry) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
 10. "2012년 1분기 콘텐츠산업 동향 분석 보고서 (영화 산업 편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Movie Industry) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
 11. "2012년 1분기 콘텐츠산업 동향 분석 보고서 (음악 산업 편)" [Contents Industry Trend Analysis Report (Music Industry) 1st quarter, 2012] (in Korean). Korea Creative Contents Agency. July 2012. Retrieved 13 August 2012.
 12. *Dẫn theo Điện ảnh ngày nay* số 69 năm 2000, trang 51.
 13. *Điện ảnh ngày nay* số 69 năm 2000, trang 56.
 14. www.bugs.co.kr.
 15. Thiều Hà Quang Nghĩa. *Làn sóng điện ảnh Hàn Quốc*. trên địa chỉ <http://dao.tao.vtv.vn/lan-song-dien-anh-han-quoc/>
 16. http://group.dai-ichi-life.co.jp/dlri/news/pdf/nr2004_26.pdf 2011^年3^月31^日 アクセス
 2. 서동훈, 박영균 (2007), 한류가 베트남 청소년의 문화의식에 미치는 영향, 한국청소년정책연구원 (Ảnh hưởng của Hallyu tới nhận thức văn hóa của thanh thiếu niên Việt Nam)
 3. 박희성, 남경희 (2006), 영화분야 한류 현황과 활성화 방안 연구, 영화진흥위원회 (Thực trạng Hallyu trong lĩnh vực điện ảnh và nghiên cứu phương án phát triển)
 4. 김상배 (2007), 한류의 매력과 동아시아 문화 네트워크, 세계정치 7 제 28집 1호, 2007년 봄. 여름 (Sức hấp dẫn của Hallyu và mạng lưới văn hóa châu Á)
 5. 김은미 (2003), 한국 영화의 흥행 결정 요인에 관한 연구, 한국어문학회 47-2 (Nghiên cứu nguyên nhân thành công của điện ảnh Hàn Quốc)
 6. 신용환 외 (2006), 동아시아의 한류, 서울: 전예원 (Hallyu tại Đông Á)

* Tiếng Anh

7. Korean Culture and Information Service (2011), Contemporary Korea No1. The Korean Wave (A new Pop culture phenomenon), Ministry of Culture, Sports and Tourism
8. Korean Culture and Information Service (2011), Korean Culture No3. K Drama A new TV genre with global Appeal, Ministry of Culture, Sports and Tourism

* Tiếng Việt

9. Nguyễn Tiến Mạnh, "Ảnh hưởng của văn hóa âm nhạc Hàn Quốc đến Showbiz Việt", Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 328, tháng 10 năm 2011.
10. Nguyễn Ngọc Thơ, Giá trị của Hàn lưu trong nền văn hóa Việt Nam đương đại, trên trang web của Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 14/5/2013.
11. Tạp chí Hàn Quốc các số từ năm 2012-2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tiếng Hàn Quốc

1. 조한혜정, 황상민, 이와부치고이치, 이동후, 김현미 (2006), "한류"와 아시아의 대중문화, 연세대학교 출판부 (Hallyu với văn hóa đại chúng châu Á).

NGHIÊN CỨU LỖI TỪ VỰNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIẢNG DẠY TỪ VỰNG TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHO NGƯỜI VIỆT

*Nghiêm Thị Thu Hương**

Dẫn nhập

Từ vựng là đơn vị hạt nhân làm nên hình thái ngữ pháp. Phương thức sử dụng từ vựng, đặc biệt là phương thức sử dụng thực từ, có thể phản ánh năng lực ngôn ngữ của người học.

Trong nghiên cứu này mục tiêu đầu tiên của chúng tôi đặt ra là phân tích lỗi sai và mô tả nguyên nhân lỗi sai trong việc sử dụng các thực từ tiếng Hàn (cụ thể là danh từ, động từ, tính từ, đại từ) ở đối tượng người Việt Nam học tiếng Hàn trình độ Trung cấp. Chúng tôi tập trung vào phân tích hàng chục bài viết văn bản, hàng trăm câu sai để xem xét và chỉ ra cơ chế mắc lỗi và phương thức khắc phục.

Để làm được điều này chúng tôi đã thu thập các bài viết tự luận, bài tập viết, câu viết tự do của sinh viên năm thứ 2 và đầu năm thứ 3 - đối tượng sinh viên đang học tiếng Hàn trình độ Trung cấp để cấu trúc quy hoạch nhóm lỗi và tìm cơ chế mắc lỗi, lý giải nguyên nhân mắc lỗi.

Nội dung

Nghiên cứu này của chúng tôi xuất phát từ lý luận cho rằng sự khác biệt giữa loại hình ngôn ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt gây ảnh hưởng đến quá trình học tập tiếng Hàn của người Việt. Vì thế, chúng tôi tập trung trước vào việc tìm các lỗi sai do ảnh hưởng gián tiếp của tư duy tiếng mẹ đẻ trong văn bản viết tiếng Hàn, sau đó chúng tôi tập trung phân nhóm lỗi và đánh giá lỗi.

Nhìn từ lăng kính của ngôn ngữ học đối chiếu, về cơ bản ngôn ngữ học đối chiếu chia lỗi của người học ngoại ngữ thành các nhóm gồm: lỗi do nội ngữ, lỗi do ngoại ngữ, lỗi do chiến lược giao tiếp, và lỗi do sự phức hợp cả nội và ngoại ngữ.

Tiếp cận theo cách khác, lỗi sai trong quá trình học ngoại ngữ có thể chia theo nhóm lỗi hình thái và lỗi ý nghĩa. Đặc biệt gần đây, căn cứ theo những đặc

* TS., Trường Đại học Hà Nội.

trung của từ vựng tiếng Hàn người ta đã phân chia lỗi của người học tiếng Hàn thành 16 nhóm lỗi. Kết quả nghiên cứu này cũng xem xét và phân tích nguyên nhân mắc lỗi theo cách xem xét mật độ (tỷ lệ lỗi và hình thái lỗi).

Có thể sắp xếp lại các thành quả lý luận của phân tích lỗi trong quá trình học tập ngoại ngữ như sau :

Thứ nhất, lỗi từ vựng có thể được phân chia theo nhóm lỗi hình thức và lỗi ý nghĩa.

Thứ hai, lỗi về hình thức có thể phân chia thành (1) lỗi do phát âm và (2) lỗi do chính tả, trật tự.

Thứ ba, lỗi về ý nghĩa có thể phân chia thành (1) lỗi thêm hoặc bớt từ (2) lỗi xuất phát từ việc sử dụng chữ Hán (3) lỗi do nhầm lẫn phạm trù từ (3) lỗi do sự khác biệt về giá trị giao tiếp.

Theo nền tảng lý thuyết này, nghiên cứu của chúng tôi tập trung mô tả và lý giải lỗi, sau đó đưa ra đề xuất sự phạm cho việc giảng dạy một bộ phận từ vựng trong tiếng Hàn. Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu, phân chia và khái quát các đối tượng nghiên cứu thành nhóm lỗi liên quan đến danh từ, nhóm lỗi liên quan đến động tính từ, và lỗi do nhầm loại từ loại, lỗi kính ngữ ở từ vựng, lỗi do việc sử dụng âm Hán và cuối cùng là lỗi do sự khác biệt về thể xã hội.

1. Lỗi liên quan đến danh từ

Số lỗi sai liên quan đến việc sử dụng danh từ nhiều hơn so với số lỗi sai ở các loại từ loại khác. Không biết có phải vì như thế hay không nhưng dường như trong bất kỳ ngôn ngữ nào thì từ loại danh từ luôn chiếm vị trí quan trọng nhất. Từ loại danh từ trong tiếng Hàn có đặc trưng ý nghĩa và đặc trưng ngữ pháp đa dạng nên từ loại danh từ trong tiếng Hàn có phần phức tạp. Chưa kể tự bản thân từ loại danh từ trong tiếng Hàn cũng chia nhỏ thành nhiều chủng loại như danh từ độc lập, danh từ phụ thuộc nên có thể dễ dàng hiểu được vì sao người học ngay từ đầu đã cảm thấy danh từ tiếng Hàn không dễ hiểu.

Đối với đối tượng người Việt học tiếng Hàn trình độ Trung cấp, các lỗi ở nhóm danh từ gồm:

1.1. Lỗi do đảo ngược trật tự từ danh từ phức hợp giữa tiếng Hàn và tiếng Việt

(Vd 1) #정부채권금융# 정부 금융 채권
효율적으로 사용하기로 하였다.

Lý giải: Tiếng Việt (ngôn ngữ của người học) Trái phiếu chính phủ

Tiếng Hàn - 정부금융채권

(Vd 2) 세계#경제금융# 금융 경제 위
기 때문에 2000년에는 4%밖에 증가하지 않았으며, 2011년에는 4.2% 증가하였다.

Lý giải: Tiếng Việt - Kinh tế tài chính

Tiếng Hàn - 금융경제

(Vd 3) GDP는 # 평균 1년에 # 매년 평균 7%를 증가하였다.

Lý giải: Tiếng Việt - Bình quân một năm

Tiếng Hàn - 매년 평균

(Vd 4) 국가를 더 현대적으로 구축할 뿐만 아니라 “#현대화국가# 국가의 현대화, 부강한 사회주의, 민주, 문명”이라는 목표를 성고적으로 이루기를 바란다.

Lý giải: Tiếng Việt - Hiện đại hóa quốc gia

Tiếng Hàn - 국가의 현대화

1.2. Lỗi do đảo trật tự “Họ tên + Chức vụ” và “Chức vụ + Họ tên”

(Vd 5) #총리 판브카이# 판브카이 총리의 국가방문에서 “21 세기의 전면적인 연합공동선언” 통해 양국관계가 새롭게 발전하기 시작했습니다.

Lý giải: Trong tiếng Việt: trật tự “Chức vụ + Họ tên”

Trong tiếng Hàn: trật tự “Họ tên + Chức vụ”

(Vd 6) 우리는 사랑하는 #서울도시는 # 도시서울은 원래부터 #풍화스러운 # 깨끗한 환경으로 유명했지만

Lý giải: Tiếng Việt - Thủ đô Seoul

Tiếng Hàn - 도시서울(?)

Các trường hợp 1.1 và 1.2 trên đây là những điển hình lỗi do trật tự từ ghép / danh từ ghép trong tiếng Hàn và danh từ ghép trong tiếng Việt hoàn toàn ngược nhau. Người Việt học tiếng Hàn mang sự ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ vào quá trình sử dụng ngoại ngữ dễ phạm vào các lỗi như thế này.

1.3. Lỗi do hiểu chưa đầy đủ về nghĩa, hình thái, phạm trù sử dụng các cặp từ có nghĩa gần / tương tự nhau

(Vd 7) 예를 들어, 많은 공장들은 #환경에 배출물을 버렸으니까# 산업 폐기물을 배출하여 #공기# 대기, #물# 수질과 #흙# 토질이 오염됐습니다.

Lý giải: Đây là trường hợp mà trong tiếng Việt chỉ có 1 từ tương ứng với một khái niệm nhưng trong tiếng Hàn thì có nhiều từ. Tức là

Tiếng Việt - không khí, nước, đất

Tiếng Hàn: 공기 & 대기; 물 & 수질; 흙 & 토질 (lần lượt có ít nhất 2 từ cùng nghĩa tương ứng).

Ví dụ số 8 sau đây cũng tương tự.

(Vd 8) 특히 공장들 주변이 #노폐물# 산업 폐기물과 공기 중에 배출되는 매연의 양이 나날이 #커진 곳에서# 증가하며 이 문제가 여간 #심하# 심각하지 않습니다.

Lý giải: Tiếng Hàn - “노폐물” và “산업 폐기물” (2 từ)

Tiếng Việt: rác thải công nghiệp (1 từ)

Các lỗi này chủ yếu do người học chưa hoàn toàn phân biệt được phạm trù, vị trí sử dụng các từ cùng nghĩa ở tiếng Hàn.

2. Lỗi liên quan đến động từ

Các ví dụ sau đây cũng là những điển hình về lỗi mà trong tiếng Việt có 1 từ và trong tiếng Hàn có nhiều từ tương ứng.

(Vd 8) 심하다 & 심각하다

특히 공장들 주변이 #노폐물# 산업 폐기물과 공기 중에 배출되는 매연의 양이 나날이 #커

진 곳에서# 증가하며 이문제가 여간#심하# 심각하지 않습니다.

Lý giải: Người học chưa hiểu hết sự khác biệt về ý nghĩa ở các cặp động từ [심하다 & 심각하다] của tiếng Hàn. Ngoài ra, trong tiếng Việt, từ “ngghiêm trọng” có thể tương đương với ít nhất là 2 động từ “심각하다, 심하다” nên điều cần thiết là phải hướng dẫn được cho người học phân biệt cách sử dụng từng từ trong cặp động từ như thế này. Chưa kể đến việc trong tiếng Hàn từ đồng nghĩa có số lượng rất lớn nên người học càng cảm thấy khó khăn.

Tương tự ở các ví dụ sau:

(Vd 9) 계속되다 & 지속되다

이런 상황이#더욱 계속된다면# 계속 지속된다면#우리 살고 있는 세대에게 영향을 줄#우리 세대 뿐만 아니라#우리 후세들에게도 못지 않을 겁니다# 다음 세대에게도 심각한 영향을 끼칠 것입니다.

(Vd 10) 심해지다 & 악화되다

그래서#이 문제를 심해지지 않게# 이 문제가 더 악화되지 않도록 환경보호 방안을 세워야 합니다.

(Vd 11) 엄중하다 & 심각하다

서울시는 지금 생각보다 환경오염 문제가 점점#엄중해져# 심각해지고 있습니다.

(Vd 12) 버리다 & 배출하다

예를 들어, 많은 공장들은#환경에 배출물을 버렸으니까# 산업 폐기물을 배출하여#공기#대기, #물# 수질과#흙들을# 토질이 오염됐습니다.

(Vd 13) 하다 & 시행하다

그다음에 소개한 방법에 따라 잘#할 수 있으면# 시행한다면 환경오염 문제를 개선할 수 있을 겁니다.

Các ví dụ từ (vd8) đến (vd 13) trên đây cùng cho thấy sự giống nhau về nghĩa / đồng nghĩa là nguyên nhân gây nên lỗi ở người sử dụng. Hơn hết, vấn đề đồng nghĩa “đơn từ” trong tiếng Việt gặp “đa từ” trong tiếng Hàn luôn khiến cho người học cảm thấy khó khăn. Điều này đúng trên phương diện người Hàn học tiếng Việt có thể là điều thuận lợi nhưng trên phương diện người Việt học tiếng Hàn sẽ là khó khăn lớn. Quan trọng là cần hướng dẫn cho người học một cách triệt để việc học các từ đồng nghĩa với nhau và song song với nó là học ngay cả điểm khác nhau (giới hạn) trong cách sử dụng các cặp từ đồng nghĩa này. Giống như việc đưa ra trước các cảnh báo sai để người học có thể lưu ý trước khi hình thành thói quen sử dụng nó. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, các lỗi sai này thường do người học chưa được tiếp cận một cách đầy đủ về tài liệu cũng như thông tin liên quan đến các giới hạn của từ. Vì thế sẽ rất tốt nếu giáo viên có thể chuẩn bị được các tài liệu tư liệu bổ sung hoặc chỉ rõ các ngữ trị tương ứng với giới hạn của các động từ đồng nghĩa này.

3. Lỗi do nhầm lẫn loại từ loại (từ cùng nghĩa, khác loại hình từ loại)

(Vd 14) 모든 & 모두

한때 외국 드라마들은 베트남 TV에서 거의 #모든# 모두 실시간으로 상영된 적도 있었다.

Lý giải: Cùng là nghĩa “tất cả”

모든: là định từ

모두: là phó từ

(Vd15) 제일 & 최고

아이사 태평양은 세계에서 #최고# 제일
생동감이 넘치는 지역이지만 복합적인 이유로 선
진국들 사이의 전략 경쟁 지역이다.

Lý giải: Cùng là nghĩa “nhất”

제일: là đệ nhất

최고: là cao nhất

(VD tương tự) 한국은 베트남 #최고#
제일 중요한 경제 파트너 중에 하나이다.

(Vd 16) 첫번째 & 처음

암둔 국왕은 말레의 14째 국왕이고 재선거
를 #호선하는 처음분# 통하여 선출된 첫번째 분
입니다.

이 방문은 Truong Tan Sang #주석으로
서 중국을 방문한 것은 처음이고# 주석의 첫번째
중국 방문이고, 중국의 새로운 지도부가 선출한
후 베트남 고위 지도자의 #중국을 방문한 것도 처
음# 첫번째 중국 방문이기도 한다.

Lý giải: Cùng là nghĩa “lần đầu”

첫번째: Là lần thứ nhất trong chuỗi

처음: là lần đầu, lần thứ nhất (không
có ý nghĩa chuỗi)

4. Lỗi liên quan đến từ vựng có ý nghĩa kính ngữ

(Vd 17) 저를 언제나 신뢰해주셔서 진심
으로 #고맙습니다.# 감사드립니다.

(Vd 18) 서울시민에게 드리는 #말# 말씀

Sự thực là phương tiện thể hiện
kính ngữ trong Tiếng Việt không đa dạng
và phức tạp như trong tiếng Hàn. Ngoài
ra, riêng trong tiếng Hàn các phương tiện
kính ngữ bằng từ vựng còn có các quy
định chặt chẽ về sự hài hòa giữa từ vựng
thực từ (danh từ) với từ vựng hư từ (tiểu

từ) và giữa các lớp thực từ (danh từ với
hồ từ) với nhau và giữa đầu với cuối câu
cho nên việc sử dụng đúng các lớp từ
vựng này cũng là điều không đơn giản.
Mặc dù trong nghiên cứu của chúng tôi
lần này chỉ tập trung vào giới hạn phân
tích các lỗi trên văn bản viết và lỗi kính
ngữ không chiếm tỉ lệ lớn trong số này
tuy nhiên vấn đề kính ngữ trong từ vựng
và kéo theo đó là các quy định về ngữ
pháp (mối quan hệ giữa các thành phần
trong câu) cần phải được coi là vấn đề
quan trọng trong giảng dạy tiếng Hàn
cho người Việt.

5. Lỗi liên quan đến các khái niệm bắt nguồn từ thể chế xã hội

Có những khái niệm hoặc từ mà
trong tiếng Việt có và trong tiếng Hàn
không có từ tương ứng hoặc ngược lại.
Những lớp từ này bắt đầu từ những lớp từ
chỉ văn hóa cổ hữu, đặc trưng của mỗi
quốc gia nhưng cũng có những khái niệm
và từ không bắt nguồn từ yếu tố văn hóa
mà là từ yếu tố xã hội, cụ thể là bắt nguồn
từ thể chế chính trị xã hội. Thông thường
những trường hợp không có từ tương
ứng trong ngôn ngữ kia thì khi chuyển
ngữ người ta sử dụng phương thức giải
thích, diễn giải nghĩa. Ví dụ như trong
tiếng Việt có từ “đồng chí” và đây là từ
mà trong tiếng Hàn không sử dụng.
Tiếng Việt có từ “nhân dân” thì tiếng Hàn
có từ tương đương là từ “국민 - quốc dân”,
trong tiếng Việt có từ “chính quyền” thì

từ tương đương trong tiếng Hàn là từ “정부 - chính phủ”. Với các từ không có khái niệm tương đương thì chưa có kết quả khảo sát cụ thể nhưng với các từ có khái niệm tương đương thì lỗi sai thường xuất hiện ở dạng thức “người học sử dụng khái niệm của ngôn ngữ mẹ đẻ chuyển dịch nguyên nghĩa nguyên từ sang ngoại ngữ”. Ví dụ điển hình như (vd 19) sau đây:

(Vd19) 행정 개혁 강화, #정권# 정부기관 서비스의 품질 향상을 촉진하기 위해 노력한다.

6. Lỗi liên quan đến sự khác biệt về nghĩa giữa từ Hán Hàn và từ Hán Việt

Tương tự với việc trong tiếng Việt có âm Hán Việt thì trong tiếng Hàn cũng có âm Hán Hàn. Theo thống kê của Viện Quốc ngữ Hàn Quốc thì số lượng từ Hán Hàn chiếm hơn 60% từ vựng tiếng Hàn. Trong tiếng Việt cũng có sự tương tự. Bởi cùng nằm trong vùng văn hóa Hán tự và bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa trong một thời gian rất dài nên trong tiếng Việt và tiếng Hàn hiện tại có thể dễ dàng tìm ra những từ chung. Ví dụ như trong tiếng Việt có từ “học sinh”, “kế hoạch”, “quốc tế”... thì trong tiếng Hàn có các từ “학생” “계획” “국제” có phát âm tương tự. Sự giống nhau như thế khiến cho người Việt học tiếng Hàn và người Hàn học tiếng Việt cảm thấy hứng thú và cảm thấy việc học từ dường như là dễ dàng hơn. Tuy nhiên, điều này cũng gây

nên một tâm lý “tự tạo từ”, bởi người học cho rằng cùng là từ bắt nguồn trong chữ Hán nên nhiều từ không biết người học lại có thể tự tạo ra bằng cách sử dụng các từ có âm na ná trong hai ngôn ngữ. Đây có thể coi là một dạng chiến lược vừa tích cực vừa không tích cực. Nó sẽ tích cực vì theo đó người học có thể dễ dàng tạo từ tương ứng trong trường hợp ở hai ngôn ngữ có sự đồng nhất về nghĩa nhưng nó lại không tích cực trong trường hợp cùng là từ Hán nhưng vào mỗi ngôn ngữ đã có sự biến chuyển về phạm vi nghĩa hoặc phạm vi sử dụng của từ đó. Trên thực tế, chưa có nhưng cần phải có những nghiên cứu đối chiếu so sánh các lớp từ Hán Hàn và Hán Việt để chỉ ra cùng là gốc từ Hán đó vào tiếng Việt và vào tiếng Hàn có sự “giữ nguyên” hay có sự “dịch chuyển” nghĩa. Bên cạnh việc có sự tương đồng về ngôn ngữ do ảnh hưởng của lớp từ Hán sang tiếng Hàn và lớp từ Hán sang tiếng Việt thì sự không tương đồng đương nhiên cũng không ít. Và sự không tương đồng này dễ trở thành nguyên nhân của những ảnh hưởng không tích cực do thói quen sử dụng từ tiếng mẹ đẻ mang sang áp dụng với sử dụng ngoại ngữ. Ví dụ

(Vd 19) 행정 개혁 강화, #정권# 정부기관 서비스의 품질 향상을 촉진하기 위해 노력한다.

Lý giải: Tiếng Việt - Chính quyền

Tiếng Hàn - 정부 (từ đúng)

정권 (từ sai, là từ có phát âm tương

tự với từ chính quyền trong tiếng Việt và người học tự cấu tạo từ này từ các gốc từ âm Hán để sử dụng thay cho từ đúng).

(Vd 20) 러시아는 적극적, #주동적# 주도적, 융통성있게 상대국과의 관계를 전면적으로 다방화하는 대외 정책 전개를 유하한다.

Lý giải: Tiếng Việt - Chủ động

Tiếng Hàn - 주도적 (từ đúng)

주동적 (từ sai, từ không có trong từ điển, cơ chế phạm lỗi tương tự như lý giải ở vd 19)

(Vd 21) 서울시는 지금 생각보다 환경 오염 문제가 점점 #엄중해져# 심각해지고 있습니다.

Lý giải: Tiếng Việt - Nghiêm trọng

Tiếng Hàn - 심각해 (từ đúng)

엄중해 (từ sai, từ không có trong từ điển, cơ chế phạm lỗi tương tự như lý giải ở vd 19)

(Vd 22) 2012년에 러시아의 재정적자는 GDP의 0.02%를 차지하며 #납발# 물가상승률은 6.6%, 그리고 실업률....

Lý giải: Tiếng Việt - Lạm phát

Tiếng Hàn - 물가상승 (từ đúng)

납발 (từ sai, từ không có trong từ điển, cơ chế phạm lỗi tương tự như lý giải ở vd 19)

Các ví dụ trên đây cho thấy lỗi sai do người học tự tạo từ trong quá trình sử dụng ngoại ngữ. Các ví dụ (Vd 20) đến (Vd 22) thậm chí là các từ không có trong từ điển tiếng Hàn.

Ở ví dụ (vd 23) sau đây mặc dù

không giống với lỗi ở các ví dụ 20 đến 22 là các từ “tự tạo và không có trong từ điển” nhưng từ tự tạo trong ví dụ này do người học đã tự ý kết hợp giữa hai từ “나라 quốc gia” và từ “농업 nông nghiệp” thành cụm từ ghép “quốc gia nông nghiệp - 농업 나라” mặc dù là khái niệm “có thể hiểu được” nhưng hoàn toàn không giống với tiếng Hàn. Trong tiếng Hàn không dùng từ như vậy.

(Vd 23) 베트남은 #농업나라이니까# 농업국이니까 쌀이 제일 중요하는 것이다.

Với các ví dụ về lỗi đã trình bày ở trên, có thể sắp xếp lại một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, lỗi sai nhiều nhất mà người Việt phạm phải khi học tiếng Hàn là do sự hỗn độn về nghĩa từ. Đặc biệt ở đối tượng người học tiếng Hàn trình độ trung cấp thì chủ yếu là lỗi sai ở các từ ghép. Lỗi sai ở nhóm danh từ ghép nổi lên rõ nhất là lỗi sai về trật tự từ. Một bộ phận lỗi nữa phát sinh do chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa của từ hoặc về vai trò của từ trong các từ đồng nghĩa. Điển hình là lỗi liên quan đến các cặp động từ đồng nghĩa và một bộ phận là lỗi do nhầm lẫn vai trò từ loại của từ.

Thứ hai, nhìn tổng thể là lỗi do chưa từ bỏ được thói quen sử dụng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ vào quá trình sử dụng ngoại ngữ, đưa nguyên quy tắc sử dụng mẹ đẻ vào áp dụng cho sử dụng ngoại ngữ. Trong tiếng Hàn có đặc trưng là

nhiều từ đồng âm, nhiều từ đồng nghĩa và điều này trở thành nguyên nhân tại ngoại ngữ khiến người học dễ dàng mắc lỗi. Theo chúng tôi để người học có thể hiểu đúng, hiểu chính xác và rõ ràng về các từ đồng âm đồng nghĩa trong tiếng Hàn thì điều quan trọng nhất là cần phải đưa ra các tình huống sử dụng hoặc cụ thể hơn là các ngữ trị sử dụng của từng từ đó. Người giáo viên cũng cần phải cung cấp từ vựng trong từng văn mạch hoặc tình huống đó để người học có thể tiếp cận như là tri thức nền (bắt buộc) trong quá trình học tập và sử dụng ngoại ngữ. Tương tự như việc người học liên tục nhầm lẫn giữa các từ trong cặp động từ “계속되다” và “지속되다” nếu chỉ xem từ điển thì thấy khái niệm “계속되다” nghĩa là “không dừng và tiếp tục” còn “지속되다” nghĩa là “một trạng thái nào đó được tiếp tục lâu dài” thì người học dù có xem chú giải trong từ điển cũng khó mà hiểu và phân biệt được 2 từ này. Trong trường hợp như thế giáo viên cần đưa ra các tình huống sử dụng sai, đúng của cặp từ để người học cần hiểu đúng văn mạch và tình huống sử dụng.

Thứ ba, cùng nằm trong vùng ảnh hưởng của văn hóa Hán tự nên việc người ở ngôn ngữ này học ngôn ngữ kia có không ít thuận lợi. Đó là sự thuận lợi của việc biết gốc từ và tự cấu tạo từ từ các gốc từ có sẵn. Đồng thời với điều đó cần có sự chỉ rõ sự khác biệt trong quá trình

du nhập hoặc tiếp nhận ngôn ngữ vào mỗi nền văn hóa có sự thay đổi để người học được cảnh báo về việc có sự khác biệt chứ không hoàn toàn chỉ là đồng nhất. Ngoài ra, nếu có một hệ thống các từ vựng/ mạng từ có sự chuyển ý không đồng nhất từ cùng một chữ Hán sang tiếng Hàn và cùng một chữ Hán đó sang tiếng Việt thì càng có ý nghĩa hơn. Điều này có thể đề phòng các nhóm lỗi từ các từ vựng có gốc là tiếng Hán.

Kết luận

Nghiên cứu của chúng tôi tập trung mô tả và lý giải cơ chế mắc lỗi từ vựng ở người Việt học tiếng Hàn trình độ Trung cấp trên một số lĩnh vực là lỗi danh từ, lỗi động từ, lỗi do nội ngữ và lỗi do ngoại ngữ.v.v... Bản thân việc học tập và sử dụng một ngoại ngữ vốn là việc không dễ dàng và chúng tôi cũng đã đề cập đến những trở ngại do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và do sự phức tạp của chính ngoại ngữ đang sử dụng. Mặc dù nghiên cứu này chưa có tính phổ quát hay khái quát cao nhưng chúng tôi đã đề cập đến quá trình học tập từ vựng nói chung và với bộ phận nhỏ các lớp từ vựng trong số đó cần được cung cấp nghĩa cụ thể theo văn phong hoặc mạng lưới từ theo nhóm nghĩa. Qua nghiên cứu này hy vọng đóng góp được một chút đề xuất giúp ích được cho việc xây dựng phương án sử dụng từ vựng và giảng dạy từ vựng tiếng Hàn

trình độ trung cấp cho đối tượng người học là người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Corder, S. P. (1981), *Error Analysis Interlanguage*, Oxford University, London.
2. 김미옥(2003), 한국어학습자의 단계별 어권별 어휘 오류의 통계적 분석, 한국어교육 14-3, 국제한국어교육학회.
3. 서상규, 유현경, 남윤진(2002) 한국어학습자 말뭉치와 한국어교육, 한국어교육 13-1, 국제한국어교육학회.
4. 석주연, 안경화(2003), 한국어 학습자표현 오류 분석의 몇 가지 문제, 한국어교육 14-3, 국제한국어교육학회.
5. 이병운(2012) 베트남 학습자의 한국어 어휘 사용 오류 경향 분석, 부산대학교사범대학 과학교육 연구소, 교사 교육연구 = Teacher education reseach, 제 51권 제 2호(2012년 8월) pp. 313 - 322.
6. 윤혜숙(2004), 베트남인 한국어 학습자의 어휘 오류 분석 및 교육 방안 연구, 연세대학교 교육대학원 석사학위논문.

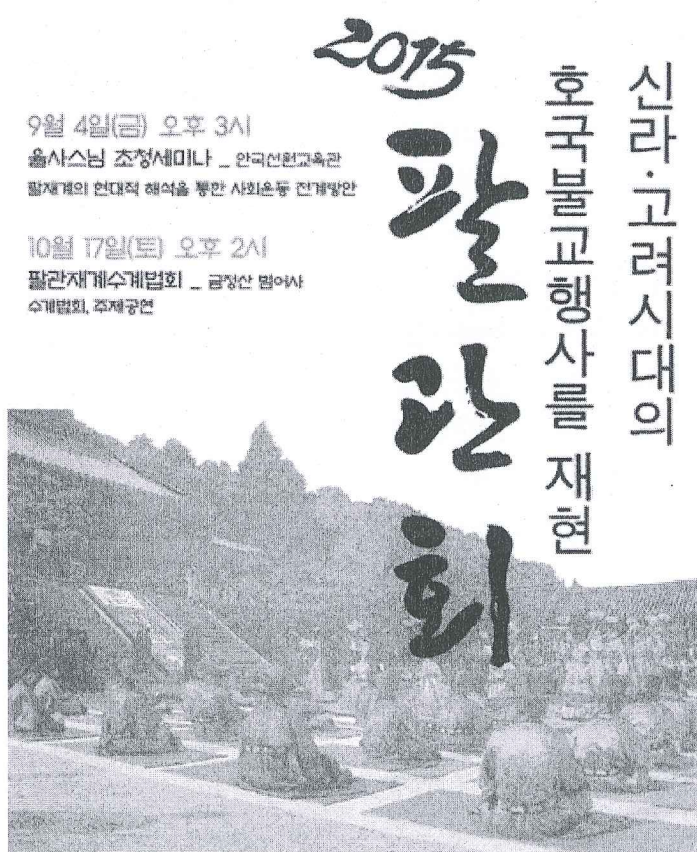
PALGWANHOE - BÁT QUAN HỘI (八關會)

Phạm Hồng Nhung *

1. Mở đầu

Ngày 17/10/2015 vừa qua, tại thành phố Busan của Hàn Quốc đã long trọng diễn ra Palgwanhoe (Tạm dịch: Bát Quan hội), một nghi lễ truyền thống

của Hàn Quốc. Người Hàn Quốc hiện đại với những bận rộn cuộc sống đời thường lại có dịp sống chậm lại, thanh thản và cảm nhận sâu hơn những giá trị tinh thần truyền thống.



(Nguồn ảnh: Palgwanhoe.or.kr)

* ???????

2. Nguồn gốc

Theo sách Bulseoljae-kyeong 불설재경 (佛說齋經) (Tạm dịch: Phật thuyết trai kinh) thì Palgwanhoe có nguồn gốc từ Ấn Độ, các Phật tử tu tại gia trong 1 ngày 1 đêm, giữ cơ thể sạch sẽ, tâm hồn thanh tịnh, rời xa những điều xấu. Chữ "Quan" trong Bát Quan đây có nghĩa là "Cấm". Đó là không phạm vào 8 điều cấm: sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu, nằm ngòai trên giường cao rộng đẹp đẽ, trang điểm thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát, nhịn ăn tối. Điều này cũng được nhắc đến trong Ahhamgyeong (아함경, 阿含經) (Tạm dịch: A Hàm Kinh) trong thời kì đầu Phật giáo được truyền bá vào Hàn Quốc. Palgwanhoe xuất hiện ở Trung Quốc vào thế kỉ thứ 5, lưu hành trong dân gian và có giai đoạn trở thành lễ hội cấp quốc gia.

Trải qua triều đại Kokuryo đến triều đại Silla từ năm 551, Palgwanhoe có ý nghĩa như một nghi lễ hộ quốc, một nghi lễ cầu cho đất nước thái bình, thịnh vượng. Cuối thời Silla, Palgwanhoe mang ý nghĩa tượng trưng cho sự trị vì đất nước.

Năm 918 triều đại Koryo lập quốc vào giữa mùa thu (khoảng tháng 11 ở Hàn Quốc), Palgwanhoe đã được vua Thái Tổ chọn làm nghi lễ chính thức. Do đó, Palgwanhoe còn mang ý nghĩa chính trị trong lễ rước hoàng đế. Vị hoàng đế đầu tiên của triều đại Koryo coi triết lý

Phật giáo là nền tảng xây dựng đất nước. Trong lời di huấn (訓要) của vua Thái tổ (năm 943) có viết rằng Bát quan hội là nghi lễ tiếp nhận thiên linh (天靈), được chính thức quy định là một trong 5 nghi lễ (五禮) quan trọng của hoàng thất. Do đó, cùng với Yeondeunghoe (Liên đăng hội hay lễ hội đèn lồng) Palgwanhoe được định kì tổ chức ở triều đình. Các vị vua đời sau nghe theo lời di huấn của Thái Tổ, cứ tháng 11 hàng năm tổ chức Palgwanhoe.

3. Các hoạt động chính và các nghi lễ

Căn cứ theo nghiên cứu của Viện Hàn Quốc học, Palgwanhoe được tổ chức vào dịp rằm tháng 10 (ngày 14 và 15 tháng 10 âm lịch) và dịp rằm tháng 11 (ngày 14 và 15 tháng 11 âm lịch) hàng năm. Thời Koryo, Palgwanhoe được tổ chức linh đình trong cung suốt 2 ngày, với yến tiệc linh đình. Ngày thứ nhất được gọi là tiểu hội. Trong ngày này, xe rước vua sẽ đi quanh đền Beopwangsa (Tạm dịch: **Beopwang Temple**, Pháp vương tự), hành lễ trước bài vị của tiên hoàng.

Giai đoạn giữa thời Koryo, nhà văn Lee Gyu Bo trong cuốn 법왕사팔관설경문 (法王寺八關說經文) (tạm dịch: Pháp Vương Tự Bát quan thuyết kinh văn) đã mô tả về nghi lễ ở đền Beopwangsa này. Ngày thứ hai được gọi là đại hội, vua sẽ tiếp đón các quần thần và các sứ thần nước ngoài đến yết kiến.

Các nghi lễ trong hai ngày này lần lượt diễn ra như sau:

1. Vua đi giá tới đền Beopwangsa [法王寺幸香]
2. Vua đến đàn tế lễ [鑾駕出宮].
3. Vua lên đàn tế lễ và cúi lạy tổ tiên [太祖眞酌獻].
4. Sau khi vua an tọa, các quần thần sẽ tiến hành nghi lễ với vua [坐殿受賀].
5. Các quan lại địa phương dâng biểu kính chúc Palgwanhoe [封表朝賀].
6. Các sứ thần và sứ giả nước ngoài dâng lễ chúc mừng vua [外國人朝賀].
7. Các quan văn dâng lên những lời ca tụng đức vua và Palgwanhoe [八關致語朝賀].
8. Cùng thưởng thức yến tiệc và xem ca múa [歌舞百戲].

Trong 四仙樂部 (Tạm dịch: Tứ liên lạc bộ) có nhắc đến bài dân ca thời Koryo: 海東天子 當今帝佛 (tạm dịch: Đông Hải hoàng đế là Đức Phật hoàng đế) là phong tục tốt đẹp truyền lại thể hiện chủ trương lấy triết lý Phật giáo làm ý niệm trị quốc của thời Koryo.

Ngày nay, Palgwanhoe được khôi phục và tái hiện như một sự kiện lớn thu hút đông đảo người dân tham gia. Palgwanhoe diễn ra tại Busan được chia

ra 3 chương trình chính: “học thuật”, “văn hóa truyền thống” và “chia sẻ với cộng đồng”. Chương trình văn hóa truyền thống diễn ra từ 1 giờ chiều, lễ diễu hành xuất cung và lễ tưởng niệm các binh lính đã hi sinh để bảo vệ đất nước bắt đầu. Các nghệ nhân tái hiện cảnh đức vua thời Goryeo diễu hành xuất cung. Đoàn diễu hành đi từ công viên Yongdusan đến Gwangbok trên hành trình 2.5km trong 1 tiếng. Lễ tưởng niệm các binh sĩ đã hi sinh vì đất nước là nghi lễ truyền thống được truyền lại. Từ 2 giờ chiều, lễ cầu thái bình cho đất nước nói chung và sự phát triển của Busan nói riêng được diễn ra tại công viên Yongdusan. Nghi lễ cuối cùng diễn ra vào 3 giờ chiều là chương trình biểu diễn ca múa nhạc. Đây là nghi lễ tượng trưng cho sự giao lưu hữu hảo với các sứ thần nước ngoài thời Goryeo. Bên cạnh đó, 3000 suất ăn đã được chuẩn bị để chia sẻ với những người dân tham gia hoặc đến xem nghi lễ Palgwanhoe.

Ngày thứ hai, lúc 2 giờ chiều tại Quảng trường văn hóa Beomosa, diễn ra nghi lễ chính. Nghi lễ này đã thu hút hơn 1000 người dân tham gia. Chủ tịch hội liên hiệp Phật giáo tỉnh Busan cho biết đây là nghi lễ thực hiện 8 điều cấm của nhà Phật trong 1 ngày. Từ chiều hôm đó, mọi người tham gia nghi lễ sẽ nhịn ăn, điều này cũng có ý nghĩa là nhịn ăn để chia sẻ thức ăn với cộng đồng. Bên cạnh

đó, Palgwanhoe đã thực hiện chia sẻ hỗ trợ thức ăn cho 1300 gia đình ở quận Gijang, quận Keumjeong, và quận Bokgu bị thiệt hại vì trận mưa lũ mùa hè.

Hội thảo do sư Yulsa chủ trì trong chương trình “học thuật” cũng diễn ra với sự tham dự của nhiều bậc tăng sư như sư Ji Hyeon ở chùa Songgwansa, sư Soo Jin, hiệu trưởng trường đại học Phật giáo Yul Hak thuộc chùa Beomosa, sư Seo Bong ở chùa Heinsa, sư Wonheo ở chùa Sanggyesa... Trong buổi thảo luận học thuật này, các nhà sư đã nhấn mạnh tầm quan trọng của Palgwanhoe trong giáo dục người dân Hàn Quốc hiện đại lối sống đúng đắn, sự rộng lượng, lòng bao dung, tôn trọng lẫn nhau.

3. Kết luận

Palgwanhoe đã được khôi phục, tái hiện và kế thừa, phát triển. Palgwanhoe được Hàn Quốc xếp vào văn hóa phi vật thể quan trọng cấp quốc gia. Palgwanhoe hiện đại đã được phổ cập hóa trở thành một lễ hội thu hút đông đảo người dân tham gia. Palgwanhoe năm 2011 tổ chức tại Daegu ước tính đã có 1400 người dân thành phố Daegu tham gia. (Nguồn: daegucity.net; idaegu.co.kr). Palgwanhoe năm 2014 diễn ra ở Busan ước tính đã có 3000 người tham gia. (Nguồn: palgwanhoe.or.kr). Palgwanhoe đã góp phần vào việc nâng cao ý thức sẻ chia cộng đồng trong người dân thành

phố và người dân Hàn Quốc, trở thành một phong tục tốt đẹp thường niên.

Nếu Seoul có Yeon Deung Hoe thì Busan có Palgwanhoe. Người Hàn Quốc xưa có câu nói: “Tháng 5 liên đăng, tháng 10 bát quan” tức là chỉ hai dịp lễ hội văn hóa lớn của Phật giáo Hàn Quốc có truyền thống lâu đời và được kế thừa, phát triển cho đến ngày nay. Câu nói này giờ đây được gắn với hai địa điểm tổ chức hai sự kiện này: “Seoul liên đăng, Busan bát quan”. Cùng với lễ hội đèn lồng ở Seoul (Yeon Deung Hoe - Liên đăng hội), Bát quan hội (Palgwanhoe) ở Busan đã và đang góp phần đại chúng hóa, mang những triết lý Phật giáo hòa với nhịp sống và sinh hoạt đời thường của người Hàn Quốc hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 구미래 (2004), 팔관회의 국가축제적 성격, 한국종교민속시론, 민속원, 한국.
2. 김미숙 (2013), 고령의 팔관회, 박사학위논문, 원광대학교 대학원, 한국문화학과, 한국.
3. 김상현 등 (2012), 팔관회의 복원과 현대적 계승, 동국대학교 불교학술원 세미나자료집, 동국대학교, 한국.
4. 김종명, (2001), 한국 중세의 불교의례, 문학과지성사, 한국.
5. 김혜숙, (1999), 고려팔관회의 내용과 기능, 역사민속학, 한국.
6. 안지원 (2005), 고려의 국가 불교의례와 문화, 서울대학교출판부, 한국.

7. 이은봉, (1990), 고려시대 불교와 토착신앙의 접촉관계 : 연등회·팔관회의 종교의례 기능을 중심으로, 종교연구, 한국.
8. 장은영 (2004), 고려 팔관회의 관광축제 특성, 관광학연구, 2호, 한국관광학회, 한국.
9. 전영준 (2010), 고려시대 팔관회의 실행과 국제문화교류, 다문화콘텐츠연구, 한국.
10. 한상길(동국대학교 불교학술원 연구원), 팔관회의 복원과 재현을 위한 과제, 한국.
11. 홍윤식 (1994), 불교행사의 성행, 한국사, 국사편찬위원회, 한국.
12. <http://www.bba.or.kr/>
13. <http://www.palgwanhoe.or.kr/>

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 13, giãn dòng 1.3.
3. Các Chú thích để ở cuối bài. Theo thứ tự (1), (2), (3), ... căn cứ vào trình tự xuất hiện trong bài viết.
4. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
5. Bài viết gửi qua email của Tạp chí. Toà soạn không trả lại bản thảo.
6. Bài viết nào có ảnh thì xin gửi kèm theo file ảnh bên ngoài.